

OSHO

BUDDHA

His Life and
Teachings

*Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sinh
Đều trọn thành Phật đạo*

Son Hồ, Florida

OSHO

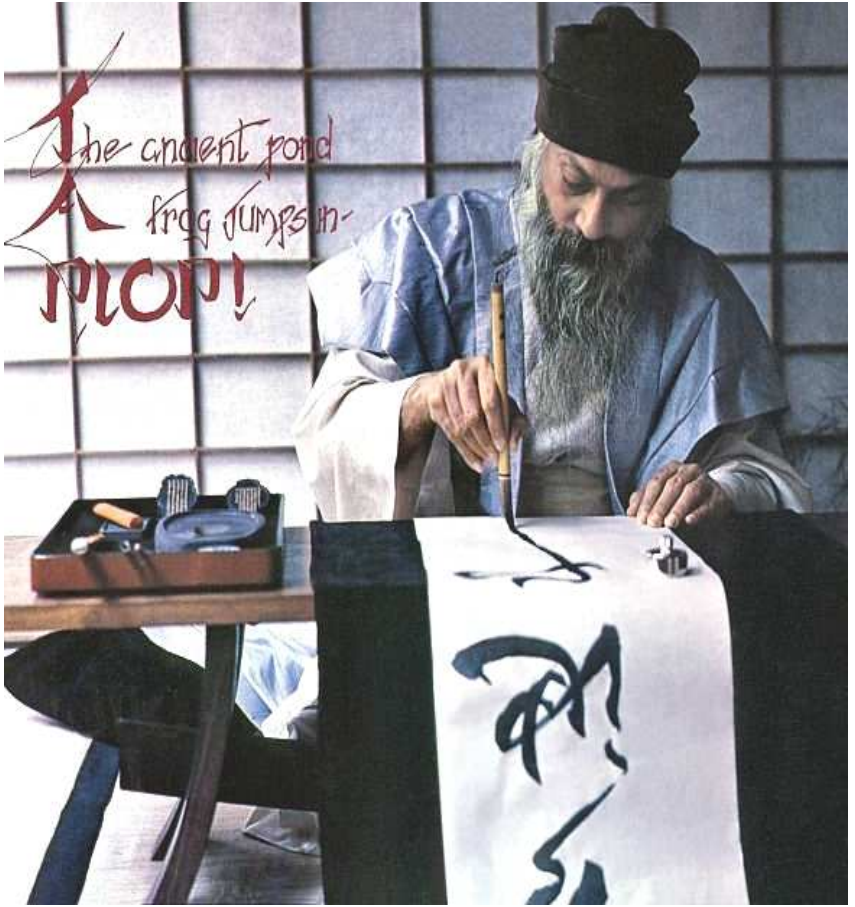
**Đức Phật
và
Phật Pháp**

Chuyển Ngữ: Vạn Sơn

2006

Mục Lục

Dẫn	1
Phần một - Giáng sinh của vua	19
Đức Phật đã đến	20
Trưởng thành	34
Giác ngộ tại Bồ Đề Đạo Tràng	40
Phần hai - Cuộc đời của Đức Phật	49
Tìm Đạo	50
Thuyết pháp trong im lặng	61
Chiến sĩ của tình thương	79
Thầy thuốc tâm linh	88
Thí nghiệm cuối cùng	97
Phần ba - Phật pháp	103
Tôi nghe như vậy	104
Tiểu Thừa, Đại Thừa	107
Chân như	113
Trung đạo	124
Chánh định	131
Phủ định pháp	143
Tôn giáo phi tôn giáo	157
Tắt ngọn nến	187
Về Osho	195



OSHO

Dẫn

Tên của Đức Phật là Tất Đạt Đa (Siddhartha). Cồ Đàm (Gautam) là tên họ của Ngài. Cho nên tên thật của Ngài là Cồ Đàm Tất Đạt Đa (Gautam Siddhartha). Phật không phải là tên của Ngài; đó là sự tỉnh thức của Ngài. Phật chỉ có nghĩa là “người đã tỉnh thức.” Đức Phật là người giác ngộ nổi tiếng nhất, nhưng không có nghĩa là người duy nhất đã giác ngộ. Trước và sau Ngài đã có rất nhiều người đã giác ngộ - bởi vì mọi chúng sinh tất cả đều trở thành Phật, và trong tương lai sẽ có nhiều vị Phật sẽ xuất hiện. Người nào cũng có khả năng ấy... vấn đề chỉ là thời gian. Ngày nào đó, sau khi phải ngậm đắng nuốt cay vì thực tế bên ngoài, bị bắt mất vì đã xoay xử đủ kiểu nhưng vẫn không hài lòng, nhất định bạn sẽ quay trở về bên trong.

Từ Phật (buddha) có nghĩa là “*sự thông minh đã được đánh thức.*” Từ *bồ đề* (*buddhi*), nghĩa là thông minh, cũng thuộc cùng một gốc. Từ gốc *budh* có nhiều khía cạnh khác nhau mà không một ngôn ngữ nào có thể dịch được một cách trọn vẹn. Từ *budh* ấy, với rất nhiều ý nghĩa, không thể có trong bất cứ ngôn ngữ nào khác. *budh* có ít nhất là năm nghĩa.

Nghĩa thứ nhất là thức tỉnh, tự đánh thức chính mình, và đánh thức người khác, tỉnh thức. Hiểu theo nghĩa thường, nó đối lập với ngủ, ngược lại sự điên đảo của mộng tưởng mà từ đó đáng giác ngộ

tỉnh dậy, như thể tỉnh dậy từ một giấc mơ. Đó là ý nghĩa thứ nhất của trí tuệ, budh – làm cho bạn thức tỉnh.

Bình thường mọi người đều say ngủ. Ngay cả khi bạn nghĩ bạn đang tỉnh, bạn cũng không tỉnh đâu. Khi đi trên đường, bạn hoàn toàn tỉnh thức – đối với tâm trí bạn. Nhưng từ cái nhìn của một vị Phật, bạn đang ngủ say, bởi vì cả ngàn lẻ một giấc mơ và ý nghĩ đang vật lộn bên trong. Ngọn đèn nội tâm của bạn mờ tỏ theo từng cơn mộng. Phải rồi, mắt bạn mở thao láo, nhưng nhiều người có thể đi trong lúc mơ, trong khi ngủ, mà mắt vẫn mở. Và Phật nói bạn cũng đang đi trong giấc ngủ - với mắt mở.

Nhưng con mắt tâm linh thì khép kín. Bạn vẫn chưa biết bạn là ai. Bạn không nhìn vào bản thể của mình. Bạn không tỉnh thức. Một tâm trí đầy rẫy ý tưởng thì không tỉnh thức, không thể tỉnh thức được. Khi nó đã loại bỏ mọi ý nghĩ và suy tư, không còn bị mây che kín - để cho mặt trời chiếu sáng rực rỡ, và bầu trời hoàn toàn trong suốt – đó là tâm trí có trí huệ; đó là tâm trí đã tỉnh thức.

Thông minh là khả năng ở lại trong hiện tại. Càng bị lôi về quá khứ, hoặc càng bị kéo về tương lai, bạn càng kém thông minh. Thông minh là cái khả năng ở đây và ngay bây giờ, ngay trong khoảnh khắc này và không ở đâu khác. Được như thế bạn mới tỉnh thức.

Chẳng hạn, bạn đang ngồi trong nhà và nhà bỗng nhiên nhà bốc cháy; bạn đang trong nguy

hiêm. Trong khoảnh khắc đó bạn sẽ thức tỉnh hoàn toàn.



Từ trời Đâu-suất, Bồ-tát được Phạm thiên và Tứ Thiên vương mời giảng thuyết.

Trong khoảnh khắc đó bạn sẽ không nghĩ ngợi gì cả. Trong khoảnh khắc đó bạn quên hẳn quá khứ. Trong khoảnh khắc đó ký ức tâm lý không còn la hét bên trong - rằng bạn đã yêu một người phụ nữ ba mươi năm trước đây, và chúa ơi, thật là thơ

mộng! Hay, ngày hôm nọ bạn mới ăn nhà hàng Tàu, và hương vị vẫn còn phảng phất đâu đây, mùi hương thơm cùng mùi bánh nướng vẫn còn nồng. Bạn sẽ bỏ rơi những ý nghĩ đó. Không, khi nhà bạn bị cháy, bạn không thể còn những ý nghĩ như thế nữa. Bỗng nhiên bạn sẽ xô về khoảnh khắc này: ngôi nhà đang bốc cháy và cuộc sống của bạn đang nguy hiểm. Bạn sẽ không mơ về tương lai, về điều gì bạn định làm ngày mai. Ngày mai chẳng còn giá trị gì, hôm qua chẳng còn liên quan, ngay cả hôm nay cũng chẳng còn quan trọng nữa! - chỉ có khoảnh khắc này, ngay lúc này. Đó là ý nghĩa thứ nhất của *budh*, thông minh.

Và đó một nhận thức lớn. Một người muốn thực sự thức tỉnh, muốn thực sự thành Phật thì phải sống từng khoảnh khắc một cách mãnh liệt như vậy. Còn bạn thì mấy khi phải sống trong nguy hiểm như vậy.

Nghĩa thứ nhất là đối lập với ngủ. Và đương nhiên là bạn có thể chỉ thấy được thực tại khi bạn không ngủ. Bạn có thể đối mặt với nó, bạn có thể nhìn thẳng vào mặt của chân lý - hay gọi nó là Thượng Đế - chỉ khi bạn thức tỉnh. Bạn có hiểu sống một cách mãnh liệt, khi toàn thể con người bạn bùng cháy là gì không? Hoàn toàn thức tỉnh thì có thông minh. Thông minh đó đem lại tự do, thông minh đó đem lại chân lý.

Nghĩa thứ hai của *budh* là nhận ra - trở nên nhận biết về, quen biết với, chú ý tới, để ý tới. Và vị Phật là một người như vậy, người đã nhận ra cái giả là giả, và có đôi mắt mở to để thấy cái thật là thật. Thấy cái giả là giả là bước đầu để hiểu biết

chân lý là gì. Chỉ khi thấy cái giả là giả, bạn mới có thể hiểu chân lý là gì. Bạn không thể tiếp tục sống trong ảo tưởng, không thể tiếp tục sống trong tín ngưỡng của mình, không thể tiếp tục sống trong định kiến của mình nếu bạn muốn biết chân lý. Cái giả phải được nhận ra là giả.

Đó là ý nghĩa thứ hai của budh - nhận ra cái giả là giả, cái sai là sai.

Chẳng hạn, bạn đã tin vào Thượng Đế; bạn được sinh ra là người đạo Chúa hay Ấn giáo, hay Hồi giáo. Bạn đã được dạy rằng có Thượng Đế, bạn phải kính sợ Ngài - rằng nếu không tin, bạn sẽ đau khổ, rằng bạn sẽ bị trừng phạt, rằng Ngài rất hung dữ, rằng Ngài sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho bạn. Chúa của người Do Thái nói, “Ta là một thiên chúa rất ghen tị. Chỉ được tôn thờ ta mà không được tôn thờ bất kỳ ai khác!” Chúa của người Hồi giáo cũng nói cùng điều đó: “Chỉ có một Chúa, và không có Chúa nào khác; và chỉ có một tiên tri là Mohammed - và không có tiên tri nào khác.”

Sự nhồi sọ này có thể ăn sâu đến mức nó vẫn còn lớn vồn ngay cả khi bạn không còn tin vào Thượng Đế nữa.

Bạn đã được điều kiện để tin vào Thượng Đế, và bạn đã tin. Đây là một tín ngưỡng. Dù Thượng Đế hiện hữu hay không cũng chẳng liên quan gì tới tín ngưỡng của bạn. Chân lý chẳng liên quan gì với tín ngưỡng của bạn cả. Dù bạn có tin hay không cũng chẳng có gì khác biệt đối với chân lý. Nhưng nếu tin vào Thượng Đế, bạn sẽ thấy - ít nhất thì cũng nghĩ - rằng bạn thấy Ngài. Nếu không tin vào

Thượng Đế, sự không tin đó sẽ ngăn cản không cho bạn biết. Mọi tín ngưỡng đều cản trở, bởi vì chúng trở thành định kiến của bạn, chúng trở thành một chướng ngại - mà Phật gọi là *avarnas*.



Ngày *Sirimahamaya*, Hoàng hậu Maha Ma-da, mẹ của Đức Phật, thụ thai. Bà mộng thấy một voi trắng, từ núi vàng bạc, mang một hoa sen đến dâng cho bà.

Người thông minh không tin bất kỳ điều gì, và cũng chẳng không tin bất kỳ điều gì. Ông ta rộng mở để sẵn sàng chấp nhận mọi kết quả. Nếu Thượng Đế hiện hữu, người đó sẽ nhận ra - nhưng không dựa theo tín ngưỡng của mình; người đó không có tín ngưỡng. Chân lý chỉ xuất hiện với bộ óc thông minh, không có tín ngưỡng. Khi đã tin, bạn không chừa một chỗ nào để chân lý đến với bạn. Định kiến của bạn được đặt lên bàn thờ. Bạn không thể thấy những gì đi ngược lại tín ngưỡng của mình; bạn sẽ trở nên sợ hãi, bạn sẽ trở nên lung lay, bạn sẽ run sợ. Bạn đã hy sinh quá nhiều cho tín ngưỡng của mình - quá nhiều cuộc sống, quá nhiều thời gian, quá nhiều cầu nguyện, năm lần mỗi ngày. Nếu một người đã dành năm mươi năm cho tín ngưỡng của mình, sao người đó bỗng nhiên có thể chấp nhận là không có Thượng Đế? Một người đã hiến trọn cuộc sống mình cho chủ nghĩa cộng sản, tin rằng không có Thượng Đế, làm sao người đó có thể tìm hiểu rằng Thượng Đế hiện hữu hay không? Người đó sẽ tránh né.

Tôi không bàn về việc liệu Thượng Đế hiện hữu hay không. Điều tôi đang nói là cái có liên quan tới bạn, không phải với Thượng Đế. Chỉ cần một tâm trí, một tâm trí thoáng đãng, một trí thông minh không dựa vào bất kỳ tín ngưỡng nào. Thế thì bạn giống như một tấm gương: bạn phản chiếu những cái trước mặt, bạn không bóp méo nó. Đó là ý nghĩa thứ hai của *budh*.

Người thông minh không theo cộng sản, cũng chẳng theo Kitô giáo. Người ấy không tin, cũng chẳng không tin. Điều đó không phải là thiên tính

của người ấy. Người ấy nhìn thẳng vào cuộc sống, và bất cứ điều gì xảy ra, người ấy đều sẵn sàng chấp nhận. Không có gì ngăn cản tầm mắt của người ấy; người ấy có cái nhìn thấu suốt. Chỉ số ít những người như vậy mới đạt tới chân lý.

Nghĩa thứ ba của từ gốc *budh*, thông minh, là biết, là hiểu. Phật biết những gì hiện thực. Ngài hiểu cái hiện thực, và qua sự hiểu biết Ngài thoát khỏi mọi ràng buộc – hiểu biết ở đây nghĩa là không phải do sự tích lũy tri thức. Phật không phải là người sưu tầm tri thức. Một người thông minh không quan tâm nhiều tới sự kiện và tri thức. Người thông minh quan tâm nhiều tới cách thức để hiểu. Mọi quan tâm đích thực, thực sự của người đó là để biết, không phải sưu tầm tri thức.

Sự quan tâm ấy đưa đến sự hiểu biết; tri thức chỉ cho bạn cái cảm giác hiểu biết mà không cho bạn hiểu biết thực sự. Tri thức là đồng tiền giả, nó là sự lừa dối. Nó chỉ cho bạn cái cảm giác rằng bạn hiểu, mà bạn lại chẳng biết gì cả. Bạn có thể cứ tích lũy tri thức bao nhiêu cũng được, bạn có thể cứ tích trữ, bạn có thể rất thông thạo. Bạn có thể viết sách, bạn có thể có bằng cấp, bạn có thể có bằng tiến sĩ, thạc sĩ mà vẫn cứ dốt nát như thường, vẫn cứ đần độn như ngày nào. Những bằng cấp đó không làm thay đổi bạn; chúng *không thể* thay đổi bạn được. Thực ra, cái ngu của bạn còn trở nên mạnh hơn... vì nó có thêm cả bằng cấp nữa! Nó có thể tự chứng minh qua chứng chỉ. Nó không thể chứng minh được qua cuộc sống, nhưng nó có thể chứng minh qua chứng chỉ. Nó không thể chứng minh bằng cách nào khác, nhưng nó sẽ khoe bằng cấp, chứng

chỉ, sự công nhận trong xã hội. Mọi người nghĩ bạn biết, và bạn cũng nghĩ bạn biết.

Bạn có thấy điều này không? Những người được coi là biết nhiều đều là những kẻ dốt nát như bất kỳ ai, đôi khi lại còn tệ hơn nữa. Rất hiếm mà tìm ra được người thông minh trong thế giới hàn lâm, rất hiếm. Tôi đã ở trong cái thế giới hàn lâm đó, và tôi nói điều đó qua kinh nghiệm của tôi. Tôi đã từng thấy người nông dân thông minh, tôi chưa thấy các giáo sư thông minh. Tôi đã thấy tiểu phu thông minh, tôi chưa từng thấy vị giáo sư thông minh nào. Tại sao? Có gì trục trặc với những người này?

Một trục trặc rõ ràng nhất là họ phụ thuộc vào tri thức. Họ không cần trở thành người biết, nhưng họ bám vào tri thức. Họ biết một cách gián tiếp. Biết trực tiếp cần lòng dũng cảm. Chỉ một số nhỏ những người phiêu lưu mới dám biết trực tiếp; những người này không chọn đường cái quan của đám đông, mà phạt một lối đi nhỏ hẹp trong rừng rậm nơi chưa có một dấu chân. Nguy cơ là họ có thể bị lạc. Cái giá phải trả rất cao.

Khi bạn có thể biết cách gián tiếp thì việc gì phải bận tâm? Bạn chỉ cần ngồi trong sa lông. Bạn có thể tới thư viện, hay tới đại học để thể thu thập sự kiện. Bạn có thể sưu tập một khối sự kiện mà tiêu hoá. Ký ức bạn mỗi ngày một lớn hơn vì tri thức, nhưng thông minh của bạn lại không tăng hơn. Nhiều khi bạn không biết nhiều, không thật am tường lắm thì bạn sẽ lại thông minh.

Tôi đã từng nghe...

Một phụ nữ mua một hộp trái cây nhưng không biết cách nào mở được. Vì không biết cách mở nên bà ấy chạy đi tìm sách dạy nấu ăn. Trong lúc bà ấy loay hoay tìm số trang và tham khảo thì người làm công đã mở xong.

Bà ấy hỏi, “Nhưng sao anh biết cách mở?”

Người ấy trả lời, “Thưa bà, nếu bà mù chữ thì bà phải dùng cái trí của mình.”

Đúng đấy, xưa nay vẫn vậy. Đó là lý do tại sao nông dân, người làm vườn, tiểu phu lại thông minh hơn; họ có một sự tươi tắn nào đó. Họ không thể đọc được nên phải dùng tâm trí của mình. Người ta phải sống và phải vận dụng tâm trí của mình.

Nghĩa thứ ba của budh là biết, theo nghĩa của sự hiểu biết.

Phật đã thấy chân như. Ngài hiểu cái hiện thực, và chính nhờ sự hiểu biết đó mà Ngài tìm được giải thoát.

Nghĩa là gì vậy? Nghĩa là bạn sợ. Nếu muốn hết sợ, bạn phải hiểu rõ sợ là gì. Nhưng nếu bạn tự lừa dối mình rằng bạn chẳng biết sợ là gì... Nếu sợ hãi bên trong, bạn sẽ phải tạo ra cái vẻ mạnh mẽ bên ngoài, giống như lớp vỏ cứng, để không ai biết rằng bạn đang sợ. Và không phải chỉ có vậy thôi - bạn cũng sẽ không biết rằng bạn đang sợ bởi vì cái vỏ cứng đó. Nó sẽ bảo vệ bạn khỏi người khác, nó sẽ bảo vệ bạn để chính bạn cũng không biết nữa.



Rằm tháng tư năm 625, trước Tây lịch, Đức Phật ra đời tại vườn Lâm-tì-ni. Sau khi chào đời Ngài bước bảy bước, mỗi bước có hiện ra một hoa sen để đỡ chân Ngài. Ngài tuyên bố là Ngài là người đáng tôn thờ nhất.

Một người thông minh không lẩn tránh bất kỳ sự kiện nào. Nếu đây là nỗi sợ, người ấy sẽ đi tìm ra cho bằng được - bởi vì lổi ra là sự hiểu biết. Nếu cảm thấy sợ và run rẩy, người đó sẽ gạt mọi thứ

sang bên: trước hết nỗi sợ này phải được trải qua. Người đó sẽ xông thẳng vào và cố gắng để hiểu. Người đó sẽ không cố gắng để *không* sợ; người ấy sẽ không hỏi câu hỏi đó. Người ấy sẽ chỉ hỏi một câu hỏi: “Nỗi sợ này là gì? Nó có thực, nó là một phần của ta, nó là thực tại của ta. Ta phải trải qua; ta phải hiểu nó. Nếu ta không hiểu nó thì có một phần của ta mà ta không bao giờ biết. Và nếu ta cứ tránh né không chịu hiểu các bộ phận, sao ta có thể hiểu ta được? Vậy thì ta sẽ không hiểu nỗi sợ, ta sẽ không hiểu cái chết, ta sẽ không hiểu giận dữ, ta sẽ không hiểu hận thù, ta sẽ không hiểu ghen tị và những tật xấu khác...” Thế thì làm sao bạn hiểu được chính mình?

Tất cả những cái đó là bạn đây! Đây là bản thể của bạn. Bạn phải mở toang mọi cánh cửa ấy, mọi xó xỉnh và góc ngách. Bạn phải tìm hiểu nỗi sợ. Dù có đang run rẩy thì cũng chẳng có gì phải lo âu: cứ run rẩy nhưng hãy xông vào. Run rẩy còn tốt hơn nhiều so với chạy trốn. Bởi vì khi bạn chạy trốn, cái phần đó sẽ vẫn còn là phần mà bạn không biết. Và bạn sẽ ngày càng trở nên sợ hãi hơn không dám nhìn thẳng vào nó, bởi vì nó ngày càng lớn hơn. Nó sẽ ngày càng lớn mãi nếu bạn không đi vào ngay bây giờ, ngay khoảnh khắc này. Ngày mai nó sẽ sống thêm hai mươi bốn giờ nữa. Hãy coi chừng! Nó sẽ bắt rễ sâu hơn nữa; tán lá của nó sẽ lớn hơn; nó sẽ cứng cáp hơn; và thế thì nó sẽ khó khắc phục hơn. Tốt hơn cả là đi vào ngay bây giờ, thế cũng đã là muộn rồi.

Và nếu bạn đi vào mà quan sát nó... Và quan sát nghĩa là không có định kiến. Quan sát nghĩa là bạn

không lên án nỗi sợ là xấu ngay từ đầu. Ai mà biết được? Nó không đến nỗi tệ. Ai biết nó là gì? Nhà thám hiểm phải chào đón tất cả những gì có thể xảy ra; người ấy không thể có một tâm trí khép kín. Một tâm trí khép kín và sự thám hiểm không thể đi đôi với nhau. Người đó sẽ xông vào. Nếu nó đem tới đau khổ và đau đớn, người đó sẽ chịu đựng nỗi đau đó nhưng vẫn cứ đi vào. Run rẩy, ngần ngại, nhưng sẽ đi thẳng vào: “Đây là lãnh thổ của tôi, tôi phải biết nó là gì. Biết đâu nó lại có một kho báu nào đó thì sao? Hay là nỗi sợ nằm đó để bảo vệ kho báu này chăng?”

Đó là kinh nghiệm của tôi, đó là hiểu biết của tôi. Nếu đi sâu vào trong nỗi sợ của mình, bạn sẽ tìm thấy tình yêu. Đó là lý do tại sao khi bạn đang yêu, nỗi sợ biến mất. Và khi sợ thì bạn không thể yêu được. Điều này nghĩa là gì? Một bài toán đơn giản - sợ và yêu không hiện diện cùng một lúc. Điều đó nghĩa là năng lượng mang tới tình yêu đã trở thành nỗi sợ; thế thì chẳng còn gì sót lại để trở thành tình yêu. Nếu nó biến thành tình yêu thì chẳng còn chỗ nào cho nỗi sợ.

Hãy đi vào trong nỗi sợ. Hãy đi vào trong đó thì bạn sẽ thấy một kho báu lớn. Ẩn đằng sau nỗi sợ là tình yêu; ẩn đằng sau giận dữ là từ bi, và ẩn đằng sau dục là đại định.

Hãy đi vào trong từng điều tiêu cực, bạn sẽ thấy điều tích cực. Và khi biết cái tiêu cực và cái tích cực thì cái thứ ba, điều tối thượng xảy ra - sự siêu việt. Đó là ý nghĩa của budh, sự hiểu biết, sự thông minh.

Và nghĩa thứ tư là được chứng ngộ và chứng ngộ. Phật là ánh sáng, Ngài đã trở thành ánh sáng. Và vì Ngài là ánh sáng và Ngài đã trở thành ánh sáng, nên một cách tự nhiên và hiển nhiên là Ngài tỏa ánh sáng tới người khác. Ngài là sự sáng. Bóng tối của Ngài đã biến mất, ngọn lửa bên trong của Ngài đang bùng cháy chói lọi. Ngọn lửa của Ngài không có khói. Ý nghĩa này đối nghịch với bóng tối, và sự mù quáng cùng dốt nát. Đây là ý nghĩa thứ tư: trở thành ánh sáng, trở thành chứng ngộ.

Bình thường bạn là bóng tối, một lục địa của bóng tối, lục địa đen tối, chưa được khám phá. Con người là một điều hơi kỳ lạ: con người đi thám hiểm Hi Mã, thám hiểm Thái bình dương, tìm tới mặt trăng và Hỏa tinh; chỉ có mỗi một điều mà con người chưa hề thử là thám hiểm bản thể bên trong của mình. Con người đã đáp xuống mặt trăng, mà chưa hề đáp xuống bản thể của riêng mình. Điều này thực là lạ. Có thể việc đáp xuống mặt trăng chỉ là một sự trốn thoát; đi lên đỉnh Hi Mã chỉ là một sự chạy trốn. Có thể bạn không muốn đi vào bên trong bởi vì bạn rất sợ. Bạn thay thế nó bằng những thám hiểm nào đó khác để cảm thấy thoải mái. Nếu không thì bạn sẽ cảm thấy rất tội lỗi. Bạn leo núi và cảm thấy thoải mái, còn đỉnh núi cao nhất nằm bên trong thì vẫn chưa được mò đến. Bạn lặn sâu xuống Thái Bình dương, còn cái Thái Bình dương lớn nhất ở bên trong thì vẫn chưa được thám hiểm, chưa có sơ đồ. Và bạn bay lên mặt trăng - thật là điên độn làm sao! Bạn lãng phí năng lượng của mình vào việc lên mặt trăng, còn mặt trăng thực lại ở bên trong bạn - bởi vì ánh sáng thực là ở bên trong bạn.

Người thông minh sẽ đi vào trong trước. Trước khi đi bất kỳ nơi nào khác người ấy sẽ đi vào trong bản thể riêng của mình. Đó là việc đầu tiên, và nó phải có ưu tiên hàng đầu. Chỉ sau khi đã biết chính mình, bạn mới đi nơi khác. Thế thì bất kỳ nơi nào tới, bạn cũng sẽ mang theo niềm phúc lạc quanh mình, sự an bình, sự im lặng, niềm hoan lạc.

Nghĩa thứ tư là được chứng ngộ. Thông minh là tia lửa. Nếu được giúp đỡ, nếu được hợp tác, nó sẽ trở thành ngọn lửa, ánh sáng, và hơi ấm. Nó có thể trở thành ánh sáng, nó có thể trở thành cuộc sống, nó có thể trở thành tình yêu: tất cả những điều ấy được gói ghém trong từ chứng ngộ. Một người chứng ngộ không có xó xỉnh nào tối tăm trong bản thể mình. Tất cả đều giống như buổi sáng - mặt trời mới hiện lên; bóng tối của đêm đen và sự buồn thảm của đêm đen đã biến mất, và cái bóng của ban đêm đã biến mất. Trái đất lại bừng tỉnh. Trở thành Phật là đạt tới buổi sáng, bình minh bên trong bạn. Đó là chức năng của trí tuệ, chức năng tối thượng.

Và nghĩa thứ năm của *budh* là thăm dò. Bạn có một vực sâu bên trong, một vực sâu không đáy cần phải được thăm dò. Nghĩa thứ năm của *budh* cũng có thể là đắm vào, là loại bỏ mọi chướng ngại và đắm thẳng vào chính cốt lõi bản thể của mình.

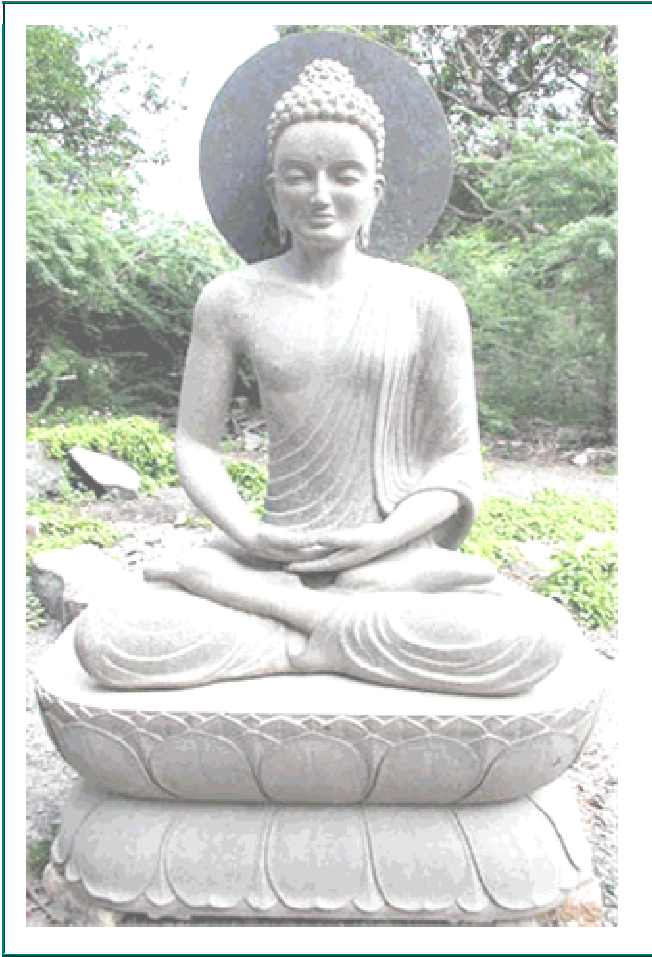
Người ta cố gắng đắm vào mọi thứ trong cuộc sống. Sự thôi thúc, sự ham muốn mãnh liệt của bạn về dục chẳng qua là một loại đắm thủng. Nhưng đây là đắm vào người khác. Sự đắm thủng tương tự đó phải xảy ra bên trong bản thể riêng của bạn: bạn phải đắm vào chính mình. Nếu bạn đắm vào người khác, bạn có thể thấy được lờ mờ tạm thời. Nhưng

nếu bạn đắm vào bản thể mình, bạn có thể đạt được khoái cảm tốt đỉnh; và khoái cảm ấy rộng lớn như vũ trụ, và nó kéo dài vô tận.

Đàn ông gặp gỡ đàn bà bên ngoài, và đàn bà gặp gỡ đàn ông bên ngoài: đây là sự gặp gỡ rất phiếm diện - có ý nghĩa đấy, có đem lại những khoảnh khắc vui sướng đấy. Khi người đàn bà bên trong gặp người đàn ông bên trong... Và bạn đang mang cả hai bên trong mình: một phần của bạn là nữ tính, một phần là nam tính. Dù là đàn ông hay đàn bà thì cũng chẳng có gì khác; mọi người đều là lưỡng dục.

Nghĩa thứ năm của từ gốc budh là sự đắm thũng. Khi người nam bên trong của bạn đắm vào người nữ bên trong của bạn thì có sự gặp gỡ; bạn trở thành toàn thể, bạn trở nên một. Và thế thì mọi ham muốn bên ngoài đều biến mất. Sự mất ham muốn đó là giải thoát, là niết bàn.

Đạo của Phật là đạo của trí tuệ. Nó không phải là con đường của tình cảm, không, không phải chút nào. Không phải là những người tình cảm không thể đạt tới; có những con đường khác cho họ - con đường của hiến dâng, Bhakti Yoga. Con đường của Phật gọi là Gyan Yoga - con đường của trí tuệ. Con đường của Phật là con đường của thiền, không phải của tình yêu.



Trí tuệ phải được dùng tới, không bỏ được; nó phải được vượt lên, không thể bỏ được. Và nó có thể được siêu việt lên chỉ khi bạn đã đạt tới bậc thang cao nhất của chiếc thang. Trí tuệ của bạn phải tiếp tục tăng trưởng. Tới một lúc nào đó thì trí tuệ đã làm tất cả những cái nó có thể làm được. Trong

khoảnh khắc đó hãy già từ trí tuệ. Nó đã giúp bạn trên con đường dài, nó đã đem bạn đi khá xa, nó đã là một phương tiện tốt. Nó là chiếc thuyền đưa bạn qua sông: bạn đã tới bờ bên kia, thế rồi bạn phải bỏ nó lại đằng sau. Bạn không cần phải đội chiếc thuyền ấy trên đầu nữa. Làm thế thì ngu vô cùng.

Con đường của Phật đi qua trí tuệ, nhưng phải vượt qua ngoài nó. Tới một lúc khi trí tuệ đã cho bạn tất cả những gì nó có thể cho được, nó không còn cần thiết nữa. Cuối cùng bạn cũng phải loại bỏ nó, nhiệm vụ của nó chấm dứt. Bệnh đã hết thì thuốc cũng phải liệng đi. Và khi thoát được cả bệnh lẫn thuốc, bạn mới thực sự tự do. Nhiều khi là bệnh đã hết mà lại thuốc thì lại ghiền. Đây không phải là tự do.

Cái gai đâm vào chân làm bạn đau nhói. Bạn lấy một cái gai khác để nạy cái gai trong chân mình ra. Khi đã lấy cái gai đó ra rồi, bạn vất cả hai cái đi; bạn không giữ lại cái gai đã giúp bạn. Bây giờ nó thành vô dụng.

Nhiệm vụ của trí tuệ là để giúp bạn nhận ra bản thể của mình. Một khi việc đó đã thành tựu và bản thể của mình đã được nhận ra, bạn không cần đến phương tiện nữa. Bạn có thể tạm biệt, bạn có thể cám ơn.

Con đường của Phật là con đường của thông minh, thuần khiết thông minh, nhưng đi xa bên ngoài thông minh.

Phần một

Giáng sinh của vua

Những chuyện về đời của Đức Phật phải được hiểu với một tình cảm sâu sắc, bằng trực giác cao độ, với tình yêu, với thi ca. Nếu hiểu bằng logic, bạn sẽ phá huỷ tất cả.

Đức Phật đã đến

Người nào cũng được sinh ra để thành Phật. Hạt giống bồ đề đều có trong mọi chúng sinh. Nếu nhìn vào người thế, có thể bạn sẽ không thấy như vậy. Bởi vì nếu đúng như thế, tất sẽ có rất nhiều Phật – nhưng chẳng mấy khi một vị xuất hiện. Chúng ta chỉ biết rằng ở đâu đó, cách đây hai mươi năm thế kỷ, một vị nào đó tên là Cồ Đàm Tất Đạt Đa trở thành Phật. Không ai biết chuyện đó đúng hay không. Có thể đó là một chuyện thần thoại, một chuyện hay, một sự an ủi, một liều thuốc giúp cho dân chúng hy vọng rằng ngày nào đó họ cũng sẽ thành Phật. Ai mà biết được Đức Phật có phải là một nhân vật lịch sử hay không?

Rất nhiều huyền thoại đã được dựng lên chung quanh Đức Phật; Ngài có vẻ là một nhân vật thần thoại hơn là lịch sử. Lúc Ngài thành đạo, thần thánh từ trời xuống ca hát và nhảy múa để mừng Ngài. Sử sách nào có thể ghi lại chuyện đó được? Hoa quý đủ loại từ trời rơi xuống như mưa lên Ngài – vàng có, bạc có, kim cương có, cẩm thạch cũng có. Ai có thể tin được đó là sự thật lịch sử?

Chuyện ấy không thực lịch sử. Đúng. Tôi đồng ý. Đó là thi ca. Nhưng nó muốn nói lên một sự thật nào đó, bởi vì sự giác ngộ Đức Phật là một hiện tượng độc đáo mà chỉ có thi ca mới có thể diễn tả được. Hoa không mưa lên Ngài, nhưng khi một người giác ngộ thì cả vũ trụ vui mừng – bởi vì

chúng ta không tách biệt. Khi bạn nhức đầu, khắp châu thân đều đau nhức, và khi đầu hết nhức, từng tế bào đều thoải mái, khỏe khoắn. Chúng ta không tách biệt khỏi cái tồn tại. Trừ khi thành Phật, bạn vẫn còn nhức đầu – bạn gây ra cho chính mình, cho người khác, cho cái tồn tại. Bạn là cái gai trong thớ thịt của cái tồn tại. Khi không còn nhức đầu, khi gai đã trở thành hoa, khi một người thành Phật, thì cơn đau dài mà người ấy tạo ra cho mình và người khác đã biến mất. Đúng như vậy. Tôi có thể làm chứng cho điều đó. Cả vũ trụ vui mừng, nhảy múa, ca hát. Nhưng diễn tả cách nào đây? Mắt thường không thấy được; phim ảnh không chụp được. Cho nên phải dùng thi ca, ngụ ngôn, biểu tượng.

Tương truyền mẹ của Đức Phật chết ngay lúc Ngài mới sinh. Chuyện đó có thể có thật, có thể không. Nhưng theo tôi thì đó không phải là dữ kiện lịch sử, bởi vì người ta thường nói rằng khi một vị Phật sinh ra, mẹ của Ngài chết ngay tức thì, mà điều đó không hoàn toàn đúng. Đã có nhiều vị Phật, nhưng mẹ của Chúa Giê-Su không chết, mẹ của Mahavira không chết, mẹ của Krishna cũng không chết. Có thể mẹ của Đức



Hoàng hậu Maha Ma-da,
thân mẫu của Đức Phật.

Phật chết khi Ngài mới sinh ra, nhưng không thể nói rằng mỗi khi một vị Phật sinh ra, mẹ của ngài phải chết thì không phải sự thật lịch sử.

Nhưng tôi biết chuyện ấy có một ý nghĩa quan trọng, mặc dù không phải lịch sử. “Mẹ” trong chuyện ấy không phải là mẹ bằng xương bằng thịt, mà là quá khứ của bạn. Bạn được tái sinh khi bạn thành Phật; quá khứ của bạn là tử cung, là người mẹ. Tại khoảnh khắc mà bạn sinh ra, thời điểm mà bạn thành đạo, quá khứ của bạn không còn nữa. Cái chết ấy buộc phải xảy ra. Điều đó đúng hoàn toàn. Nó đã xảy ra với Chúa, với Mahavira, với Krishna, xưa nay đều như vậy cả. Đó là ý nghĩa của chuyện mẹ của một vị Phật chết ngay khi Ngài sinh ra. Bạn phải có thiện cảm để hiểu chuyện đó.

Tôi hiểu được nỗi khó khăn trong việc thành Chúa, thành Phật của đám đông. Nhìn vào hạt giống, bạn có thể tin rằng ngày nào đó nó sẽ trở thành sen không? Nếu chỉ nhìn vào, hay摸摸 hạt giống đó, bạn có thể kết luận rằng nó sẽ thành sen không? Xem ra chẳng có một liên hệ nào cả. Nếu cắt ra mà xem, bạn chẳng thấy gì cả. Vậy mà mỗi hạt giống đều có sen ẩn ở đó. Mỗi chúng sinh đều có sẵn hạt giống bồ đề bên trong.

Khi Đức Phật mới sinh ra, tương truyền rằng một vị thông thái, tuổi đã hơn một trăm, từ trên đỉnh Hi Mã Lạp Sơn vội tìm đến thăm. Tên của ngài là Kaladevila. Các đệ tử của ngài hỏi, “Thầy đi đâu vậy?” Ngài không đi mà chạy. Mấy khi mà họ thấy ngài đi bởi vì tuổi đã cao. Ngài chẳng để ý đến họ bởi vì chẳng có thời gian; ngài chỉ nói với họ, “Không có thời gian để trả lời.”



Hoàng tử sơ sinh hiện ra trên đầu vị ẩn sĩ Kaladevila. Vua Tịnh-phạn, cha của Ngài, và dòng họ Thích-ca, đánh lễ với Ngài.

Các đệ tử theo ngài xuống đồng bằng. Nơi Đức Phật sinh ra gần Hi Mã Lạp Sơn, nằm giữa biên giới Ấn và Nepal. Vị thông thái ấy đến thẳng kinh đô. Vua, cha của Đức Phật, không thể ngờ chuyện ấy, bởi vì vị này có đi đâu bao giờ. Năm mươi năm qua ông ấy tu trong động. Vua không thể tin được

mắt mình. Vua cúi chào ông ấy rồi hỏi, “Tại sao Ngài đến đây? Có chuyện gì không?”

Vị ấy nói, “Tôi không có nhiều thời gian, bởi vì thần chết đã đến gần nên tôi phải chạy. Hoàng tử đâu rồi? Tôi đến để ra mắt Ngài.”

Đức Phật mới được một ngày. Lúc Ngài sinh ra, vị thông thái kia chạy như bay. Phải mất cả ngày đường mới đến nơi. Vua không thể tin được chuyện ấy, bởi vì vị này rất nổi tiếng. Ông ấy là thầy của các đạo sư. Thế mà ông ấy tìm gặp hài nhi này làm gì chứ?

Hài nhi ấy được trao cho ông già ấy, tuổi đã một trăm hai mươi rồi. Ông ấy hôn lên chân Đức Phật và khóc nức nở. Vua và hoàng hậu đều sững sốt. “Sao ông ấy lại khóc? Có vấn đề gì chăng?” Họ hỏi ông ấy, “Sao Ngài khóc? Con tôi có sống được không? Nó có mệnh hệ gì không? Xin hãy nói cho chúng tôi nghe. Sao Ngài lại khóc?”

Ông ấy nói, “Không, tôi khóc không phải vì sẽ có tai ương. Tôi sung sướng mà khóc vì tôi đã thấy tận mắt, và tôi cũng khóc vì tôi không thể sống để thấy được sự thành đạo của hoàng tử. Tôi chỉ thấy Ngài trong nụ, nhưng như thế kể cũng quá đủ. Tôi khóc vì sung sướng, bởi vì một vị Phật đã giáng sinh. Tôi cũng khóc vì buồn, bởi vì tôi không thể thấy được Ngài trưởng thành; số mệnh của tôi đã sắp tàn. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ lìa trần; tôi sẽ không thể nghe được những lời dạy của Ngài, và sự hoằng pháp của Ngài. Hàng triệu người sẽ được giác ngộ vì Ngài. Ngài sẽ đưa ánh sáng lại cho thế gian. Ngài sẽ mang đến một cuộc cách mạng cho thế giới. Nhưng xin chớ bận tâm. Hãy vui lên.”

Đó là những ngụ ngôn. Những biến cố đó có thể đã không thực sự xảy ra, nhưng lịch sử không phải là cái chúng ta phải bận tâm. Chúng ta quan tâm về những điều quan trọng hơn, thiết yếu hơn, vĩnh cửu hơn. Lịch sử chỉ là một chuỗi dài của những biến cố trong thời gian. Thậm chí nếu những chuyện ấy không xảy ra, chúng cũng rất là tuyệt đẹp: một ông già một trăm hai mươi tuổi quỳ xuống mà hôn lên chân của một vị Phật mới sinh ra được một ngày. Tuổi tác không đáng kể; tình thức không có tuổi. Những nghi lễ bình thường phải bỏ qua. Một ông già sung sướng hôn chân một hài nhi mới được một ngày. Những người hiểu biết luôn luôn khóc vì sung sướng mỗi khi họ thấy những gì có giá trị bao la xảy ra trên thế giới.

Nhưng chỉ vài người có thể thấy được – ngay cả cha của Đức Phật cũng không thấy, mẹ Ngài cũng không thấy được. Chỉ những người có mắt mới nhận ra. Ba vị thông thái từ đông phương phải lặn lội hàng ngàn dặm để thăm Chúa Giê-Su, nhưng dân làng của Chúa thì mù tịt. Chúa phải theo cha mẹ bỏ Bethlehem để trốn qua Ai Cập. Và Chúa không thể đến Jerusalem. Sau ba mươi năm Ngài mới lại xuất hiện, nhưng chỉ được có ba năm. Ngài đã bị họ đóng đinh. Những người mù đã giết người dẫn đường cho họ; những kẻ điên đã giết những người lành mạnh.

Thậm chí ngay cả cha của Chúa cũng không nhận ra. Phải có ba vậy thông thái mới nhận ra được. Chỉ người nào biết tĩnh tâm, biết thiền quán mới nhận ra một vị Phật. Khi gặp một vị Phật, khó mà bạn nhận ra Ngài. Hận thù thì dễ, giận dữ cũng dễ. Sự có mặt của Ngài dễ làm cho bạn xúc phạm,

bởi vì bạn cảm thấy nhỏ bé trước sự hiện diện của Ngài. Sự có mặt của Ngài làm cho bạn cảm thấy quá trống rỗng đến nỗi bạn cảm thấy bị nhục mạ. Ngài không muốn chạm tự ái của bạn, nhưng cái tôi của bạn cảm thấy bị đụng chạm. Tâm trí của bạn sẽ tìm cách trả thù. Đó là lý do tại sao Socrates bị chết vì độc dược, Mansoor bị giết, Chúa bị đóng đinh – và đó là chuyện thường. Mỗi khi một vị Phật xuất hiện, xã hội trở nên thù địch với Ngài.

Ngay cả ở Ấn Độ, ngay ở đông phương, chuyện đó cũng xảy ra. Đức Phật sống ở Ấn Độ, hoằng pháp tại đó, đã độ cho hàng nghìn người, vậy mà Phật Giáo bị đánh bật ra khỏi Ấn Độ. Phật Giáo đã bị phá huỷ. Năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, đạo của Ngài đã bị bật rễ tại đó. Các thầy tu, các học giả, những chuyên gia của Ấn không thích ý tưởng của Phật, bởi vì nó đụng chạm quyền lợi của họ. Nếu Đức Phật đúng thì những đám ăn hại kia sai.

Nhưng phải nhớ rằng những ngụ ngôn kia phải được hiểu với một thiện cảm sâu sắc, bằng trực giác cao độ, với tình yêu, với thi ca. Nếu hiểu bằng logic, bạn sẽ phá huỷ tất cả; bạn sẽ giết nó. Đôi khi phải dùng những ngụ ngôn tuyệt đẹp ấy. Thế mà những tôn giáo, những tôn giáo của đám đông đã phá huỷ những ngụ ngôn ấy.

Tương truyền rằng mỗi lần Mohammed, giáo chủ của Hồi giáo, đi vào sa mạc, sẽ có mây che nắng trên trời. Phải ở Ả Rập Saudi mới biết thế nào là nóng. Cho nên mây che là không phải sự thật lịch sử. Mây chẳng làm việc đó. Người cũng chưa hiểu, nói chi là mây. Đó là những chuyện đời sau đặt ra. Lúc còn sinh tiền Mohammed phải trốn chui trốn

nhũi, từ làng này qua làng khác; sống với chết là câu hỏi thường xuyên. Người còn chưa hiểu, nói chi là mây. Cho nên chuyện ấy không thể xảy ra. Nhưng tôi vẫn thích nó. Đó là một ẩn dụ rất đẹp. Ý của chuyện đó là mây còn thông minh hơn cả người nữa; nó muốn nói rằng vì hiểu được cái đẹp của Mohammed nên mây phải đi ngược lại quy luật của thiên nhiên. Mỗi khi Mohammed đi đâu, dù là có gió hay không, mây sẽ tụ lại để che chở ông ấy. Chuyện ấy nói rằng sự đần độn của con người quá lớn đến độ còn thua cả mây nữa.

Chuyện cổ Phật Giáo cũng nói mỗi nơi Đức Phật đi qua, hoa sẽ nở mặc dù trái mùa, và cây đã chết sẽ hồi sinh. Thật là tuyệt đẹp. Không có ý nghĩa nào cao hơn nữa. Chuyện đó không có trong lịch sử, nhưng rất có ý nghĩa. Nó không phải là một dữ kiện, mà thuộc về chân lý.

Dữ kiện là những biến cố bình thường. Nói về dữ kiện thì anh họ của Đức Phật, tên là Đề-bà-đạt-ta (Devadatta), đã cố giết Ngài nhiều lần. Một lần kia khi Ngài đang trong đại định, Ngài bị Đề-bà-đạt-ta từ trên đỉnh đồi lăn đá xuống. Đó là dữ kiện – Đề-bà-đạt-ta muốn giết Ngài vì y không thể tin rằng Ngài đã đắc đạo. Hai người từng chơi với nhau, từng học với nhau. Vậy mà một người đắc đạo, người kia thì không.

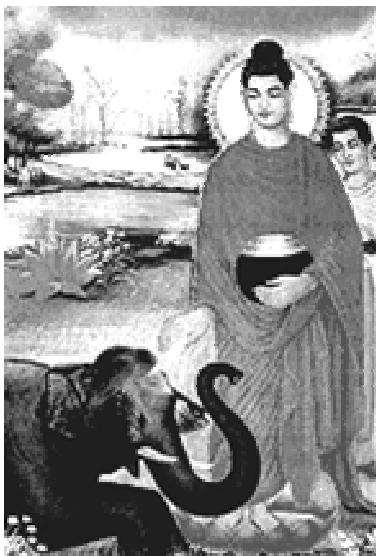


Đề-bà-đạt-ta đã tìm đủ cách hại Đức Phật trong nhiều tiền kiếp. Ông ta gây chia rẽ Tăng đoàn, và tạo thương tích nơi chân Đức Phật.

Đề-bà-đạt-ta tự tuyên bố là đã đắc đạo, mặc dù chưa. Nếu không có mặt Đức Phật, mọi người sẽ chấp nhận y là đã đắc đạo. Nhưng có Phật ở đó thì sao một người chưa ngộ đạo có thể tuyên bố là mình đã đắc đạo? Không đơn giản đâu. Cách hay nhất là giết quách Phật cho xong. Đề-bà-đạt-ta lăn đá xuống. Chuyện ấy nói rằng khi đến gần Đức Phật, hòn đá ấy lệch sang hướng khác. Nói về dữ

kiện thì sai, mà đúng về chân lý. Chân lý là một hiện tượng cao hơn dữ kiện.

Đề-bà-đạt-ta lại thả voi điên để giết Phật. Con voi điên ấy lồng lộn xông tới, nhưng khi đến gần Đức Phật, nó nhìn Ngài rồi phục xuống chân Ngài. Đề-bà-đạt-ta thả voi điên là dữ kiện. Voi phục xuống chân Phật không phải dữ kiện. Đó là ngụ ngôn, là thi ca, nhưng rất có ý nghĩa.



Một điều phải biết là thánh thư nói về chân lý. Chúng không phải là sách lịch sử. Sử nói về dữ kiện. Vì lý do ấy nên tìm trong sử bạn sẽ thấy Alexander đại đế, Hitler và đủ loại người bệnh khác. Còn Chúa, Phật, Mahavira... không nằm trong sách sử. Với các Ngài, chúng ta phải cần một cách tiếp cận khác. Cũng may là các Ngài không có trong sử, vì họ không thuộc về lịch sử; họ đến từ thế giới siêu việt; họ thuộc về bờ bên kia. Họ chỉ hữu ích cho những người sẵn sàng vươn lên và tung cánh về thế giới siêu việt.

Đức Phật sinh ra là một hoàng tử. Ngài là con một của vua một nước lớn. Ngài sinh ra khi vua cha đã rất già. Cho nên của vương quốc reo mừng. Dân chúng mong đợi đã lâu. Vua được toàn dân kính yêu. Ngài là một ông vua nhân từ và độ lượng.

Nước ấy rất là thịnh vượng với nhiều kinh thành tráng lệ.

Người người đều mong vua có người nối ngôi. Khi Phật sinh ra thì vua đã về chiều. Không ai ngờ từng ấy tuổi mà vua lại có con. Cho nên cả nước nô nức như ngày hội. Các thầy tướng số được mời đến để đoán cho Phật. Tên của Ngài, Tất Đạt Đa, nghĩa là hoàn thành, tất đạt. Ước nguyện của vua đã được hoàn thành. Cả đời vua chỉ mong người một con trai nên mới có tên là Tất Đạt Đa, nghĩa là “ước nguyện sâu kín nhất đã thành tựu.”

Hoàng nam này đã làm cho đời vua có ý nghĩa. Các thầy tướng số đều đồng ý với nhau và giơ lên hai ngón tay, ngoại trừ người trẻ nhất, tên là Kodanna, chỉ đưa ra một ngón tay.

Vua Tịnh Phạn nói, “Xin đừng ra dấu. Tôi là người ít học, không biết gì về bói toán cả. Hãy cho tôi biết hai ngón tay nghĩa là gì.”

Họ cùng nói, “Hoặc là hoàng tử sẽ là một đại đế thống trị cả thế giới, hoặc là Ngài sẽ đi tu và sẽ thành Phật. Hai ngón tay là hai trường hợp có thể xảy ra.”

Vua không muốn trường hợp thứ hai, không muốn Ngài bỏ đi tu và thành Phật. Cho nên tâm trạng rối bời. “Ai sẽ nối ngôi ta nếu nó bỏ đi tu?” Vua bèn hỏi Kodanna, “sao ông chỉ đưa có một ngón?”

Kodanna nói, “Tôi đoán chắc trăm phần trăm là hoàng tử sẽ đi tu, và Ngài sẽ đắc đạo, thành Phật.”

Vua không hài lòng với tiên đoán của Kodanna vì sự thật khó mà nuốt trôi được. Kodanna không

được tưởng thưởng gì cả. Sự thật có bao giờ được biệt đãi đâu. Mà ngược lại, có cả ngàn lẻ một cách để trừng phạt sự thật. Thật ra, thanh danh của Kodanna bị triệt hạ sau ngày đó. Vì không được vua ban thưởng, ông ấy bị cho là tên ngố. Khi các thầy nổi tiếng đoán một đàng, ai bảo ông ta đoán ngược lại?

Vua hỏi các thầy kia, “Các ông có kế gì không? Tôi phải làm gì để con tôi khỏi đi tu? Tôi không muốn nó trở thành một khất sĩ. Tôi không muốn nó làm sư. Tôi muốn nó thành một đại đế thống trị cả năm châu.” Đó là tham vọng của mọi phụ huynh. Mấy ai muốn con mình bỏ vào rừng để tìm vào nội tâm mà kiếm chân lý? Ước vọng là những cái bề ngoài, vật chất. Vua cũng chỉ là người bình thường, như mọi người khác, với cùng ham muốn, cùng tham vọng.

Các thầy tướng số nói, “Có một cách. Hay giam hoàng tử trong xa hoa, trong ngọc ngà, nhưng gắm. Đừng để Ngài biết có bệnh tật, có già, đặc biệt là có chết. Nếu không biết là sẽ phải chết, Ngài sẽ không tìm đường tu.”

Họ cũng đúng một phần, bởi vì chết là ưu tư hàng đầu. Một khi nó xuất hiện trong tim, đời bạn sẽ thay đổi hẳn. Bạn sẽ không thể tiếp tục lối sống ngốch nghếch như trước nữa. Nếu cuối cùng chết cũng hết, cuộc sống này không thể là cuộc sống thật; nó chỉ là một ảo giác. Nếu thực sự là chân lý, nó phải tồn tại mãi mãi – chỉ có giả dối mới nhất thời, thay đổi. Nếu đời này chóng qua, nhất định nó là một ảo giác, lừa dối, sai lầm; thế thì quan niệm của ta về cuộc sống có gốc từ tối tăm, ngu dốt, vô minh. Vì theo lối sống đó nên nó đi vào đường

cùng. Ta cũng có thể sống theo lối khác để ta có thể trở thành một phần của dòng chảy vĩnh cửu của hiện sinh... Chỉ có cái chết mới làm bạn thay đổi được. Cho nên các thầy tướng số mới nói, “Không để cho hoàng tử biết gì về cái chết cả.”

Vua sửa soạn tất cả. Ông ấy xây ba lâu đài cho hoàng tử, mỗi lâu đài cho mỗi mùa, trong ba nơi khác nhau; thế thì hoàng tử sẽ không biết được sự khó chịu của mỗi mùa. Hè thì Ngài ở trên đồi vì ở đó lúc nào cũng mát. Đông đến thì ở gần sông. Tất cả được tính toán để Tất Đạt Đa không cảm thấy khó chịu.

Người già không được đến gần Ngài. Cung tần mỹ nữ đẹp nhất từ khắp nơi được tuyển chọn để giữ Tất Đạt Đa trong thế giới khổ đau này. Một thế giới thần tiên đã được dựng lên cho Ngài. Ngay cả một chiếc lá khô, vàng úa cũng được tỉa đi khi trời tối. Bởi vì ai mà biết được? Nhìn thấy lá vàng Ngài sẽ tự hỏi chuyện gì đã xảy ra cho nó, và vấn đề về cái chết sẽ được đặt ra. Nhìn cánh hoa tàn, Ngài có thể hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra cho nó?” và Ngài có thể bắt đầu suy tư về cái chết.

Ngài đã bị bung bít trong hai mươi chín năm. Nhưng dấu được đến bao lâu? Chết là một hiện tượng rất quan trọng. Bạn có thể che dấu đến bao giờ? Sớm hay muộn Ngài sẽ phải va chạm với đời, bởi vì vua đã già nên con phải học cách thức ở đời. Dần dần Ngài được đưa đi đây, đi đó, nhưng mỗi nơi Ngài đi qua, người già yếu đã bị đuổi đi hết rồi. Hành khát cũng bị đuổi đi. Đạo sĩ không được phép đến những nơi Ngài sẽ đi qua, bởi vì nhìn thấy chiếc áo nhà tu Ngài có thể hỏi, “Người ấy là ai vậy? Sao người ấy lại mặc áo nâu sòng như thế?”

Chuyện gì đã xảy ra cho người ấy? Sao người ấy lại khác thường, lạnh lùng và xa lạ như thế? Ánh mắt của người ấy cũng khác, diện mạo cũng khác; sự tinh táo của người ấy có mặt phẩm chất khác thường. Chuyện gì đã xảy ra cho người ấy?” Rồi vấn đề thoát tục sẽ được đặt ra, và cuối cùng là câu hỏi nền tảng về cái chết.

Nhưng một ngày.. Chuyện gì phải đến, sẽ đến. Tất Đạt Đa một hôm phải làm lễ khai mạc ngày hội hàng năm của giới trẻ. Hôm ấy là ngày đẹp trời. Nam nữ khắp nơi trong nước tìm về để ca hát, nhảy múa thâu đêm. Ngày đầu năm ấy Tất Đạt Đa sẽ khai mạc đại hội ấy.

Trên đường đi đến vận động trường, những gì cha của Ngài không muốn Ngài thấy đều đã xảy ra tất cả.



Trưởng Thành

Chuyện ấy thật là đẹp. Tại điểm này nó trở thành thân thoại, nhưng lại có nhiều ý nghĩa.

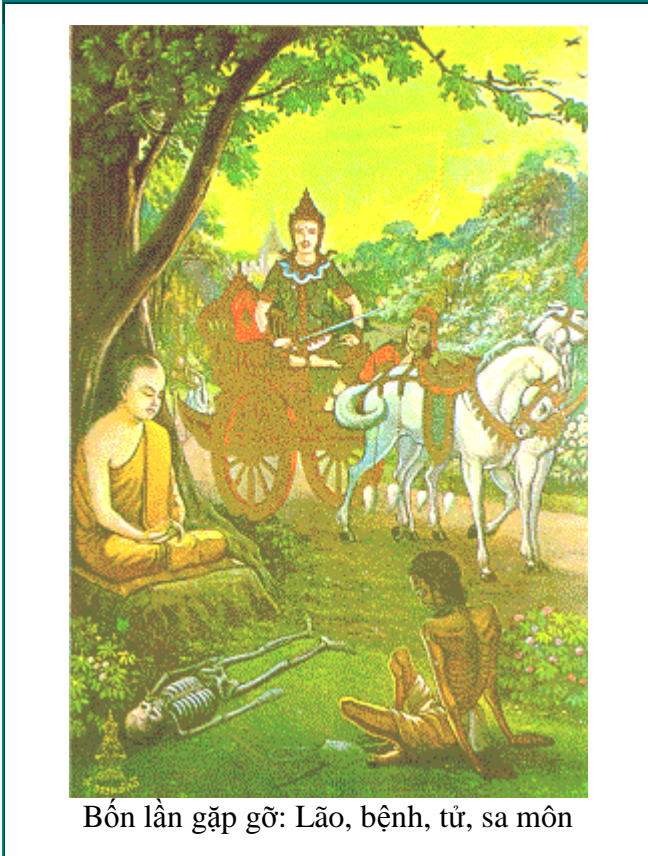
Chuyện kể rằng Indra, chúa tể của trời đất, cảm thấy khó xử vì một người có thể đắc đạo mà lại bị phân tâm nên đã quyết định phải hành động. Cái tồn tại không thể để cơ hội này qua đi. Indra đã giáng trần với một vài vị thần khác.

Đường phố đã được quân lính dọn dẹp trước khi Tất Đạt Đa đi qua nên không thể có người lai vãng. Mà chỉ thần thánh mới có thể ra vào nên thần thoại phải được đặt ra, bởi vì thần thánh vô hình nhưng có thể xuất hiện bất cứ nơi nào.

Đầu tiên là một vị thần, trong thân xác một người bệnh đang lên cơn sốt, đi qua xa giá. Nếu đường phố có đông người qua lại, rất có thể Tất Đạt Đa sẽ không trông thấy. Nhưng đường phố vắng tanh, không có xe cộ qua lại, chỉ trừ xe của Ngài. Tất Đạt Đa thấy người ấy run rẩy và hỏi người phu xe, “Chuyện gì xảy ra cho người ấy vậy?”

Người phu xe ấy bối rối vì lệnh của vua là hoàng tử không thể thấy được người bệnh. Mà ông lão này bệnh có vẻ nặng đến nỗi có thể lăn đùng ra ngay tại đó mà chết. Nhưng Indra cũng quyết không để lỡ cơ hội và đã buộc tên phu xe phải nói sự thật – “bởi vì trách nhiệm của người không phải là với nhà vua, mà là với sự thật. Đừng để lỡ dịp này bởi

vì hoàng tử sẽ đắc đạo, và người sẽ tạo được vô lượng công đức vì đã đóng góp vào sự thành đạo của Ngài. Đừng để lỡ cơ hội ngàn năm một thuở này.”



Tên phu xe đã hiểu và với Tất Đạt Đa, “Tôi đã được lệnh là không được nói về việc này, nhưng sao tôi có thể lừa dối Ngài được? Sự thật là trước khi xa giá của Ngài đi qua, mọi người đã được quân lính đuổi đi hết. Tôi không hiểu lão già này từ đâu

đến, bởi vì quân lính đã chặn tại mọi ngã đường không cho dân chúng ra vào. Vậy mà không biết ông ta từ đâu mà xuất hiện được.”

Tất Đạt Đa hỏi, “Bệnh là gì?”

Tên phu xe nói, “Bệnh tật là một phần của sự sống. Chúng ta có đủ loại bệnh tật. Đôi khi, trong một tình huống nào đó, khi thời tiết thay đổi, hay cơ thể bị nhiễm trùng mà không chống đỡ được nên ngã bệnh.”

Tiếp đó là một vẩy thần khác xuất hiện trong thân xác của một người già. Lung ông ấy đã còng xuống vì tuổi già. Ông ấy già đến nỗi Tất Đạt Đa không thể tin được mắt mình, “Còn người này thì sao?” Tên phu xe nói, “Đó là kết quả của nhiều lần bị bệnh. Người này đã già.”

Rồi bất thành linh một tử thi do bốn người khiêng đi qua. Tất Đạt Đa lại hỏi, “Họ đang làm gì vậy?”

Tên phu xe nói, “Đây là giai đoạn cuối cùng. Sau già là chết.”

Tất Đạt Đa nói, “Hãy dừng xe lại và thành thật nói cho ta biết. Những chuyện này rồi cũng sẽ xảy ra cho ta phải không?”

Ngay lúc đó một tu sĩ xuất hiện do một vị thần giả dạng. Tất Đạt Đa nói, “Còn giai đoạn này thì sao? Sao ông ấy lại cạo đầu? Sao lại cầm bình bát?”

Tên phu xe nói, “Giai đoạn này không giống những giai đoạn kia. Người này đã thấy được những đau khổ, bệnh tật, già, chết trong đời. Ông ta đã bỏ tất cả để đi tìm chân lý, để đi tìm cái bất tử.”

Tất Đạt Đa nói, “Hãy trở về nhà. Ta cảm thấy bệnh, tưởng như đã chết rồi. Ta đã già, mặc dù cơ thể còn trẻ. Mà dù tuổi già có đến vài năm nữa thì cũng chẳng khác gì. Sớm muộn gì nó cũng tới. Ta không muốn chết như người kia. Tuy đang còn sống, nhưng ta đã chết với người ấy rồi. Ta sẽ chết. Vấn đề chỉ là thời gian, sớm hay muộn thôi. Nó có thể xảy ra ngày mai, hay vài năm nữa, nhưng cuối cùng nó sẽ đến.”

Tất Đạt Đa nói tiếp, “Hãy sửa soạn xe cho ta tối nay. Ta sẽ trở thành loại người cuối cùng. Ta sẽ từ bỏ tất cả. Ta sẽ tìm kiếm. Ta sẽ làm tất cả để tìm sự bình an cho tâm hồn.”

Những kế mà các thầy tướng hiển cho nhà vua có vẻ rất hợp lý. Hợp lý nhưng rất phiếm diện. Họ không thể nghĩ ra một điều rất đơn giản là họ không thể lừa được một người nào cả cuộc đời. Hay hơn hết là cho người ấy biết ngay từ đầu, không thì khi người ấy biết được, hậu quả khó mà lường được.

Và điều đó đã xảy ra y hệt như vậy.

Ta thường nghe nói rằng Phật đã từ bỏ thế gian. Điều đó không đúng. Thế gian đã bỏ Ngài. Nó không còn ý nghĩa gì với Ngài nữa.

Ngay đêm đó Ngài bởi cung điện mà đi. Khi xe của Ngài đến gần biên giới, tên phu xe cố thuyết phục Ngài trở lại. Người ấy cũng đã có tuổi, và đã biết Ngài khi còn thơ; người ấy cũng trạc tuổi cha của Ngài. Người ấy nói, “Ngài làm gì vậy? Ngài có điên không? Xin hãy suy nghĩ lại.”

Đêm hôm ấy trăng tròn. Lâu đài bằng ngọc thạch trông rất là đẹp. Ánh trăng chiếu trên đá làm cho cảnh vật thật nên thơ. Những đêm rằm mọi người từ tứ phương tìm về để ngắm cảnh, như thể họ đến thăm đền Taj Mahal vậy. Ngọc thạch lộ vẻ đẹp nhất của nó mỗi khi trăng tròn. Giữa ngọc thạch và trăng tròn có một liên hệ xa, một hoà điệu, một sự cảm thông. Tên phu xe nói, “Hãy nhìn lại lâu đài ấy một lần nữa. Chẳng ai có lâu đài đẹp như thế.”



Cuộc hành hương về nơi vô định.

Ngài nhìn lại và nói, “Ta chẳng thấy lâu đài mà chỉ thấy một ngọn lửa lớn. Lâu đài ấy đang bốc cháy. Ta chỉ thấy lửa. Hãy để ta ở đây và hãy trở về. Nếu ông thấy đó là lâu đài thì hãy tìm đến đó. Ta chẳng thấy lâu đài ở đó, bởi vì thân chết đang tiến gần. Và ta không thấy lâu đài nào cả, bởi vì tất cả rồi sẽ trở về với cát bụi. Trong thế giới này tất cả

chỉ là nhất thời, mà ta thì muốn tìm cái vĩnh cửu. Nhìn ra được cái vô thường của thế giới này, ta không thể tự lừa dối mình được nữa.”

Đó chính là lời của Ngài, “Ta không thể tự lừa dối mình được nữa.”

Không phải Ngài từ bỏ thế gian! Ngài chẳng thể làm gì khác cả. Nếu biết được cái nhẫn mà bạn từng mang theo bấy lâu không phải là kim cương, bạn sẽ làm gì nào? Chẳng cần phải có dũng cảm mới vất bỏ nó được. Cũng chẳng cần thông minh. Nó sẽ tự tụt khỏi tay bạn. Bạn sẽ không còn tha thiết gì với nó nữa. Lý do không phải bạn thích cái nhẫn đó. Bạn thích chỉ vì bạn nghĩ đó là kim cương. Bạn cố bám lấy ảo tưởng của bạn, tưởng tượng của bạn.

Đức Phật không từ bỏ thế gian, mà bỏ cái ảo tưởng về thế gian. Và ngay cả điều đó cũng tự xảy ra, không phải là một hành động của Ngài. Khi sự từ bỏ tự xảy ra thì có giá trị rất lớn, bởi vì đằng sau đó chẳng có một động cơ nào cả, chẳng có một mục đích nào cả. Cho nên nó mới toàn bộ. Ngài đã chấm dứt mọi ham muốn, không còn bị thôi thúc bởi tương lai nữa; Quyền năng, tiền bạc, danh tiếng không còn hấp dẫn Ngài nữa, bởi vì Ngài đã thấy được sự vô ích của chúng.

Giác Ngộ Tại Bồ Đề Đạo Tràng

Trong sáu năm ròng rã Đức Phật đã làm tất cả những gì Ngài có thể làm. Ngài tìm đến những đạo tràng nổi tiếng, kiếm đủ các loại thầy, các đạo sư, các học giả, những người thông thái, hiền triết, thánh nhân. Mà ở Ấn thì những loại người này ở góc đường nào cũng có nên chẳng phải khổ công tìm kiếm. Và nếu bạn không tìm, họ sẽ tìm bạn. Đặc biệt hơn nữa là thời của Đức Phật. Lúc ấy cả nước xôn xao chỉ vì một điều là làm sao tìm được cái bất tử.

Nhưng sau sáu năm cố gắng mọi cách - khổ hạnh, nhịn đói, và thực hành những phương pháp yoga – mà cũng chẳng được kết quả gì. Thế rồi một ngày.. một ngày mà thậm chí nhiều Phật tử của không hiểu được ý nghĩa quan trọng của câu chuyện đó. Đó là một biến cố quan trọng nhất trong đời của Ngài. Không biến cố nào khác có thể giữ vai trò quyết định như thế.

Hãy cùng ôn lại những việc Ngài đã làm. Ngài là một cá nhân độc đáo. Ngài không phải là đệ tử của Phật Giáo; Ngài chỉ theo con đường riêng của mình. Trong sáu năm Ngài đã theo học với nhiều đạo sư khác nhau, nhưng kết quả chỉ là thất vọng và chán chường. Ngài đã gần như tuyệt vọng, bởi vì mỗi khi nghe có đạo sư nào nổi tiếng, Ngài liền tìm đến đó. Những đạo sư ấy đã thành thật mà thú thật

với Ngài rằng, “Bất cứ những gì chúng tôi biết, chúng tôi đã dạy cho Ngài rồi. Nếu muốn biết nhiều hơn nữa, Ngài phải tự tìm lấy. Những gì chúng tôi biết, Ngài cũng đã biết rồi. Chúng tôi biết rõ điều đó không thoả mãn được Ngài, và cả chúng tôi nữa, nhưng chúng tôi không có can đảm để tự tìm kiếm. Cho nên dù có mất thêm nhiều kiếp sống nữa, xin Ngài hãy cố gắng.”



Sáu năm khổ hạnh...

Cuối cùng Đức Phật đã bỏ tất cả những đạo sư, những vị thầy kia mà theo đường riêng của mình.

Ngài đã tận lực, tận tâm. Ngài là một tấm gương sáng cho đệ tử của mọi tông phái, mọi màu sắc tôn giáo, mọi thời. Ngài mãi mãi là ánh sáng soi đường cho mọi thế hệ.

Ngài tạm trú bên bờ sông Ni Liên Tuyền (Niranjana). Tôi đã đến nơi đó. Đó là một con sông nhỏ; có thể mùa mưa thì nước chảy mạnh hơn, nhưng khi tôi đến đó vào mùa hè, nó gần như cạn khô.

Một ngày kia Ngài xuống tắm sông. Vì nhịn đói đã lâu nên Ngài rất yếu, và suýt nữa Ngài bị dòng nước cuốn đi. May mà Ngài bám được một cành cây mà thoát chết. Ngay lúc đó một ý tưởng xuất hiện trong tâm trí của Ngài, “Ta đã trở nên kiệt sức vì nhịn đói quá lâu; những ông thầy kia, những thánh thư kia luôn luôn nhấn mạnh rằng trừ khi thánh tẩy bằng cách nhịn ăn, ta sẽ không thể giác ngộ được. Ta đã tự hành xác quá nhiều mà chuyện giác ngộ vẫn chỉ là một ảo tưởng. Nội cái sông Ni Liên Tuyền nhỏ bé này mà ta không vượt qua được, nói chi cái đại dương mênh mông của thế giới này.”

Thế giới này được thân thoại Ấn ví như một đại dương – *bhavsagar*. “Sao ta có thể vượt qua được đại dương khi con sông nhỏ này mà ta cũng không qua được?”

Trong một khoảnh khắc nhỏ ấy Ngài đã thấu suốt tất cả. “Ta đã tự hành hạ thân xác ta một cách không cần thiết. Đó không phải là sự thánh tẩy, và nó đã làm ta kiệt quệ. Không những nó đã không giúp được ta về đường đạo, mà còn làm ta yếu đuối hơn nữa.”

Ngay lúc đó một thiếu phụ trong làng mang bánh trái đến cúng tại cây bồ đề nơi Ngài đang tạm trú. Bà ấy tự hứa rằng nếu con của bà hết bệnh, vào ngày rằm bà sẽ mang bánh trái đến để tạ ơn vị thần của cây ấy.



Sujata cúng dường vị Bồ-tát một bát cháo sữa với mật ong.

Đó là ngày rằm, và tình cờ lúc đó Đức Phật đang ngồi ngay tại gốc cây ấy. Thiếu phụ ấy tự nghĩ, “Trời ơi, vị thần ấy đang ngồi đợi ta kìa!” Bà mừng quá và reo lên, “Con chưa hề nghe thần tự

xuất hiện và nhận lễ vật của những người nghèo như chúng con, nhưng Ngài đã quá tốt với con, và đã phù hộ cho con rất nhiều. Xin hãy tha thứ cho những lỗi lầm của con, và hãy nhận lễ mọn này.”

Lần đầu tiên trong nhiều năm Đức Phật ăn mà không cảm thấy tội lỗi.

Tạo ra mặc cảm tội lỗi là sở trường của mọi tôn giáo. Nếu ăn món gì ngon, bạn sẽ có mặc cảm tội lỗi. Nếu mặc đồ đẹp quá, cũng có tội. Nếu bạn cảm thấy hạnh phúc quá, nhất định có gì không ổn. Phải nghiêm trang, mặt bạn phải dài như đưa đám mới được coi là thánh thiện. Một người thánh thiện không được phép cười to.

Lần đầu tiên Đức Phật thoát được sự kiềm chế của truyền thống. Tâm trạng của Ngài trong khoảnh khắc ấy chưa hề được phân tích. Mà đó là điều kiện không thể thiếu trong sự phát triển tâm linh. Ngài đã gạt sang một bên toàn bộ truyền thống, tín ngưỡng, và những gì Ngài đã bị nhồi sọ, đã bị điều kiện. Ngài đã bỏ tất cả.

Ngài cũng chẳng hỏi thiếu phụ ấy thuộc đẳng cấp nào. Theo sự phân tích của tôi, bà ấy thuộc hạng cùng đinh. Điều đó không có trong sách vở nào cả, nhưng tôi căn cứ vào tên của bà ấy mà kết luận. Tên của bà ấy là *Sujata* – nghĩa là sinh trong gia đình quý phái. Chỉ có người nào sinh ra đám bình dân mới đặt tên như thế. Người sinh ra trong gia đình quý phái chẳng cần phải đặt tên như vậy. Có những người nghèo rớt mòng toi mà có tên là Phú (giàu có). Xấu như ma mút thì tên là Dung. Người ta làm thế để quên đi cái sự thực không được đẹp lắm của mình. Tên của bà ấy là *Sujata*.

Chiều hôm đó Đức Phật đã bỏ rơi cái cầu trúc đã từng bao quanh Ngài. Ngài chẳng phân biệt đẳng cấp, tín ngưỡng. Ngài đã chấp nhận lễ vật, đã ăn đồ cúng, và đêm ấy Ngài ngủ một giấc thật say mà không cảm thấy áy náy. Ngược lại, những bọn đạo đức giả rất sợ ngủ. Thậm chí ngủ cũng là cái tội nên phải cố banh mắt ra. Càng ít ngủ bao nhiêu, càng thánh thiện bấy nhiêu.

Đêm hôm ấy Đức Phật ngủ say như một đứa trẻ, hoàn toàn hồn nhiên, chẳng cần biết đúng hay sai; Ngài chẳng quan tâm đến truyền thống, giá trị đạo đức, luân lý và tôn giáo. Ngay cả vấn đề chân lý, giấc ngộ cũng chẳng làm Ngài bận tâm nữa. Ngài ngủ như chết, ngủ mà chẳng mơ, bởi vì mơ nghĩa là bạn hãy còn nhiều ham muốn. Đêm ấy mọi ham muốn đã gĩa từ Ngài. Cho nên mơ không còn là một vấn đề đối với Ngài nữa. Sáng hôm sau Ngài tỉnh thức trong sự thanh lặng tuyệt đối, lúc vạn vật hãy còn đang say giấc nồng. Chẳng bao lâu nữa trời sẽ sáng, và lúc mặt trời đang lên, tâm thức của Ngài cũng bắt đầu chuyển động.

Ngài chẳng tìm kiếm, cũng chẳng chờ đợi nó. Lần đầu tiên vì chẳng ao ước nên nó tự hiện đến. Ngài đã tỉnh thức hoàn toàn.

Người thanh niên tên Tất Đạt Đa đã trở thành Phật Cồ Đàm.

Trong sự bừng sáng ấy, trong khoảnh khắc giác ngộ ấy, Ngài chẳng thấy bóng dáng của Thượng Đế. Toàn thể cái tồn tại là thiêng liêng; chẳng có đáng sáng tạo đứng bên ngoài. Cả vũ trụ rực sáng trong đại dương tâm thức. Cho nên chẳng có Thượng Đế mà chỉ có sự thiêng liêng.

Đức Phật đã mở ra một cuộc cách mạng mới. Ngài đã thiết lập một tôn giáo không cần Thượng Đế. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại mà Thượng Đế không phải là trọng tâm của tôn giáo. Con người mới là cứu cánh của tôn giáo; cái bản thể thâm sâu nhất của con người trở thành linh thiêng. Vì lý do đó bạn chẳng cần phải đi đâu cả, chẳng cần phải rời xa bản thể của mình. Hãy tìm vào nội tâm, rồi từ từ sẽ đến trọng tâm. Cái ngày mà bạn an trú ngay tại trọng tâm, một sự bùng nổ lớn sẽ xảy ra.

Một Cử Chỉ Nhỏ

Một ngày kia trong lúc Đức Phật đang đi với các đệ tử - có lẽ lúc đó Ngài chưa giác ngộ. Trước khi giác ngộ, Ngài đã có năm đệ tử. Lúc ấy trời mới vừa hừng sáng, khi mặt trời đang nhấp nhô từ chân trời. Trong lúc đang đi với các đệ tử, một con ruồi đáp ngay lên trán của Ngài. Lúc đó Ngài đang nói với các đệ tử nên không để ý, và Ngài đã lấy tay xua con ruồi đó đi một cách máy móc. Ngài liền ngưng lại và nhắm mắt. Chúng đệ tử không hiểu việc làm của Ngài nhưng làm thình – một hành động có rất nhiều ý nghĩa đã xảy ra.

Mặt của Ngài trở nên sáng láng, và Ngài đưa tay ra lên trán một cách chậm chạp, như thể con

ruồi vẫn còn ở đó. Một đê tử hỏi, “*Sư phụ làm gì thế?*” Con ruồi đã bay mất rồi mà!”

Ngài trả lời, “*Đúng vậy! Nhưng lần này ta hành động một cách có ý thức. Trước đây ta đã không để ý đến việc ta làm. Ta đã lỡ cơ hội để ý thức. Vì mãi nói chuyện nên ta đã hành động một cách máy móc như thế.*”

Đó là ý nghĩa khi Ngài nói về đức hạnh của một người thánh thiện. Người ấy phải cảnh giác một cách rất cao độ, đến nỗi ngay cả một cử chỉ nhỏ, một động tác nhỏ cũng phải được thực hiện với sự tinh thức tuyệt đối.



Phần hai

Cuộc Đời Của Đức Phật

Đức Phật, Chúa Giê-Su, Mahavira ... không thể tìm trong sử sách. Đối với các Ngài, chúng ta phải dùng cách tiếp cận khác hẳn. Họ không nằm trong lịch sử; họ thuộc về bờ bên kia.

Tìm Đạo

Đức Phật rời bỏ cung điện giữa đêm khuya, khi con trai của Ngài mới được một ngày. Đó là tiêu biểu chuyện của mỗi đời người; thật là đẹp... Trước khi bỏ đi, Ngài muốn nhìn mặt con một lần. Hành động ấy nói lên tình yêu của Ngài đối với vợ hiền. Ngài bước vào phòng. Vợ Ngài đang say ngủ. Con của Ngài được bọc trong chăn và đang nằm cạnh mẹ. Ngài muốn mở chăn để nhìn con, bởi vì có thể đây là lần cuối cùng.

Ngài bắt đầu một cuộc hành hương về nơi vô định. Chuyện gì sẽ xảy ra cho Ngài thì khó mà biết được. Ngài đã bất chấp tất cả để tìm đạo - vương quốc, vợ con, và chính bản thân mình nữa. Điều ấy được nói là có thể xảy ra, và trong quá khứ một vài người đã đắc đạo.

Ngài cũng yếu đuối như mọi người, nhưng khoảnh khắc quyết liệt đã đến... Hôm ấy Ngài đã chứng kiến tận mắt lão, bệnh, tử, và lần đầu tiên trong đời Ngài đã thấy một sa môn. Những hình ảnh ấy đã trở thành câu hỏi tối thượng cho Ngài, “Nếu thần chết đang chờ mà vẫn phí thời giờ trong nhừng gắm thì thật là nguy hiểm. Trước khi thần chết gõ cửa, ta phải tìm ra cái không thể chết.” Ngài đã quyết định ra đi. Nhưng tâm trí con người, bản chất của con người... Ngài muốn nhìn mặt con lần đầu, mà cũng có thể là lần cuối. Nhưng nếu mở

chặn ra mà nhìn con, vợ của Ngài sẽ tỉnh thức. Mà cũng có thể bà sẽ hỏi, “Giờ này anh vào đây làm gì? Anh sửa soạn đi đâu vậy?”



Trong lúc đó xe ngựa đang chờ ngoài cửa. Mọi sự đã sẵn sàng, nhưng trước khi ra đi, Ngài nói với tên phu xe, “Hãy đợi ta vài phút. Ta muốn thăm con

ta một lần trước khi lên đường, bởi vì có thể ta sẽ không trở lại nữa.”

Nhưng Ngài không dám mở chăn ra mà nhìn con, bởi vì Ngài e rằng vợ Ngài sẽ thức giấc, và sẽ than, sẽ khóc, “Anh đi đâu thế? Anh sẽ làm gì? Tu hành làm gì? Giác ngộ có lợi lộc gì không?” Biết đâu bà không náo động cả hoàng cung? Cha của Ngài sẽ đến. Thế thì kế hoạch sẽ hỏng hết. Cho nên Ngài đã lặng lẽ mà ra đi



Ngài không dám nhìn con.

Mười hai năm sau, khi đã thành đạo, việc đầu tiên Ngài muốn làm là trở về để xin lỗi với vua cha, với vợ, với đứa con chưa hề thấy mặt và nay đã khoảng mười hai tuổi rồi. Ngài biết rõ là họ rất giận Ngài. Cha của Ngài là người đầu tiên đã gặp Ngài. Ông ấy vô cùng giận dữ, và hơn nửa giờ đồng hồ đã

la hét om sòm. Nhưng bất thần ông ấy nhận ra rằng trong lúc đó con của ông vẫn trở trở như thể tượng đá, như thể người câm, người điếc vậy.

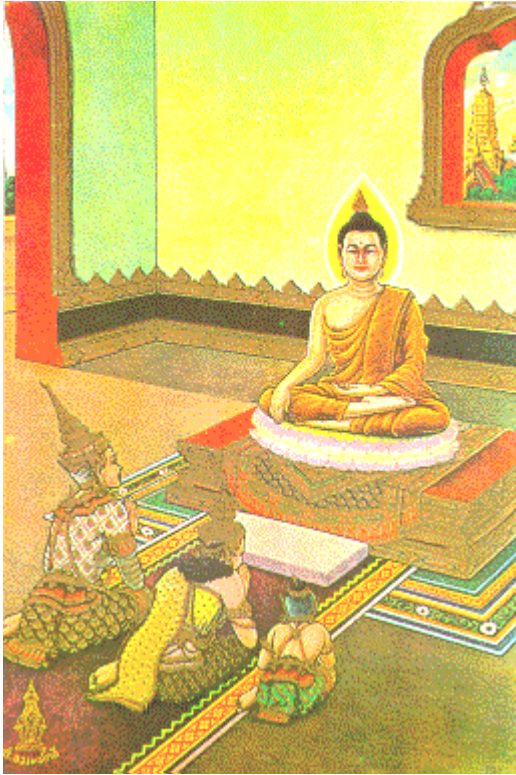
Ông ấy chết lịm trong người. Bấy giờ Đức Phật mới nói, “Đó là điều tôi muốn nói. Xin hãy lau nước mắt. Xin hãy nhìn cho kỹ. Tôi không phải là người thanh niên đã bỏ cung điện mà đi. Tôi trông giống người ấy, nhưng tâm thức của tôi đã khác hẳn. Xin ngài hãy nhìn cho rõ.”

Cha của Ngài nói, “Tôi sẽ nhận ra điều đó. Tôi đã la hét cả hơn nửa giờ đồng hồ, và đó là bằng chứng anh đã khác xưa. Trước đây anh nóng như lửa; anh không thể lặng thinh như thế được. Chuyện gì đã xảy ra cho anh?”

Đức Phật nói, “Tôi sẽ nói tất cả cho ngài, nhưng xin hãy để tôi đi gặp vợ con đã. Có lẽ họ đang chờ vì họ đã biết là tôi đã trở về.”

Câu đầu tiên mà vợ của Ngài nói, “Tôi cũng biết là ông đã thay đổi. Mười hai năm qua mẹ con tôi rất khổ sở, không phải vì thiếu bóng ông, nhưng vì ông đã không cho tôi biết. Nếu chỉ nói với tôi một lời là ông muốn đi tìm đạo, ông có nghĩ rằng tôi sẽ ngăn cản ông không? Ông đã khinh thường tôi quá. Cay đắng này tôi đã mang mười hai năm nay.

“Không phải vì ông đã đi tìm đạo, vì điều ấy làm ông thích. Cũng chẳng phải vì ông đã thành đạo, và tôi cũng chẳng ngăn cản ông. Tôi cũng thuộc đẳng cấp dững sĩ như ông; sao ông có thể nghĩ rằng tôi sẽ khóc lóc, sẽ la hét, và sẽ ngăn cản ông?



Đức Phật gặp lại cha và vợ con.

Tôi đã đau khổ suốt mười hai năm qua chỉ vì ông đã không tin tưởng tôi. Không những tôi sẽ không ngăn cản, mà còn muốn đưa ông ra tận xe để nói lời ly biệt. Cho nên một câu hỏi luôn luôn hiện ra trong trí mà tôi không biết phải hỏi ai. Nay có lẽ ông đã tìm được những gì ông muốn. Và ông không phải là người của ngày cũ nữa, bởi vì ông đã rạng ngời với một ánh sáng mới, và sự hiện diện của ông hoàn toàn mới mẻ và tươi tắn; mắt của ông trong

sáng và tinh khiết như thể bầu trời không mây. Thân, tâm của ông đã được an lạc. Cái ân sủng đó không phải của thế gian này mà thuộc về thế giới siêu việt. Vậy xin hãy trả lời cho tôi. Những gì ông đã đạt được. Ông có thể tìm được ngay tại đây, ngay trong cung điện này không? Cung điện này có thể ngăn cản được chân lý sao?”

Đó là một câu hỏi tuyệt thế thông minh, và Đức Phật đã phải đồng ý, “Tôi có thể đạt được điều đó ngay tại đây, nhưng lúc đó tôi không biết như vậy. Bây giờ tôi có thể nói rằng tôi có thể tìm được ở đây, chẳng cần phải trốn vào rừng, không cần phải đi đâu cả. Tôi chỉ cần trở vào bên trong, và điều đó có thể xảy ra bất cứ nơi nào. Cung điện này cũng tốt như bất kỳ chỗ nào khác. Nay tôi có thể khẳng định như thế, nhưng lúc đó tôi không thể nói như vậy được.

“Vậy xin bà hãy tha lỗi cho tôi, bởi vì không phải là tôi không tin bà, hay sự dũng cảm của bà. Thật ra, tôi đã nghi ngờ chính mình. Nếu để bà thức dậy, và nếu tôi trông thấy con của mình, tôi có thể tự hỏi, ‘Tôi đang làm gì vậy? Sao tôi có thể bỏ người vợ xinh đẹp, và luôn luôn yêu mến chồng mà đi? Rồi còn đứa con mới sinh nữa... Nếu muốn bỏ nó mà đi, sao tôi sinh nó ra làm chi? Tôi đang chạy trốn khỏi trách nhiệm của mình chẳng?’ Và cha của tôi. Nếu ông ấy đến lúc đó, khó mà tôi có thể bỏ đi được.

“Không phải là tôi không tin bà. Tôi mới không tin chính mình. Lúc đó tôi vẫn còn phân vân, nửa đi nửa ở. Một nửa nói, ‘Mày làm gì vậy?’ Nửa kia thì nói, ‘Lúc này ta phải quyết liệt. Nếu không hành động bây giờ thì sẽ khó khăn hơn. Cha mày đang

sửa soạn truyền ngôi cho mày. Một khi đã làm vua, khó mà đi được.”

Vợ của Ngài nói, “Đó là câu hỏi duy nhất mà tôi muốn hỏi ông, và tôi vô cùng sung sướng vì ông đã thành thật mà nói rằng điều mà ông muốn tìm, có thể tìm được ở đây, và có thể tìm được ở bất cứ nơi nào. Còn đây là con của ông. Nó đã mười hai tuổi rồi. Nó luôn luôn thắc mắc về ông. Và tôi phải nói với nó rằng, ‘Hãy ráng chờ. Cha con sẽ trở về; cha con không phải là người tàn ác, vô nhân đạo. Ngày nào đó cha con sẽ trở về. Chắc là việc cha con làm chưa xong nên chưa về được. Một khi xong việc cha con sẽ trở về ngay lập tức.’

“Đấy! Con của ông đấy. Tên của nó là La-Hầu-La, cái tên mà ông đã đặt cho nó. Và tôi muốn hỏi là ông có gì để lại cho nó không? Ông có gì làm quà cho nó không? Ông đã cho nó sự sống. Nhưng còn gì nữa không?”

Đức Phật chẳng có gì ngoài cái bình bát. Ngài gọi con lại gần và nói, “Ta chẳng có gì ngoài cái bình bát này. Từ nay trở đi ta sẽ dùng tay mà xin ăn. Trao cho con cái chén này là ta muốn điềm đạo cho con. Đó là kho tàng duy nhất mà ta đã tìm được, và ta cũng muốn con cũng tìm được kho tàng ấy.”

Ngài nói với vợ, “Bà cũng nên sẵn sàng để trở thành một đệ tử.” Trong lúc ấy vua cha đã chứng kiến tất cả. Ông nói với Ngài, “Xin đừng quên tôi. Anh không muốn chia sẻ những gì đã tìm được với cha của mình sao? Tôi cũng sắp tới ngày rồi. Xin hãy cho tôi theo với.”

Đức Phật nói, “Thật vậy, tôi đến để đón mọi người, bởi vì tôi đã tìm được một vương quốc vĩ đại hơn nhiều. Nó sẽ tồn tại mãi mãi, và không thể bị chinh phục. Tôi đến đây để mọi người có thể thấy tận mắt phúc lạc của tôi, để mọi người có thể thấy được sự ấn chứng của tôi mà tin tưởng để có thể trở thành bạn đồng hành của tôi.” Ngay lúc đó Ngài đã điềm đạo cho cả ba người.

Ngài đã lấy thần thoại Ấn về nguyệt thực mà đặt tên La-Hầu-La (Rahul) cho con trai. Theo thần thoại ấy thì La-Hầu-La là một vị thần. Vị thần ấy có hai kẻ thù. Một tên là Rahu, và tên kia là Ketu. Nguyệt thực xảy ra vì chúng muốn bắt mặt trăng để ăn thịt, nhưng mặt trăng luôn luôn chạy thoát được.

Đức Phật đặt tên đó cho con trai vì Ngài nghĩ, “Nó sẽ trở thành một gánh nặng cho ta. Nó sẽ là kẻ thù nguy hiểm nhất của ta. Vì yêu nó, vì quyến luyến nó, ta sẽ bị ràng buộc.” Đó là lý do mà Ngài đã đặt tên cho con như thế.¹

Cả bốn người cùng ra khu rừng cách thành phố không xa lắm, nơi các đệ tử của Ngài đang tụ tập ở đó. Tối hôm đó Ngài đã nói trong bài giảng, “Vợ tôi đã hỏi một câu vô cùng quan trọng. Bà ấy đã hỏi thế này, ‘Một ông vua ở ngay trong cung điện

¹ Có thể Osho là người duy nhất đã giải thích tên của ngài Rahul như thế. Người dịch đã tìm được trên mạng một trang giải thích tương tự, rằng Rahul là “người đã chinh phục được mọi đau khổ”

(<http://www.indolink.com/Kidz/buddha.html>). Một trang khác lại nói Rahul nghĩa là sự nô lệ, tù đầy
(http://charminar.com/astrology/astro_facts/famous_prediction.htm)

không thể đắc đạo được sao?’ Và tôi đã phải thành thật trả lời rằng, ‘Vấn đề không phải là ở đâu, và lúc nào. Ta có thể đắc đạo ở bất cứ nơi nào, nhưng lúc đó chẳng ai nói với tôi như thế. Tôi chẳng biết phải tìm đâu, chẳng biết phải hỏi ai, và chẳng biết phải đi đâu. Tôi chỉ biết là phải đi thật xa. Nhưng nay tôi có thể nói với các bạn rằng, dù đang ở đâu, nếu có đủ dũng cảm để thí tất cả để được tỉnh thức, để được cảnh giác, nhất định các bạn sẽ đắc đạo.’”

Như Thế Ong Mật

Các đệ tử của Đức Phật gọi là khát sĩ (bhikkhu, tỳ kheo). Họ đi xin từ nhà này qua nhà khác, và không hề dừng lại một nhà duy nhất, bởi vì họ không muốn trở thành gánh nặng cho gia đình ấy. Họ sẽ gõ cửa nhiều nhà mỗi ngày, xin một ít từ nhà này, một ít từ nhà kia. Cho nên không ai cảm thấy phải có trách nhiệm với họ. Và họ sẽ không trở lại căn nhà đã đi qua. Cách đó gọi là madhukari - như thể ong mật. Ong bay từ hoa này sang hoa khác; nó không hề dừng lại một chỗ vì không có tính chiếm hữu. Vì ong chỉ hút một chút mật của mỗi hoa nên hoa không mau tàn, sắc hương không bị giảm. Hoa

chẳng biết sự có mặt của ông vì nó đến một cách âm thầm, rồi ra đi trong lặng lẽ.

Đức Phật nói, “Một người tinh thức sống đời như thể một con ong. Người ấy không làm mất vẻ đẹp, không làm giảm hương thơm của thế gian. Người ấy sống một cách đơn giản, chẳng cần ai biết đến mình. Người ấy chỉ cầu đủ ăn, và sống đời một cách đơn giản, không cầu kỳ, chẳng quan tâm đến ngày mai. Như thể con ong, người ấy chẳng bận tâm về ngày mai vì chuyện của ngày nào là của ngày ấy.



Thuyết pháp trong im lặng

Thuyết pháp trong im lặng

Không ngôn ngữ nào có thể diễn tả được kinh nghiệm giác ngộ, bởi vì bản chất của hiện tượng đó. Giác ngộ xảy ra bên ngoài tâm trí, mà ngôn ngữ là một phần của tâm trí. Giác ngộ được kinh nghiệm trong sự thanh lặng tuyệt đối.

Nếu coi thanh lặng là một ngôn ngữ, tất nhiên giác ngộ cũng có ngôn ngữ riêng của nó. Ngôn ngữ ấy sẽ bao gồm thanh lặng, phúc lạc, ngây ngất, và hồn nhiên. Nhưng đó không phải là ý nghĩa thông thường của ngôn ngữ. Thông thường lời phải được dùng để gợi ý. Nhưng lời không thể diễn tả được thanh lặng; ngất ngây và phúc lạc cũng thế. Thật vậy, giác ngộ có thể thấy được, có thể hiểu được, có thể cảm thấy được, nhưng không thể nói được, không thể nghe được.

Khi đắc đạo, Đức Phật đã lặng thanh trong bảy ngày. Cả vũ trụ nín thở để chờ nghe Ngài nói, để nghe tiếng nhạc của Ngài, để nghe bản nhạc không lời của Ngài, để nghe những lời của bờ bên kia, của chân lý. Bảy ngày ấy dài như thể bảy thế kỷ.

Chuyện ấy thật là tuyệt diệu, một phần có thật, một phần đã trở thành thần thoại. Nhưng thần thoại không có nghĩa là dối trá. Có những trường hợp

chân lý chỉ có thể diễn tả được bằng thần thoại. Ngài đã đắc đạo. Đó là sự thật. Ngài lặng thinh trong bảy ngày. Đó là sự thật. Cả vũ trụ chờ đợi để nghe Ngài cũng là sự thật, nhưng không phải ai cũng chiêm chứng được. Chỉ những người đã giác ngộ, đã chứng kiến được sự chờ đợi ấy mới biết được.

Nhưng chuyện ấy muốn nói rằng cái tồn tại vui mừng khi có người đắc đạo, bởi vì một phần của nó đã nở hoa rực rỡ, đã vươn lên đến đỉnh cao nhất. Đó là sự huy hoàng nhất, lộng lẫy nhất của nó. Cả cái tồn tại ao ước một ngày tất cả sẽ thành đạo, một ngày nào đó sẽ xua đi bóng tối, để tất cả được tràn ngập trong tâm thức và ánh sáng, để phá tan mọi khổ đau và mang lại càng nhiều bông hoa hạnh phúc càng tốt.

Sau đó chuyện ấy trở thành thần thoại, nhưng nó có ý nghĩa riêng và chân lý riêng của nó.

Chư thiên trở nên bồn chồn. Một điều cần phải hiểu là Phật Giáo không có thượng đế tối cao. Kỳ Na Giáo cũng không tin chỉ có một thượng đế. Cả hai tin có nhiều thần thánh khác nhau. Khái niệm của hai tôn giáo ấy có vẻ dân chủ hơn các tôn giáo khác như Do Thái Giáo, Hồi giáo và Ki Tô Giáo. Ba tôn giáo ấy rất là keo kiệt. Một Thiên Chúa, một tôn giáo, một thánh thư, một tiên tri – có vẻ độc quyền quá. Phật Giáo dùng cách tiếp cận khác hẳn, nhưng dân chủ hơn, nhân bản hơn trong khái niệm là có hàng triệu thần thánh.

Thật vậy, mỗi chúng sinh một ngày nào đó sẽ trở thành thần thánh. Một khi đắc đạo, người ấy sẽ trở thành thần thánh. Vì không tin ở đáng sáng tạo

nên Phật Giáo đã đem lại phẩm giá cho mọi chúng sinh. Bạn không phải là những con rối. Bạn có cá tính, có tự do, và có sự kiêu hãnh của mình. Không ai nặn ra bạn nên không ai phá huỷ bạn được. Cho nên ngoài bạn ra, không ai có thể cứu bạn được. Cả Ki Tô Giáo lẫn Do Thái Giáo đều có ý tưởng về một đấng cứu thế. Nếu có Thượng Đế, Ngài sẽ gửi sứ giả, tiên tri, hoặc đấng cứu thế đến để cứu bạn. Ngay cả sự giải thoát của bạn cũng không nằm trong tay bạn. Nó có hình thức nô lệ, bởi vì người nào đó sẽ cứu bạn, mà nếu giải thoát mà phải nhờ đến người khác, sự giải thoát ấy cũng chẳng có giá trị lắm.

Tự do phải đạt được, không thể van xin. Tự do phải cướp được mới xứng đáng, không thể xin xỏ. Nếu vì từ bi mà có, tự do ấy cũng chẳng có giá trị nhiều. Cho nên Phật Giáo chẳng cần Thượng Đế, chẳng cần đấng cứu thế, nhưng lại có vô số thần thánh. Đó là những vị đã đắc đạo trước đây. Từ vô thủy đã có vô số người đã đắc đạo; họ được coi là thần thánh.

Những vị ấy cảm thấy lo lắng vì đã đắc đạo bấy ngày rồi mà Đức Phật vẫn giữ im lặng. Hơn nữa, năm thì mười họa mới có người đắc đạo nên linh hồn của chính cái tồn tại phải chờ đợi, phải ao ước muốn thấy được hiện tượng đó. Nhiều ngàn năm đã qua mà nay mới có người thành đạo. Nếu Đức Phật không chịu nói, nếu Ngài im lặng mãi mãi thì sao? Trường hợp ấy rất khả hữu vì im lặng là ngôn ngữ duy nhất của giác ngộ. Nó sẽ bị bóp méo khi bạn đem ngôn ngữ vào. Sự bóp méo ấy xảy ra qua nhiều giai đoạn.

Trước hết, nó sẽ bị bóp méo khi bạn kéo nó xuống từ tâm cao, từ trên đỉnh bạn kéo nó xuống tận những hang hóc tối tăm của tâm trí. Sự bóp méo bắt đầu từ đó. Thực tại của nó bị mất chín mươi chín phần trăm ngay tại lúc đó.

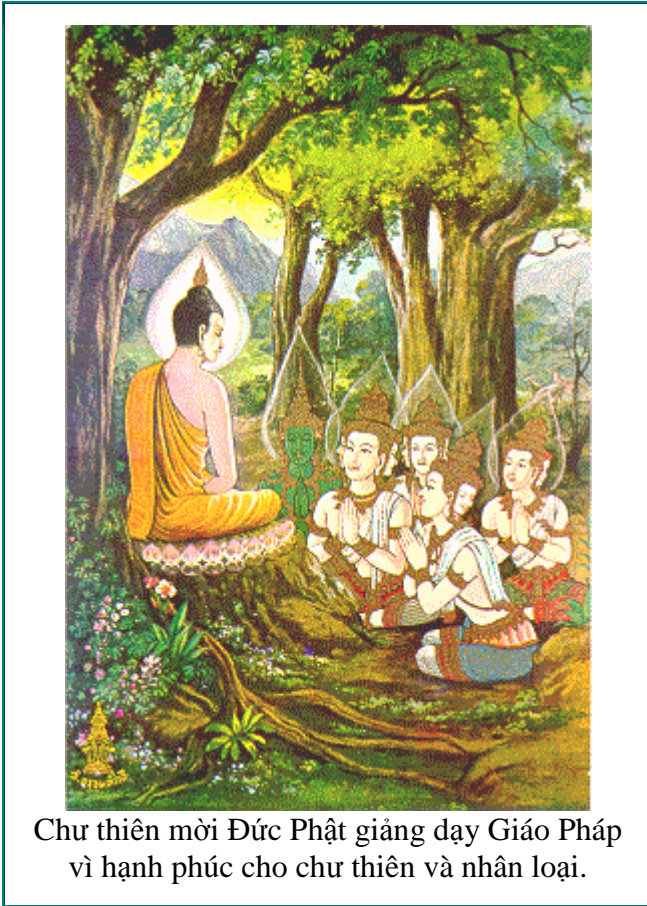
Rồi khi bạn nói. Sự bóp méo lại xảy ra vì cái mà bạn cảm thấy được trong cốt lõi thâm sâu nhất của bạn là một việc, mà bạn muốn chia sẻ kinh nghiệm ấy bằng lời lại là chuyện khác. Thí dụ, bạn yêu ai tha thiết, nhưng khi bạn nói, “Em yêu anh,” bỗng dưng bạn cảm thấy chữ yêu đó quá nhỏ bé, không thể diễn tả được hết cảm xúc của bạn. Bạn cảm thấy ngượng ngùng khi phải nói như thế.

Sự bóp méo xảy ra lần thứ ba khi người nào đó nghe được, bởi vì ông ta đã có thiên kiến, đã bị điều kiện, đã có khái niệm, đã có tín ngưỡng, đã có ý hệ riêng. Ông ta sẽ hiểu diễn giải theo cách của mình. Khi ý tưởng đó đến tai người nghe, nó khác hẳn cái ý tưởng từ trên đỉnh cao trong tâm thức của bạn. Khi qua nhiều đoạn đường gió loạn ấy, nó đã bị thay đổi hoàn toàn. Cho nên người đã đắc đạo nhưng giữ im lặng cũng nhiều. Trong một trăm người đắc đạo, họa hoằn lắm mới được một người muốn nói.

Đức Phật là người hiếm hoi đó. Ngài lâu thông kinh sử, lại có tài biện thuyết nên sự im lặng của Ngài sẽ là một thiệt thòi vô cùng lớn cho nhân loại.

Cho nên các vị thần ấy đến quỳ dưới chân và xin Ngài hãy cố mà nói, “Cái tồn tại đang chờ. Cây cỏ đang chờ. Đồi núi đang chờ. Ruộng đồng, mây nước, trăng sao cũng đang chờ. Xin đừng làm mọi

người thất vọng. Xin đừng nhẫn tâm như thế. Xin hãy mở lượng từ bi mà dạy cho họ.”



Chư thiên mời Đức Phật giảng dạy Giáo Pháp vì hạnh phúc cho chư thiên và nhân loại.

Nhưng Đức Phật cũng có lý của Ngài. Ngài nói, “Tôi hiểu lòng từ bi của các Ngài, và tôi cũng muốn nói. Bảy ngày qua tôi đã cân nhắc hai điều, hoặc là nói, hoặc không, và tôi thấy không nói là hay nhất.

Tôi chẳng thấy lý do cụ thể nào để phải nói, bởi vì khi nói, tôi sẽ bị hiểu lầm. Mà nếu nói để rồi bị hiểu lầm thì nói làm gì. Tôi sẽ bị nguyên rủa. Những người nghe tôi sẽ không nghe theo cách mà lời của người đã giác ngộ phải được nghe. Nghe là một kỹ luật phải được huấn luyện; có tai chưa hẳn là đã biết nghe.

“Và thậm chí nếu có người hiểu được tôi, người ấy sẽ không làm theo lời của tôi, bởi vì mỗi bước là một nguy hiểm, như thể đi trên lưỡi lam vậy. Không phải là tôi không muốn nói. Tôi chẳng thấy có lợi gì. Tôi đã nghĩ kỹ, và đã quyết định sẽ không nói.”

Chư thiên nhìn nhau. Điều mà Đức Phật nói hoàn toàn đúng. Họ nói với nhau rằng, “Những điều Ngài nói không phải sai, nhưng chúng ta vẫn muốn Ngài nói. Chúng ta phải tìm cách thuyết phục Ngài.” Cuối cùng họ đã tìm ra kết luận.

Họ trở lại với Đức Phật và nói, “Chúng tôi có một ý kiến nhỏ này. Chúng tôi cũng thấy hồ thẹn, nhưng xin Ngài hãy xét cho. Chúng tôi nghĩ rằng chín mươi chín phần trăm nhân loại sẽ hiểu lầm Ngài, nhưng Ngài không thể nói rằng tất cả sẽ hiểu lầm Ngài hết. Xin Ngài hãy nghĩ đến thiểu số đó. Một phần trăm trong cả vũ trụ mênh mông này không phải nhỏ. Có thể trong một phần trăm ấy, một số nhỏ có thể theo bước chân của Ngài.

“Mà thậm chí nếu chỉ một người trong cả vũ trụ này đắc đạo vì lời nói của Ngài, kẻ cũng đáng công lắm. Giác ngộ là một kinh nghiệm vô cùng quý giá, đến nỗi nếu bỏ cả đời mà giúp được một người đắc đạo, tưởng cũng nên lắm. Chúng tôi không muốn

đòi hỏi quá nhiều. Chỉ có bấy nhiêu thôi. Cũng có một vài người, và Ngài biết rất rõ như chúng tôi, hiện đang đứng ngay tại ranh giới. Chỉ cần đẩy nhẹ, chỉ cần một khuyến khích nhỏ, với một hy vọng mong manh là họ sẽ bước qua khỏi ranh giới của tối tăm, sẽ thoát khỏi mọi trói buộc, và sẽ tìm được giải thoát. Vậy xin Ngài hãy dạy cho họ.”

Đức Phật nhắm mắt lại, trầm ngâm một lúc rồi nói, “Tôi không thể chối cãi là có trường hợp đó. Đối với thiểu số ấy, tôi biết là lý lẽ của tôi, dù có hợp lý đến đâu, cũng không thể so được. Vì vậy trong quãng đời còn lại, nếu có thể giúp được một người đắc đạo, tôi sẽ tạo được vô lượng công đức rồi. Tôi sẽ nói với họ. Xin các Ngài hãy yên tâm và trở về.”²

Ngài đã hoằng pháp trong hơn bốn mươi hai năm, và không những một, mà rất nhiều người đã thành đạo. Họ đã học được cách lắng nghe, đã biết được nghệ thuật im lặng. Họ đắc đạo không phải vì lời dạy của Ngài, nhưng vì họ cảm thấy được sự hiện diện của Ngài, năng lượng của Ngài, sự im lặng của Ngài, cũng như chiều sâu và đỉnh cao của Ngài.

Những người ấy không đắc đạo vì đã nghe được những lời Ngài nói. Những lời của Ngài đã giúp họ ở lại trong sự hiện diện của Ngài, đã giúp họ nhận ra vẻ đẹp của những lời nói rất thông thường nhưng được thốt ra từ miệng của đấng giác ngộ.

² Vì lý do đó Đức Phật thường được gọi là Thích Ca Mâu Ni (Shakyasmuni), nghĩa là một người im lặng (muni) của họ Shakyas (Heinrich Zimmer, *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization*). (VS)

Những cử chỉ nhỏ đã trở thành ân sủng, những ánh mắt bình thường đã trở nên tuyệt đẹp với nhiều ý nghĩa và đầy bí ẩn. Cách mà Đức Phật đi cũng có một phẩm chất khác thường. Cách mà Ngài ngủ cũng có những ý nghĩa khác đời. Những người ấy đã không cố gắng hiểu những gì Đức Phật nói, mà cố cảm thông được bản thể của Ngài. Bản thể của Ngài là ngôn ngữ hiện thực nhất.

Hàng triệu người đã nghe Ngài, và đã trở thành những con mọt sách. Cái ngày mà Ngài nhập niết bàn, ba mươi hai tông phái đã xuất hiện. Đệ tử của Ngài chia ra thành ba mươi hai nhóm, bởi vì những giải thích khác nhau về lời của Ngài. Họ đã cố ngồi lại với nhau và ghi lại những gì họ nghe được từ Ngài, nhưng những nỗ lực ấy đã không thành công. Ba mươi hai tông phái này khác nhau đến độ ta không thể ngờ được rằng chỉ có một người nói mà mỗi người hiểu một ý khác nhau.

Cho đến nay những tông phái đó vẫn còn tranh luận với nhau. Hơn hai mươi lăm thế kỷ đã qua mà họ vẫn chưa hòa giải được. Thật vậy, họ không còn hiểu nhau nữa. Những tông phái ấy đã trở thành những triết lý độc lập; phái nào cũng nói rằng “Đây mới là những gì Đức Thế Tôn nói, và những người khác đã xuyên tạc lời của Ngài. Những bộ kinh này mới chính thống, còn những bộ kinh kia được những người không hiểu kết tập.”

Đó là một trong những cái khó hiểu nhất: có ai hiểu được ngôn ngữ của giác ngộ không? Bản thể của đáng giác ngộ chính là ngôn ngữ của ngài. Khi ở gần ngài, hãy bỏ lại mọi phòng thủ, hãy mở toang mọi cánh cửa của con tim bạn ra, hãy để cho tình yêu của ngài lớn dần trong tim bạn, hãy để cho nhịp

tim của bạn đập theo nhịp của tim ngài... Rồi dần dần, khi bạn đã sẵn sàng, khi bạn đã tin tưởng ngài hoàn toàn, thì cái gì đó được tiết lộ mà người khác không thể thấy được. Cái gì đó đã xảy ra. Cái gì đó không được nói nhưng lại nghe được. Cái gì đó không thể nói được bằng lời đã được truyền qua sự im lặng.



Đức Phật đã chỉ trích những người Bà La Môn, đã chỉ trích Ấn Độ Giáo, nhưng tất cả các đại đệ tử của Ngài đều là Bà La Môn. Điều đó rất hợp lý vì Ngài đã hấp dẫn những bộ óc siêu phàm nhất của xã hội ấy. Mặc dù bị Ngài chỉ trích, những người Bà La Môn là những tinh hoa của xã hội, và thành phần trí thức của Ấn phần lớn là Bà La Môn.

Xá Lợi Phất (Sariputra) là Bà La Môn. Mục Kiền Liên (Moggalayan) là Bà La Môn. Ma Ha Ca Diếp (Mahakashyapa) là Bà La Môn. Họ đến với Ngài không phải vì họ dốt nát, bị xã hội ruồng bỏ, bài bạc, điếm đàng, bị bọm, hay trộm cướp. Không. Vì là những người thông thái nên họ hiểu được những gì Ngài nói là đúng.

Khi Xá Lợi Phất đến với Ngài, năm ngàn đệ tử của ông ấy cũng đi theo, tất cả đều là học giả. Ông ấy đến để thách đấu với Ngài, và Ngài đã niềm nở tiếp đón. Được một đại học giả đến viếng thì còn danh dự nào hơn? Nhưng Đức Phật đã hỏi, “Ông đã kinh nghiệm chân lý chưa, hay ông chỉ là một học giả? Tôi đã nghe nói về ông...”

Trong một khoảnh khắc lặng như tờ, Xá Lợi Phất nhìn Đức Phật, như thể nhìn vào gương; ông ấy nói, “Tôi là một đại học giả, nhưng nói về kinh nghiệm chân lý, tôi vẫn chưa biết gì cả.”

Đức Phật nói, “Vậy thì khó đấy. Tranh luận chỉ xảy ra khi hai người không biết chân lý là gì. Họ có thể cãi đến tận thế nhưng chân lý vẫn nằm ngoài sự hiểu biết của họ. Vì cả hai đều không biết nên họ có thể lý luận, có thể trích dẫn thánh thư, nhưng hai anh mù sờ voi, có anh nào biết voi thế nào đâu. Cùng lắm thì một người khôn ngoan hơn, đọc rộng biết nhiều hơn nên thắng, và người thua trở thành đệ tử của người kia. Nhưng có thể căn cứ vào đó mà biết chân lý không?”

“Cũng có thể có sự hội nghị của hai người đã đắc đạo, nhưng chẳng có lý do để họ tranh luận cả. Có gì họ không biết mà phải hơn hay thua đâu? Họ có thể ngồi với nhau trong im lặng. Có thể họ cười với nhau, hoặc nắm tay nhau, nhưng họ có thắc mắc gì mà nói với nhau đâu. Khi nhìn vào mắt của nhau, họ biết là chẳng có gì để nói cả vì họ cũng biết như nhau, cũng đã đến những cảnh giới như nhau, cho nên giữa họ chỉ có sự im lặng.

Trường hợp thứ ba là một người biết, một người không. Thế thì lại có sự khó khăn vì người biết không thể nói bằng lời để cho người kia hiểu được. Mà người không biết chỉ phí thời giờ của mình một cách không cần thiết, bởi vì người ấy không thể thuyết phục được người đã biết. Cả thế giới hợp lại cũng không thể thuyết phục được người đã biết, bởi vì người ấy biết mà bạn thì không.

Đức Phật nói, “Ông đến đây với năm ngàn đệ tử, và hiển nhiên là chẳng có ai biết cả, vì nếu đã biết, người ấy sẽ không là đệ tử của ông, mà là thầy của ông. Ông thông thái hơn họ vì tuổi đời ông cao hơn nên họ là đệ tử của ông. Nhưng chúng ta sẽ tranh luận cách nào đây? Tôi đã sẵn sàng... và tôi biết. Chỉ có một điều chắc chắn là ông không thể thuyết phục tôi được. Và chỉ có một trường hợp duy nhất là ông sẽ bị đánh bại. Vậy hãy suy nghĩ cho kỹ.”

Nhưng Xá Lợi Phất đã bị chinh phục, và ông ấy đủ thông minh để hiểu điều đó; ông ấy đã đánh bại rất nhiều học giả khác. Truyền thống của các học giả Ấn trong thời ấy là đi khắp nơi để đấu lý với những học giả khác.

Trừ khi trở thành quán quân hùng biện, người ấy không được các học giả khác tôn sùng. Nhưng khi đối diện một vị Phật, khi đứng trước một người đã biết, cái học vay mượn của bạn, hay bao nhiêu học giả đã bị bạn đánh bại cũng chẳng ích lợi gì.

Đức Phật nói, “Tôi đã sẵn sàng. Nếu ông muốn, chúng ta có thể bắt đầu, nhưng ông có lập luận nào không? Tôi có mắt. Ông thì không. Tôi không thể giải thích cho ông thế nào là ánh sáng. Ông không thể có một ý tưởng nào về ánh sáng. Ông có thể nghe được từ ‘ánh sáng’, nhưng nó hoàn toàn vô nghĩa đối với ông. Nó hoàn toàn trống rỗng; tai nghe được, nhưng ý nghĩa thì không.

“Cho nên nếu ông thật sự quan tâm đến chân lý và không màng tới thắng hay bại, bởi vì điều đó không phải là quan tâm của tôi. Tôi đã về nhà. Hơn hay thua với người đời làm gì chứ? Và để làm gì?”

Nếu ông quan tâm đến chân lý, hãy ở lại đây và hãy theo sự hướng dẫn của tôi. Sau này khi đã biết được những gì hiện thực, có thực chất, chúng ta có thể tranh luận với nhau.”

Nhưng Xá Lợi Phất vốn cực kỳ thông minh. Ông ấy nói, “Tôi biết bây giờ tôi không thể tranh luận được với Ngài, và sau này tôi cũng không thể tranh luận được. Tôi đã bị Ngài đánh bại. Bây giờ tôi không thể tranh luận được vì tôi không có mắt, nhưng khi có mắt rồi, tôi chẳng cần phải tranh luận nữa. Tôi xin được làm đệ tử của Ngài.”

Ông ấy nói với năm ngàn đệ tử của mình, “Tôi không phải là thầy của các ông nữa. Tôi đã bị chinh phục. Và tôi đã xin làm đệ tử của người ấy. Xin đừng nghĩ tôi là thầy của các ông nữa. Nếu các ông muốn ở lại đây, hãy thọ giới với ông ấy.”



Một hôm có người hỏi Đức Phật, “Thượng Đế có hiện hữu không?” Đức Phật nhìn người ấy và nói, “Có.” Người ấy không thể tin được tai mình, bởi vì người ta thường nói là Đức Phật không hề tin có Thượng Đế. Vậy sao Ngài lại trả lời như thế?

Lúc ấy ngài Nanda, một đệ tử thân cận nhất của Đức Phật, có mặt. Ngài cũng bị sốc. Đức Phật chưa hề nói một cách quả quyết như thế, chẳng nếu, chẳng nhưng gì cả. Cả đời Ngài đã chỉ trích mạnh mẽ mọi quan niệm về Thượng Đế.

Giữa Đức Phật và ngài Nanda có một thỏa thuận. Ngài Nanda là anh họ của Đức Phật. Trước khi trở thành đệ tử của Đức Phật, ngài Nanda đã ra một điều kiện, “Ông phải hứa với tôi một vài điều. Bây giờ tôi là anh họ của ông. Nhưng khi trở thành đệ tử của ông, tôi sẽ phải tuân lệnh của ông. Nhưng ngay bây giờ tôi có thể yêu cầu và ông phải tuân theo.”

Đức Phật nói, “Tôi biết anh rõ lắm. Anh sẽ không yêu cầu những gì mà tôi không làm được. Xin anh hãy nói ra.”

Ngài Nanda nói, “Chẳng có gì nhiều. Chỉ vài yêu cầu nhỏ. Một là mỗi đêm, trước khi đi ngủ, nếu tôi hỏi ông điều gì, ông phải trả lời. Ông không thể nói, ‘Cả ngày nay tôi đã mệt quá rồi vì phải tiếp xúc, phải nói chuyện với nhiều người..’ Ông sẽ phải trả lời cho tôi. Ban ngày tôi sẽ không hỏi, và tôi sẽ không quấy rầy ông. Nhưng tôi là người chưa giác ngộ, thỉnh thoảng tôi sẽ có một vài câu hỏi.”

Đức Phật nói, “Tôi chấp nhận.”

Ngài Nanda nói tiếp, “Ông sẽ không phái tôi đi xa. Tôi sẽ luôn luôn ở bên cạnh ông, và lo lắng cho ông tới khi chết. Ông sẽ không ra lệnh cho tôi, ‘Hãy đi và truyền bá lời dạy của ta,’ như thể ông đã phái người khác đi. Ông sẽ không bắt tôi đi đâu cả.”

Đức Phật nói, “Được. Điều đó không thành vấn đề.”

Ngài Nanda nói tiếp, “Nếu tôi đưa ai đến để gặp ông, thì bất kể là giờ nào, có thể ngay nửa đêm, ông sẽ phải tiếp người đó. Đây là vài đặc ân mà ông phải ban cho tôi.”

Đức Phật nói, “Tôi chấp thuận tất cả, vì tôi biết anh rõ lắm. Anh sẽ không lợi dụng những điều này...”

Cho nên khi Nanda sừng sốt vì Đức Phật nói rằng có Thượng Đế. Nhưng ông ấy không thể hỏi giữa lúc đông người. Trưa hôm đó lại có người đến hỏi Đức Phật câu tương tự, “Thượng Đế có hiện hữu không?” Ngài đã trả lời, “Không. Không có Thượng Đế.”

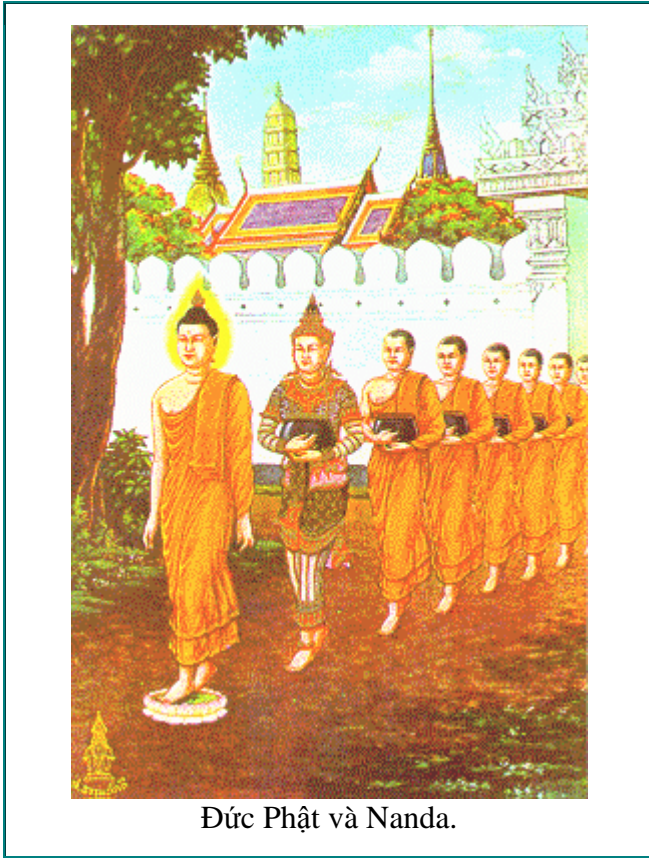
Vấn đề trở nên phức tạp. Ngài Nanda rối như tơ vò, nhưng vẫn chịu đựng được. Tối hôm ấy lại có người đến nói với Đức Phật, “Ông có thể nói gì về Thượng Đế chẳng?”

Đức Phật nhìn ông ta, nhắm mắt lại, và hoàn toàn im lặng. Người ấy cũng nhắm mắt lại. Cả hai lặng thinh đến nửa giờ đồng hồ. Trước khi ra về người ấy cúi xuống hôn chân Đức Phật và nói, “Cám ơn lời dạy của Ngài.”

Những biến cố này vượt quá sức chịu đựng của Nanda. Thời gian như ngừng lại trong lúc Nanda như lửa cháy bên trong. Khi mọi người đã ra về, Nanda chạy đến Đức Phật và nói, “Tôi không thể hiểu được. Xin hãy giúp những đệ tử chúng tôi. Ba người ấy không nghe được cả ba câu trả lời; họ chỉ biết một. Nhưng chúng tôi đã nghe được tất cả. Ngài phải nghĩ đến chúng tôi nữa chứ. Chúng tôi sẽ điên mất. Nếu cứ tiếp tục như thế, không biết chúng tôi sẽ xử trí ra sao.”

Đức Phật nói, “Ông phải nhớ một điều. Trước hết, những câu hỏi đó không phải là của ông nên tôi không trả lời cho ông. Sao ông thắc mắc làm gì

vậy? Đó không phải việc của ông. Đó là chuyện của tôi và những người ấy.”



Nanda nói, “Tôi hiểu rồi. Đó không phải là câu hỏi của tôi, và Ngài đã không trả lời cho tôi. Nhưng tôi có tai, và tôi biết nghe. Tôi nghe được câu hỏi, và cũng nghe được câu trả lời. Ba câu trả lời mâu thuẫn nhau hoàn toàn. Đầu tiên Ngài nói có, sau đó

thì không. Cuối cùng Ngài giữ im lặng. Ngài không nói một lời mà người ấy hôn chân Ngài rồi nói, ‘Cám ơn lời dạy của Ngài.’ Và chúng tôi đã chứng kiến tất cả. Ngài đã không nói gì với người ấy.”

Đức Phật nói, “Ông nhìn đời một cách cứng ngắt. Đó là rắc rối của ông. Cái gì cũng tương đối thôi. Với người đầu tiên, câu trả lời phải là có, vì nó thích hợp với anh ta, với câu hỏi có anh ta, với bản thể, với đời sống của anh ta. Tôi trả lời có vì anh ta là người vô thần. Anh ta không tin ở Thượng Đế, và tôi không muốn ủng hộ sự ngu xuẩn của anh ta. Anh ta luôn luôn nói không có Thượng Đế. Thậm chí nếu một xó xỉnh nhỏ bé nào đó chưa được thám hiểm, biết đâu Thượng Đế có mặt ở đó. Ông chỉ có thể nói một cách tuyệt đối chắc chắn là không có Thượng Đế khi đã thám hiểm tất cả cái tồn tại. Sau đó mới có thể kết luận được, mà anh ta chỉ tin một cách mù quáng rằng không có Thượng Đế; anh ta không có kinh nghiệm hiện thực về Thượng Đế. Cho nên tôi phải phá hủy anh ta. Tôi phải đánh thức anh ta. Tôi phải đập mạnh vào đầu anh ta. Tôi trả lời có vì nó tương đối với anh ta, với con người của anh ta. Anh ta không hỏi chỉ để mà hỏi. Cũng một câu hỏi ấy của người khác, có thể phải trả lời khác.

“Vì vậy tôi đã trả lời không với người thứ hai. Cũng một câu hỏi ấy, cũng gồm những lời ấy, nhưng đứng đằng sau câu hỏi ấy lại là người khác nên quan hệ giữa lời và ẩn ý đã thay đổi. Người thứ hai cũng dốt như người trước, nhưng đối nghịch nhau. Anh ta tin vào Thượng Đế và muốn tôi ủng hộ đức tin của anh ta. Tôi chẳng hỗ trợ tín ngưỡng của ai cả, vì đức tin là một rào chắn. Chẳng cần biết tín ngưỡng đó là gì, đúng hay sai. Không có tín

ngưỡng nào đúng. Không có tín ngưỡng nào sai. Mọi tín ngưỡng đều ngu xuẩn. Tôi phải nói không với anh ta.

“Người thứ ba không có tín ngưỡng. Anh ta không hỏi, “Có Thượng Đế không?” Không. Anh ta đến với một tâm hồn phóng khoáng, không có thiên kiến, không có ý hệ, định kiến. Anh ta là người lành mạnh, thông minh. Anh ta hỏi, ‘Ngài có thể nói gì về Thượng Đế chẳng?’ Anh ta không đến để tìm hậu thuẫn cho tín ngưỡng của anh ta. Anh ta không đến để tìm đức tin. Anh ta không hỏi với một định kiến, mà hỏi về kinh nghiệm của tôi, ‘Ngài có thể nói gì về Thượng Đế chẳng?’

“Tôi biết anh ta không có tín ngưỡng, tin hay không tin, anh ta là người hồn nhiên. Đối với một người như thế, câu hỏi không còn quan trọng lắm. Tôi không thể nói có, cũng không thể nói không. Chỉ có im lặng mới thích hợp. Mà đúng như dự đoán của tôi. Anh ta nhắm mắt lại khi thấy tôi nhắm mắt. Anh ta đã hiểu câu trả lời của tôi: hãy im lặng và trở vào trong. Anh ta đã thiền quán trong nửa giờ với tôi, và nhận được câu trả lời là Thượng Đế không phải là một lý thuyết, mà tín ngưỡng thì phải theo hoặc chống lại. Vì vậy anh ta đã cảm ơn tôi.

“Còn ông thì thắc mắc vì sao mà anh ta cảm ơn tôi. Anh ta nhận được câu trả lời rằng im lặng là thiêng liêng, rằng im lặng là thánh thiện; ngoài im lặng ra, chẳng có thần thánh nào cả. Anh ta ra về trong sự vui sướng, thoả mãn. Anh ta đã tìm được câu trả lời. Việc làm của tôi là cho phép anh ta ở trong sự hiện diện của tôi.”

Không Trở Mình

Khi ngủ Đức Phật chỉ có một thể nằm. Cả đêm Ngài không hề trở mình bao giờ. Thế nằm ngủ ấy đã trở thành nổi tiếng. Rất nhiều tượng Phật ở Tích Lan, Trung Quốc, Nhật, Việt Nam, và Ấn Độ đã được tạc theo thế nằm ấy. Ở Ajanta, Ấn Độ, có một tượng Phật nằm. Thế nằm ngủ đó đã được ngài Nanda kể lại.

Một hôm Nanda hỏi, “Tôi vẫn thường thắc mắc. Ngài nằm như thế cả đêm. Ngài có ngủ không vậy? Thường thì người ta trở mình khi ngủ. Còn khi Ngài ngủ, hoặc như thế ngủ, có vẻ Ngài vẫn tỉnh thức. Dường như Ngài biết rõ mọi cử động của cơ thể. Ngài cũng không trở mình một cách vô ý thức.”

Đức Phật nói, “Đúng vậy, khi tâm trí ngừng vọng động, không mộng mị, chỉ có cơ thể là ngủ. Tâm thức luôn luôn cảnh giác.”



Chiến Sĩ Của Tình Thương

Đức Phật bị bao quanh bởi một đám đông thù nghịch. Họ dùng những lời lẽ thô lỗ, tục tằn để nói với Ngài, bởi vì Ngài đã chống lại tôn giáo có tổ chức của họ, và đã chỉ trích thánh thư của họ là kinh Vệ Đà. Ngài đã kết tội các tu sĩ vì họ là những người lợi dụng, ăn bám. Họ chống lại Ngài là lẽ đương nhiên.

Một hôm Ngài đi ngang một làng của người Bà La Môn. Họ bao vây Ngài và chửi bới thậm tệ. Ngài lặng thinh lắng nghe. Các đệ tử của Ngài giận lắm, nhưng vì có Ngài ở đó, họ đã không nói năng gì. Ngài đứng lặng yên một pho tượng và lắng nghe như thể đang nghe họ chúc mừng Ngài.

Cuối cùng Ngài nói với họ, “Nếu quý vị đã nói hết những gì muốn nói, tôi xin cáo từ vì làng khác có nhiều người đang chờ tôi. Nhưng nếu chưa nói hết, vài ngày nữa tôi sẽ trở lại, và tôi sẽ thông báo trước cho quý vị. Lúc đó tôi sẽ có đủ thời giờ để nghe tất cả những gì quý vị muốn nói.”

Một người trong đám đông nói, “Ông có biết những gì chúng tôi đang nói không? Chúng tôi đang chửi ông. Ông có hiểu hay không? Người khác thì đã nổi tam bành rồi, còn ông thì lạnh như tiền...”

Những lời mà Đức Phật nói với dân làng đó rất có ý nghĩa. Ngài nói, “Quý vị đến hơi trễ rồi. Mười

năm trước đây tôi cũng khùng điên như quý vị vậy. Nếu hỏi đó mà quý vị gặp tôi mà thóa mạ như thế, khó có người nào trở về một cách lành lặn được.”

Mười năm trước Ngài là một thái tử, một dũng sĩ, một tay cung khét tiếng đương thời, một kiếm sĩ ngoại hạng. Thế mà đám dân ngu này dám đùa dai. Nếu Ngài muốn chém đầu họ, chuyện ấy dễ như trở bàn tay. Họ chẳng biết gì về kiếm cung, hay danh dự của một dũng sĩ. Ngài có thể lấy đầu họ như lấy đồ trong túi.

Ngài nói, “Quý vị đến quá trễ. Mười năm trước thì khác hẳn. Nhưng nay tôi không còn khùng điên nữa; tôi không thể phản ứng. Nhưng tôi có một câu hỏi cho quý vị. Dân của làng mà tôi mới đi qua đã dâng bánh kẹo, hoa quả. Nhưng chúng tôi chỉ ăn ngày có một lần, và chúng tôi đã ăn. Mà chúng tôi cũng không mang theo gì cả. Cho nên chúng tôi đã phải nói với họ, ‘Xin hãy tha lỗi cho chúng tôi. Chúng tôi không thể nhận bánh kẹo và hoa quả. Chúng tôi ghi nhận tình yêu của quý vị, nhưng bánh kẹo và hoa quả thì xin quý vị giữ lại.’

Ngài nói tiếp với đám đông đang phẫn nộ này, “Tôi muốn hỏi quý vị một câu. Dân làng ấy phải làm gì với bánh kẹo và hoa quả ấy?”

Một người trong bọn nói, “Có gì khó hiểu đâu? Họ sẽ chia nhau những thứ ấy.”

Đức Phật nói, “Tôi không biết phải làm gì bây giờ, bởi vì tôi không nhận những gì quý vị mang tới, cũng như chúng tôi đã không nhận bánh kẹo và hoa quả của làng kia. Nếu tôi không nhận sự thô lỗ, những lời lẽ bần thiêu và tục tằn của quý vị, nếu tôi không nhận, quý vị sẽ làm gì? Quý vị sẽ làm gì với

những rác rưởi mà quý vị mang tới? Quý vị sẽ phải mang về nhà mà chia lại cho vợ con và láng giềng. Quý vị sẽ phải đem về mà chia nhau, bởi vì tôi sẽ không nhận. Và quý vị không thể làm tôi giận được, trừ khi tôi chấp nhận sự lãng nhục và sỉ vả của quý vị.



Có một tên nữa điên, nửa khùng. Y thề sẽ giết đủ một ngàn người mới thôi vì y quá hận đời. Y muốn trả thù bằng cách giết đủ một ngàn người. Và cứ giết một người, y chặt một ngón tay treo trên cái vòng đeo cổ. Đủ một ngàn ngón mới thôi. Vì thế Y được tặng cái biệt danh là Angulimala (Thiên Chi Vương) – nghĩa là người có râu chuỗi bằng tay người.

Y đã giết được chín trăm chín mươi chín người rồi. Còn một người nữa y phải giết bằng mọi giá. Cho nên khi thấy bóng của y, mọi người bỏ chạy hết.

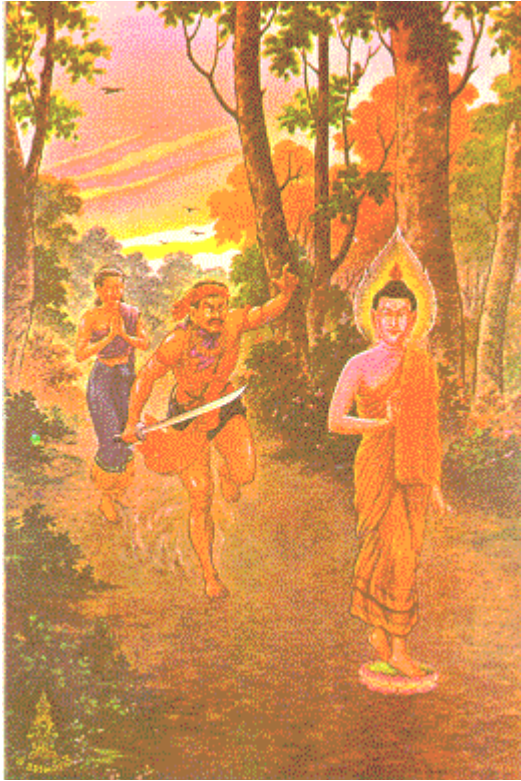
Đức Phật một hôm đi ngang qua khu rừng ấy. Dân làng đều nói với Ngài, “Xin đừng đi! Tên Angulimala hiện đang ở đó. Nó chẳng biết phải trái là gì. Nó cũng bắt kể Ngài là ai. Nếu Ngài muốn qua đường, xin đi lối khác!”

Đức Phật nói, “Nếu ta không vào hang cọp, ai sẽ vào? Mà hấn chỉ cần một ngón nữa thôi nên ta phải đến.”

Ước nguyện của Angulimala sắp thành tựu. Hắn là người có nhiều nghị lực; một mình dám chống lại cả xã hội; hắn đã giết cả ngàn người rồi. Quân binh cũng phải e dè. Chính quyền cũng bó tay. Nhưng Phật nói, “Hắn cần sự giúp đỡ của tôi nên tôi phải liều một phen vậy. Hoặc là hắn sẽ giết tôi, hoặc là tôi sẽ độ cho hắn.” Đó là việc mà các thánh nhân vẫn thường làm. Phật đến gặp hắn. Ngay cả các đệ tử thân cận nhất của Ngài cũng lùi lại đằng sau. Cho nên Đức Phật một thân một mình đến gặp Angulimala lúc hắn đang ngồi trên một tảng đá. Y nhìn con người hồn nhiên ấy mà cảm thấy tội nghiệp thay. Y tự nghĩ, “Người này hẳn không biết ta là ai nên mới đến đây nạp mạng như thế. Nhưng ông ta là người rất đáng thương. Ta không nỡ giết ông ta. Vậy ta sẽ tha cho ông ấy và chờ người khác vậy.”

Y nói với Đức Phật, “Dừng lại! Dừng bước thêm một bước nữa. Hãy quay lại và trở về. Ta là Thiên Chi Vương đây. Xâu chuỗi của ta đã có chín trăm chín mươi chín rồi. Ta cần một ngón nữa là đủ. Thậm chí nếu mẹ ruột ta đến đây, ta cũng giết bà ấy để hoàn thành lời hứa của ta. Dừng đến gần đây. Ta cảnh cáo ngươi đó. Ta chẳng tin thần thánh. Ta bất kể ông là ai. Ông có thể là một tu sĩ, một thánh nhân, nhưng ta chẳng cần biết. Ta chỉ cần một ngón tay nữa thôi. Của ông hay của ai cũng được. Vậy đừng đến gần nữa, không thì chớ trách ta.” Đức Phật vẫn tiến tới.

Angulimala nghĩ bụng, “Chắc là tên này điếc hay là điên rồi!” Y hét lên, “Đứng lại! Dừng đến gần ta!”



Angulimala với sấu chuỗi tay người.

Đức Phật nói, “Ta đã dừng lại từ lâu rồi. Angulimala, ông mới là người còn vọng động. Ta đã ngưng rồi vì chẳng còn gì thúc đẩy ta nữa. Ta đã dừng lại rồi vì chẳng còn tham vọng gì nữa. Ta chẳng có chủ đích nào nữa. Ông mới là người còn nhiều vọng động đấy. Cho nên ta nói với ông: hãy đứng lại!”

Angulimala cười ngất. Y nói, “Ông thật là điên rồi! Tôi đang ngồi đây mà ông bảo tôi đứng lại! Ông đang đi mà lại nói đã dừng lại rồi. Hoặc là ông điên, hoặc là khùng. Ông thuộc loại nào vậy?”

Đức Phật đến gần và nói, “Nghe nói ông cần một ngón tay nữa. Cái thân già của lão đây cũng vô dụng. Khi ta chết, nó sẽ bị đốt đi, chẳng giúp gì cho ai cả. Vậy ông cứ giết ta đi rồi lấy ngón tay của ta mà hoàn thành lời hứa. Đây là cơ hội cuối cùng để cho thân xác của ta có thể được dùng cho một lợi ích nào đó, trước khi nó hóa ra tro bụi.”

Angulimala nói, “Ông nói sao? Ta cứ tưởng ta là người điên duy nhất ở đây. Đừng có đóng kịch với ta, vì ta vẫn có thể giết ông đấy!”

Đức Phật nói, “Ta có một ước nguyện trước khi chết. Xin ông hãy cắt cành cây kia cho ta.” Angulimala vung đao lên. Một cành cây to đổ xuống. Đức Phật nói tiếp, “Xin hãy gắn nó lại!”

Angulimala nói, “Điên thật rồi mà! Ta có thể chém đứt nhưng không thể gắn lại được.”

Đức Phật cười sặc sụa và nói, “Vậy là ông chỉ biết phá hoại mà không biết xây dựng. Phá hoại thì con nít cũng làm được, có gì mà anh hùng chứ? Cành cây này con nít cũng cắt được, nhưng chỉ có thánh mới gắn lại được. Mà nếu cành cây mà ông không gắn lại được, sao ông dám cắt cổ người ta? Ông đã nghĩ về việc đó chưa?”

Angulimala nhắm mắt lại. Y quỳ xuống chân Đức Phật và nói, “Xin hãy nhận con làm đệ tử!” Và truyền thuyết nói rằng ngay lúc đó Angulimala đã chứng nghiệm được chân lý.

Hôm sau Angulimala theo Đức Phật vào thành khất thực. Nhà nhà đều khóa chặt cửa. Mọi người nói, “Mặc dù y đã là đệ tử của Phật, nhưng ai mà biết được. Nó rất nguy hiểm.” Dân chúng vẫn còn sợ. Chẳng ai dám ra đường. Khi Angulimala gõ cửa, không ai dám mở cửa vì tất cả đều sợ. Nhiều người đứng trên lầu nhìn xuống. Có người lấy đá mà liệng vì nhiều gia đình đã có người bị hắn giết chết.

Angulimala ngã quỵ xuống đường, máu me đầy mình, thương tích chỗ nào cũng có. Đức Phật và các đệ tử khác hỏi, “Angulimala, Ông có sao không?”

Angulimala mở mắt ra và nói, “Con cảm ơn Thầy. Họ có thể giết con, nhưng không thể chạm đến con được. Con đã giết nhiều người, nhưng nay mới nhận ra điều đó.”

Đức Phật nói, “Angulimala đã đắc đạo; ông ấy là một Bà La Môn, người biết rõ về chân lý.”

Hạt Mầm Giải Thoát.

Một đứa trẻ chết. Cha nó cũng đã chết trước rồi. Mẹ nó sống chỉ vì nó. Nó là sự sống và hy vọng của bà ấy. Bà ấy sống chỉ vì nó nên khi nó chết, bà ấy trở nên thác loạn. Bà ấy không chịu đem con đi hỏa

táng. Bà ấy ôm chặt lấy con, hy vọng nó sẽ sống lại. Nếu được chết thay cho con, bà ấy sẵn lòng.

Láng giềng đến an ủi bà và nói, “Bà đã tìm đủ thầy, đủ thuốc rồi mà cũng không cứu được nó. Vậy xin bà hãy chấp nhận để cho nó dễ siêu thoát.” Nhưng vì thương con quá, bà ấy chẳng nghe lời khuyên của ai cả. Một số người thông cảm nỗi khổ của bà nên nói với nhau, “Cách hay nhất là đưa bà ấy đến gặp Đức Phật. Cũng may là Ngài đang có mặt ở đây.”

Bà ấy mừng quá, nghĩ rằng người như Đức Phật có thể làm được tất cả; làm cho nó sống lại thì quá dễ với Ngài. Bà ấy đến, đặt xác con dưới chân Ngài, khóc lóc và nói, “Ngài là một thánh sống. Ngài biết rõ những bí mật về sống, chết. Con đến đây để xin Ngài cứu nó.”

Đức Phật nói, “Ta có thể làm được chuyện đó, nhưng có một điều kiện bà phải làm trước khi ta ra tay.”

Bà ấy nói, “Điều kiện nào con cũng chấp nhận. Nếu phải chết để cho nó sống, con sẽ tuân theo.”

Đức Phật nói, “Điều kiện ấy rất đơn giản. Bà hãy vào trong làng, tìm nhà nào không có người chết, và hãy lấy cho ta vài hạt đậu trong nhà ấy.”

Trong nỗi tuyệt vọng, bà ấy gõ cửa từng nhà để xin đậu. Chủ nhà nói, “Bà muốn bao nhiêu đậu cũng được, nhưng chúng sẽ không giúp được bà. Không phải một, mà nhiều người đã chết trong gia đình chúng tôi; có lẽ hàng nghìn người đã chết trong giòng họ chúng tôi.

Bà ấy tiếp tục đi tới chiều tối thì chợt tỉnh ngộ. Bà ấy đã đến từng nhà, và nhà nào cũng đều nói như thế. Họ sẵn lòng giúp bà, nhưng họ nói, “Những hạt đậu này sẽ không giúp được bà. Đức Phật đã nói rõ với bà, ‘Phải lấy đậu trong nhà không có người chết.’”

Chiều hôm đó, khi trở về, bà ấy đã trở thành người khác. Bà ấy không còn là người có con chết sáng nay nữa. Bà ấy đã hiểu rõ rằng chết là một phần của sự sống, không gì có thể thay đổi được. Bà ấy tự nhủ, “Nếu con ta có sống được vài năm nữa, cuối cùng nó cũng sẽ chết. Có sống là có chết. Cho nên dù có cứu được, nó cũng không thể sống mãi mãi được.”

Bà ấy không còn khóc nữa, và đã trở nên bình tĩnh, thanh thản. Bà ấy đã hiểu rõ và không còn đòi hỏi những cái không thể xảy ra nữa. Bà ấy trở về và ngồi dưới chân Đức Phật. Ngài hỏi, “Đậu của ta đâu? Ta đã chờ cả ngày rồi.”

Thay vì khóc, bà ấy cười và nói, “Ngài đã đùa với con. Con không muốn xin Ngài cứu con của con nữa. Xin hãy để nó an nghỉ trong bình an. Và con xin Ngài chấp nhận cho con làm đệ tử của Ngài. Ngài đã tìm ra cái không thể chết. Con cũng muốn tìm được cái đó. Con chẳng quan tâm đến con của con, hay bất kỳ ai nữa. Quan tâm của con hiện nay là tìm cái chân lý không bao giờ chết, cái chân lý của chính sự sống.”

Đức Phật nói, “Bà đã hiểu là ta đã đòi hỏi cái không tưởng, nhưng chỉ có cách đó ta mới làm cho bà hiểu được.”

Thầy thuốc tâm linh

Đức Phật đi ngang một làng có người mù nhưng hay lý sự. Cả làng nói với ông ta về ánh sáng, nhưng không ai chứng minh được là ánh sáng có thật.

Chẳng có cách nào để chứng minh ánh sáng cả. Hoặc là bạn thấy, hoặc không, nhưng không thể chứng minh được.

Anh mù nói, “Tôi có thể sờ được, và tay tôi có cảm giác. Bạn hãy đưa ánh sáng lại đây. Tôi sẽ sờ và sẽ cảm thấy được.”

Nhưng tay không thể sờ ánh sáng được. Họ nói, “Không thể sờ được, cũng không cảm thấy được.”

Anh mù nói, “Dùng cách khác vậy. Tôi có thể ngửi, có thể nếm, có thể nghe được. Tôi chỉ có những giác quan đó thôi. Tôi sẽ dùng tai, dùng mũi, dùng lưỡi, hay dùng tay. Vậy tôi phải theo lẽ thông thường của tôi, hay tôi phải theo các người? Theo tôi thì chẳng có ánh sáng; các người chỉ khéo bịa đặt mà thôi. Các người đặt chuyện để gạt những người ngây thơ như tôi để chứng minh các người có mắt, còn tôi đui. Vấn đề không phải là có ánh sáng hay không. Các người chỉ muốn chứng minh là các người có mắt, còn tôi thì không. Bởi vì không cãi lại tôi nên các người mới vẽ rắn thêm chân như thế. Chẳng có ai thấy ánh sáng, bởi vì nó không có thật.”

Khi Đức Phật có dịp đi ngang làng đó, dân làng nói với nhau, “Đây là cơ hội tốt. Chúng ta hãy đem trạng sư của chúng ta đến gặp Ngài. Biết đâu Ngài chẳng thuyết phục được anh gàn ấy. Nếu Ngài cũng chịu thua, lão ấy hết thuốc chữa rồi.”

Anh mù ấy được đưa đến gặp Đức Phật. Dân làng đã kể rõ tự sự cho Ngài, rằng lão già ấy cố cãi là mọi người đều mù, rằng không có ánh sáng, rằng không ai có thể chứng minh được ánh sáng có thật.

Nhưng lời Đức Phật rất đáng để đời. Ngài nói, “Tôi không phải là người ông ta cần gặp. Ông ta không cần một triết gia. Ông ta cần bác sĩ. Vấn đề không phải là thuyết phục, mà là chữa mắt cho ông ta. Nhưng may quá. Bác sĩ của chúng tôi có ở đây.” Một ông vua của một tiểu quốc đã phái một bác sĩ đi theo Đức Phật ngày đêm để săn sóc cho Ngài.

Ngài nói với vậ bác sĩ ấy, “Hãy săn sóc cho ông ta.”

Bác sĩ khám mắt ông ta rồi nói, “Cũng không đến nỗi nặng lắm. Mắt ông ta bị nhiễm trùng. Nhiều nhất là sáu tháng ông ta có thể lành bệnh.”

Đức Phật để bác sĩ ấy lại làng đó, và sau sáu tháng ông ta mở mắt nhìn đời. Những lý luận cùn của ông ta mất hẳn. “Chao ôi! Hồi nào đến giờ tôi vẫn nói là mọi người gạt tôi, chọc ghẹo tôi. Ánh sáng có thật. Tôi bị mù. Nếu chấp nhận là mù ngay từ đầu, tôi đã không phải sống trong bóng tối bấy lâu nay.”

Sáu tháng sau Đức Phật trở lại. Lão mù ngày xưa vui như mở cờ trong bụng. Ông ta quỳ xuống dưới chân Ngài và nói, “Ngài thật là từ bi vô lượng.

Ngài đã không thềm cãi với con, mà cho bác sĩ chữa cho con.”

Đức Phật nói, “Đó là việc của ta. Những người mù về mặt tâm linh rất đông. Ta không cần phải thuyết phục họ về những cái đẹp, những phúc lạc, những ngây ngất của cái tồn tại. Ta là một thầy thuốc.”



Một sáng kia vua Prasenjta đến thăm Đức Phật. Ông ấy mang theo một bông huệ thật là đẹp, cùng với một hạt kim cương rất quý. Ông ấy đến theo lời thỉnh cầu của vợ, “Khi Đức Phật đến đây, ông đừng mất thời giờ với những đám ngổ kia và bàn luận những chuyện tầm phào với chúng...”

Từ lúc nhỏ bà ấy đã theo Đức Phật, trước khi kết hôn. Chồng của bà ấy chẳng biết gì về Đức Phật cả, nên khi nghe vợ căn dặn, ông ấy nói, “Nhân cơ hội này ta cũng muốn đến để biết người ấy thuộc loại nào.”

Vì là người có cái tôi rất lớn, ông ta lấy một hạt kim cương quý giá nhất để tặng Đức Phật. Ông ta không muốn đến như một thường nhân. Thật ra, ông ta muốn mọi người biết ai vĩ đại hơn, Phật hay Prasenjta. Hòn ngọc ấy quý giá đến độ máu đã đổ, thịt đã rơi rất nhiều vì nó.

Thấy điệu bộ của ông ta, bà vợ cười to và nói, “Ông chẳng hề biết người ông sẽ gặp là loại nào. Tốt hơn là ông mang theo một bông hoa, hơn là

một hòn ngọc. Ông ta chẳng hiểu ý vợ nhưng nói, “Cũng chẳng hại gì. Hay là ta đem theo cả hai.”

Khi đến gặp Đức Phật, ông ta dâng hòn ngọc đang mang theo trong tay. Đức Phật nói, “Hãy bỏ nó xuống!” Theo phản ứng tự nhiên, ông ta bỏ nó xuống. Ông ta nghĩ có lẽ vợ đã nói đúng. Khi ông ta dâng lên bông hoa đang cầm trong tay kia, Đức Phật lại nói, “Hãy bỏ nó xuống!”

Ông ta bỏ hoa xuống và tự nghĩ, “Lão này có vẻ quái chiêu quá thật!” Lúc đó Phật có mười ngàn đệ tử. Prasenjta muốn chui xuống đất mà trốn vì cảm thấy quá ngượng ngùng. Đức Phật lại nói, “Ông không nghe lời ta nói sao? Hãy bỏ nó xuống!” Prasenjta nghĩ, “Lão này điên rồi. Ta đã bỏ hòn ngọc, và đã bỏ cả hoa. Còn gì nữa mà bỏ?”

Ngay lúc đó, Xá Lợi Phất, đại đệ tử của Phật, phá lên cười. Prasenjta quay lại hỏi, “Sao mà Ngài cười vậy?”

Xá Lợi Phất nói, “Ông không hiểu ý của Đức Phật. Ngài không nói ông phải bỏ hòn ngọc, không phải bỏ bông hoa. Ngài muốn ông bỏ chính mình, bỏ cái tôi của ông xuống. Ông có thể giữ hoa, có thể giữ ngọc, nhưng hãy bỏ cái tôi. Đừng giữ nó làm gì.”



Bạn đã nghe về Cleopatra, người đàn bà đẹp nhất Ai Cập. Người đàn bà Ấn đẹp ngang với

Cleopatra là Amrapali. Bà ấy sống cùng thời với Đức Phật.

Lúc ấy Đức Phật đang tạm trú tại thành Vaishali, nơi Amrapali đang làm kỹ nữ. Hồi đó Ấn Độ có một tục lệ rất là cổ quái. Người đàn bà đẹp nhất thành phố không được phép lấy chồng, bởi vì điều đó sẽ tạo ra ghen tỵ, xung đột, tranh chấp không cần thiết. Cho nên người đàn bà đẹp nhất phải trở thành vợ công cộng.

Nhưng không phải vì họ mọi rợ. Ngược lại, bà ấy được mọi người kính trọng, như thể ngày nay ta gọi người đàn bà đẹp nhất là hoa hậu. Bà ấy không phải là một kỹ nữ tầm thường. Những người đến với bà ấy là những người giàu lớn, vua chúa, quận công, và những người có thể lực nhất của xã hội.

Amrapali rất là đẹp. Một hôm, từ trên lầu bà ấy thấy một nhà sư trẻ. Bà ấy chưa hề yêu ai, mặc dù ngày ngày bà ấy đóng kịch thương người này, yêu người kia, nhưng hôm nay bất thình lình bị tiếng sét ái tình đánh trúng. Mà ngoài cái bình bát ra, người trai ấy chẳng có gì cả. Nhưng người trai ấy rất tự tin, tỉnh thức, và đầy sức sống, toàn thân thoát ra một mùi đạo hạnh. Amrapali từ trên lầu phóng xuống như bay và nói với nhà sư ấy, “Hôm nay xin thầy hãy nhận đồ cúng của tôi.”

Sau nhà sư ấy có nhiều sư khác theo sau, bởi vì mỗi khi Đức Phật đi đâu, có cả mười ngàn đệ tử đi theo. Những vị sư khác không thể ngờ được chuyện ấy. Họ cảm thấy ghen tỵ, giận dữ khi thấy nhà sư trẻ ấy được Amrapali săn đón.

Amrapali nói, “Ba ngày nữa là mùa mưa sẽ bắt đầu...” Trong bốn tháng mưa, các đệ tử của Phật

không đi khát thực. Trong bốn tháng họ ở lại một chỗ; tám tháng còn lại họ luôn luôn di chuyển; họ không thể ở lại một chỗ quá ba ngày.

Đó là một nhận xét tâm lý độc đáo: muốn cảm thấy quyến luyến một nơi nào đó, bạn phải ở đó ít nhất bốn ngày. Bạn có thể tự kiểm chứng điều đó. Thí dụ, ngày đầu đến chỗ lạ, bạn sẽ không ngủ được, nhưng ngày thứ hai thì đỡ hơn; ngày thứ ba tương đối thoải mái hơn; ngày thứ tư bạn đã quen như thể nhà mình. Cho nên nếu là một sa di, quá ba ngày bạn phải khăn gói lên đường.

Amrapali nói, “Ba ngày nữa là mùa mưa sẽ bắt đầu. Tôi muốn mời ngài lưu lại trong tỳ xá trong thời gian ấy.”

Nhà sư trẻ ấy nói, “Xin để tôi xin phép sư phụ đã. Nếu Ngài bằng lòng, tôi sẽ trở lại.”

Khi nhà sư trẻ ấy bước ra, các nhà sư khác xúm lại hỏi chuyện gì đã xảy ra. Người ấy nói, “Tôi đã ăn rồi, nhưng bà ấy mời tôi ở lại trong mùa kiết hạ. Tôi nói là tôi phải xin phép sư phụ đã.”

Những nhà sư khác giận dữ. Một ngày đã là quá rồi, nhưng những bốn tháng! Họ trở lại tìm Đức Phật. Trước khi nhà sư trẻ ấy trở về, cả trăm người đã ton hót với Ngài, “Không thể để cho y làm như thế được. Bà ấy là một kỹ nữ. Mà một nhà sư ở với một kỹ nữ thì ai mà coi được!”

Đức Phật nói, “Chớ nên hấp tấp như thế. Hãy để anh ta về đây. Anh ta chưa nhận lời mời, và nói chỉ chấp nhận nếu được sự đồng ý của ta. Để coi anh ta nói gì.”

Nhà sư trẻ ấy trở về quỳ dưới chân Đức Phật và kể rõ đầu đuôi, “Bà ấy là một kỹ nữ nổi tiếng, Amrapali. Bà ấy mời con ở lại nhà trong bốn tháng mưa. Con trả lời là con phải chờ sư phụ quyết định.”

Đức Phật nhìn vào mắt anh ta rồi nói, “Con có thể ở đó.”

Một cái sốc lớn cho mười ngàn tăng chúng. Tất cả đều sửng sốt, nhưng không dấu được sự ghen tuông và giận dữ. Họ không thể ngờ được là Đức Phật đã chấp thuận cho một nhà sư ở với một gái điếm. Khi nhà sư trẻ ấy đến ở với Amrapali được ba ngày, các nhà sư khác bắt đầu đàm tiếu. Cả thành phố nhón nháo chỉ vì một nhà sư ở với một gái làng chơi trong bốn tháng trời.

Đức Phật nói, “Các người hãy im lặng. Bốn tháng sẽ qua đi, và ta tin tưởng đệ tử của ta. Ta đã nhìn vào mắt của anh ta, và ta không thấy có sự ham muốn. Nếu ta không cho phép, anh ta sẽ không phản đối. Anh ta đến đó vì ta đã chấp thuận. Ta tin đệ tử của ta, tin sự tỉnh thức của anh ta, tin thiền quán của anh ta. Mà tại sao các người phải lo lắng như thế? Nếu thiền quán của anh ta có chiều sâu, Amrapali sẽ thay đổi, nếu không, anh ta sẽ bị Amrapali quyến rũ. Vì vậy vấn đề là giữa thiền và sắc đẹp. Hãy chờ bốn tháng nữa. Ta tin người trai ấy. Anh ta rất thành tâm và cương quyết. Nhất định anh ta sẽ thành công, và sẽ cải hoá người đàn bà ấy.”

Tất cả đều nghi ngờ. Họ nói với nhau, “Sư phụ dễ tin quá. Hẳn còn quá trẻ, lại mới ra đời. Mà

Amrapali lại quá đẹp. Sao bắt hẳn phải thử thách nhiều như thế?”



Bốn tháng sau nhà sư ấy trở lại, theo sau là Amrapali trong chiếc áo sòng. Amrapali hôn chân Đức Phật rồi nói, “Con đã dùng đủ mọi cách để quyến rũ đệ tử của Ngài, nhưng anh ta đã chinh phục được con. Đạo hạnh và sự tỉnh thức của anh ta chính là bằng chứng rằng đời sống thực sự là ở dưới chân Ngài. Con muốn dâng tất cả tài sản của con cho tăng đoàn.”

Bà ấy có một biệt thự lộng lẫy và một hoa viên rất lớn. Bà ấy đã dâng cho Đức Phật để Ngài và các đệ tử có thể ở lại trong suốt mùa mưa.

Đức Phật nói với tăng chúng, “Các ông đã hài lòng chưa?”

Nếu thiên quán đã bảm rữa, nếu sự tỉnh thức đã rõ ràng, không gì có thể đảo lộn được nó. Thế thì tất cả đều phù du. Amrapali trở thành một đệ tử thân cận với Đức Phật, và đã được Ngài ấn chứng là đã đắc đạo.

Tượng Phật

Năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt, tượng của Ngài không hề được tạc, tranh của Ngài không được vẽ. Trong năm trăm năm ấy, mỗi khi một chùa mới được cất lên, chỉ có tấm hình cây bồ đề được trưng ở chánh điện. Ý tưởng ấy thật là độc đáo, bởi vì khi Tất Đạt Đa thành đạo, người ấy đã biến mất hoàn toàn, chỉ còn lại là cây bồ đề. Khi Tất Đạt Đa thành Phật, anh ta không còn nữa, chỉ có cây bồ đề tồn tại.

Thí Nghiệm Cuối Cùng

Ngày cuối cùng khi Đức Phật còn tại thế, Ngài đã được một dân quê mời đến nhà dùng cơm. Theo thông lệ, Ngài sẽ chấp nhận lời mời của người đầu tiên mời Ngài về nhà dùng cơm. Ngài chỉ ăn ngày có một bữa.

Thường thì chẳng đến lần người nghèo. Hôm xảy ra một cách tình cờ. Một ông vua đang trên đường đến mời Ngài, nhưng giữa đường xe bị hư, và ông ta bị trễ. Ông ta chỉ trễ có vài phút, sau khi Đức Phật đã nhận lời mời của người khác.

Nhà vua nói với Đức Phật, “Tôi biết rõ người ấy lắm. Ông ta luôn luôn tìm cơ hội để mời Thế Tôn, mỗi khi Thế Tôn ghé qua làng này.”

Có vài thành phố mà Đức Phật rất thích. Vaishali là một trong những thành phố đó. Trong bốn mươi hai năm hoằng pháp Ngài đã đến đó ít nhất bốn mươi lần, gần như mỗi năm Ngài đều đến đó. Và Ngài đã ở lại đó ít nhất mười hai mùa mưa, bởi vì đường xá rất là lầy lội mỗi khi mưa. Vì vậy mỗi năm từ ba đến bốn tháng, Ngài sẽ lưu lại một chỗ; tám tháng còn lại Ngài di chuyển không ngừng.

Khu vực hoằng pháp của Ngài là tiểu bang Bihar. Tiểu bang ấy do sự di chuyển của Đức Phật mà được đặt tên. Bihar nghĩa là “nơi một vị Phật

hoàng pháp.” Vì sự lui tới của Đức Phật mà Bihar có tên.



Sông Hằng và Vùng Bắc Ấn Độ

Nhà vua nói, “Tôi biết ông ta rõ lắm. Tôi đã gặp ông ta vài lần. Ông ta luôn luôn tìm cách để mời Thế Tôn, nhưng ông ta nghèo rớt mồng tơi. Xin Thế Tôn hãy từ chối lời mời của ông ta.”

Nhưng Đức Phật nói, “Không thể được. Tôi không thể từ chối ai cả. Tôi phải đi.” Theo đúng giờ hẹn, Ngài đã đến để gặp đình mệnh. Dân nghèo ở Bihar thu lượm nắm dại, phơi khô để ăn trong mùa mưa. Thịnh thoảng họ lấy phải nắm độc. Và người ấy chỉ có cơm và nắm để đãi Đức Phật.

Đức Phật nhìn vào mâm cơm nhưng chẳng nói gì vì không muốn người ấy buồn. Nắm đắng quá, nhưng nói ra lại sợ gia chủ buồn. Ngài ăn mà chẳng nói gì. Sau đó Ngài cảm ơn rồi ra về và chết vì ngộ độc thức ăn.

Lúc Ngài lâm chung, có người hỏi, “Tại sao Thế Tôn phải nhận lời mời của lão già ấy? Thế Tôn không nhớ lời cảnh cáo của nhà vua sao? Các đệ tử khác cũng cảnh cáo Thế Tôn vì lão già ấy nghèo quá, không thể có thức ăn vừa miệng được. Mà Thế Tôn đã có tuổi, tám mươi hai rồi, nên phải ăn những thức ăn nhẹ. Vậy mà Thế Tôn đã không nghe.”

Đức Phật nói, “Ta không thể làm khác được. Mỗi khi được chân lý mời, ta phải chấp nhận. Ông ấy mời ta với tất cả tấm lòng, và tình yêu của ông ấy dành cho ta khó có người hơn. Ta chẳng thấy có gì phải hối hận cả.”

Chuyện ấy thật là đẹp. Nói về chân lý tối thượng, chuyện ấy hoàn toàn đúng. Mặt khác, điều hỏi duy nhất của bạn là lòng thành, không so đo tính toán. Nếu chúng ta thành tâm, sẵn sàng để tiếp đón chân lý, chân lý sẽ đến. Xưa nay đều như vậy cả.

Đó là quy luật của vũ trụ: chân lý không thể chinh phục nhưng có thể được mời. Ta phải trở thành gia chủ để tiếp đón người khách tối thượng. Đó là cái mà tôi gọi là thiên quán; nó giúp bạn tổng mọi rác rưởi ra ngoài; nó giúp bạn thanh tịnh, trống rỗng, nhậy cảm, dễ đón nhận. Những phẩm chất ấy giúp bạn chờ đợi một cách kiên nhẫn – chờ đợi nhưng không biết cái gì sẽ tới, chờ đợi cái không thể gọi tên, chờ đợi cái sẽ làm cho bạn trở nên trọn lành, mà thiếu nó, bạn chỉ kéo lê đời sống trong vô vọng. Nhưng ngoài cách đó ra, chẳng có gì khác cả: chỉ gửi thiệp mời rồi chờ đợi.

Đó là điều mà tôi gọi là cầu nguyện: gửi thiệp mời rồi chờ đợi với một tin tưởng sâu sắc là nó sẽ

xảy ra. Nó sẽ xảy ra, luôn luôn xảy ra. Như lời Đức Phật đã nói: *Aes dhammo sanantano* – đó là quy luật tối thượng.



Sáng sớm ngày mà Đức Phật nhập niết bàn, Ngài đã triệu tập chúng đệ tử, tăng và tục, và nói với họ, “Hôm nay là ngày cuối cùng của đời ta. Tàu đã tới, và ta phải gĩa từ các con. Cuộc hành trình này thật là đẹp. Chúng ta đã gắn bó trong tình thân trong nhiều năm qua. Nếu các con còn có câu hỏi nào, hãy cho ta biết, bởi vì các con sẽ không thấy ta trong thể xác nữa.”

Tất cả im phăng phắc. Buồn rười rượi! Đức Phật cười to và nói, “Đừng có buồn như thế. Ta đã từng nói rằng phàm những gì có khởi đầu đều có kết thúc. Các con đã học với ta trong sự sống. Nay ta sẽ dạy các con qua cái chết của ta.”

Chẳng ai còn lòng dạ nào mà hỏi Ngài. Họ đã hỏi Ngài hàng ngàn câu hỏi rồi nên trong phút cuối của Ngài, không ai muốn hỏi gì nữa. Họ than khóc. Họ sụt sùi.

Đức Phật nói, “Vĩnh biệt các con. Nếu không còn thắc mắc gì nữa, ta sẽ lên đường. Ngài nhắm mắt lại và nằm xuống dưới gốc cây. Thần thức của Ngài tách ra khỏi thể xác. Đó là giai đoạn “Thiền thứ nhất” – nói theo truyền thống Phật Giáo. Nghĩa là đoạn tuyệt với thể xác, nghĩa là khẳng định rằng, “Ta không phải là thể xác.”

Một câu hỏi nhất định phải có là Đức Phật đã kinh nghiệm điều đó chưa? Ngài đã biết, nhưng những người như Ngài phải nghĩ ra cách để thần thức của Ngài có thể nối kết với thân xác. Không thì Ngài đã chết từ lâu rồi. Chết từ bốn mươi hai năm trước, khi Ngài thành đạo. Nhưng vì lòng từ bi, Ngài đã tự tạo ra một ham muốn để giúp chúng sinh. Chính ham muốn đó đã giữ Ngài lại trong xác thịt để Ngài có thể chia sẻ những gì Ngài đã kinh nghiệm.

Vì muốn chia sẻ, Ngài phải dùng tâm trí, phải sử dụng cơ thể. Cái phân nhỏ ấy vẫn còn gắn liền với Ngài. Nay không cần đến nó nữa nên Ngài đã cắt đứt. Ngài không còn đồng hóa với cơ thể nữa. Giai đoạn thiền thứ nhất đã hoàn tất, cơ thể đã bị bỏ lại.

Giai đoạn thiền thứ hai: tâm trí bị bỏ lại. Ngài đã bỏ rơi tâm trí từ lâu; nó không thể sai khiến Ngài nữa, mà trở nên một đầy tớ trung thành khi cần tới. Nay Ngài chẳng cần đầy tớ nữa nên nó cũng bị bỏ lại, bỏ lại hoàn toàn.

Và giai đoạn thiền thứ ba: Ngài bỏ lại con tim. Nó đã hữu dụng cho đến nay; Ngài đã hoạt động qua con tim. Nhờ nó mà lòng từ bi phát khởi. Ngài đã sống với con tim. Nay Ngài cũng không cần nó nữa.

Khi ba giai đoạn thiền này đã hoàn tất, giai đoạn cuối cùng xảy ra. Ngài không bị giam hãm trong cơ thể, trong hình tướng nữa. Ngài biến vào trong đại dương tâm thức. Ngài đã trở về với bản thể muôn đời của Ngài. Ngài trở lại với cái Ngài đã

biết bốn mươi hai năm trước, nhưng Ngài đã cố nán lại đều giúp người thế.

Cái chết của Ngài đã trở thành một thí nghiệm thiền quan trọng. Nhiều người đã có kinh nghiệm tâm linh khi chứng kiến sự sống động thoát khỏi cơ thể của Ngài. Thể xác của Ngài vẫn nằm đó, nhưng cứng đờ như một pho tượng. Những người cảm thọ nhanh, nhạy cảm, tỉnh thức nhận ra ngay lập tức rằng tâm trí đã bị loại bỏ, và không còn tâm trí bên trong nữa. Những người cảm thọ nhanh hơn nữa có thể thấy được là con tim đã bị đoạn tuyệt. Và những người sắp thành chánh quả, chứng kiến Đức Phật nhập niết bàn, đã đắc đạo ngay lúc ấy.

Rất nhiều đệ tử đắc đạo ngày Đức Phật nhập niết bàn, rất nhiều – chỉ vì họ đã được chứng kiến cái chết của Ngài. Họ đã quan sát Ngài khi còn sống, đã thấy Ngài hoạt động, nhưng nay cái đỉnh cao, cái đỉnh hội tụ đã đến. Họ đã chứng kiến sự ra đi quá tuyệt đẹp của Ngài với những ân sủng, với sự tỉnh thức tuyệt đối như thế. Và chỉ cần chứng kiến cái chết của Ngài, nhiều người đã đắc đạo.

Phần Ba

Phật Pháp

Việc làm của một đạo sư là sửa soạn cho các đệ tử trước khi họ đắc đạo, để họ có thể phát biểu một cách lưu loát, là huấn luyện để họ có thể biến những cái không lời thành thi ca, đổi những cái tuyệt đối im lặng thành những ca khúc, và chuyển những cái tuyệt đối bất động thành những điệu vũ.

Tôi nghe như vậy

Một hôm Đức Phật đi ngang một khu rừng khi trời đang vào thu. Lá vàng xào xạc cuốn theo lối Ngài đi qua. Nhân lúc Ngài nghỉ chân, ngài Nanda đến hỏi, “Thế Tôn! Con có một thắc mắc nhưng không tiện hỏi khi có đông người. Xin hãy thành thật trả lời cho con. Thế Tôn đã nói tất cả những gì Thế Tôn biết, hay có những điều Thế Tôn hãy còn giấu chúng con?”

Đức Phật lấy một nắm lá rồi nói, “Ta đã nói với con chỉ có bấy nhiêu, tựa như những chiếc lá trong tay của ta, nhưng những gì ta biết thì nhiều như lá trong rừng này. Không phải là ta muốn giấu, nhưng ta không thể nói hết những gì ta muốn nói. Thậm chí nói về mấy chiếc lá này cũng đã khó khăn rồi, bởi vì nó vượt quá sự hiểu biết của tâm trí con người. Con biết ý tưởng, nhưng chưa hề biết vô niệm là gì. Con biết cảm xúc, nhưng chưa nếm được trạng thái vắng lặng những cảm xúc, như thể mây trời đã biến mất tất cả.

“Cho nên ta đã làm đủ cách,” Ngài nói, “nhưng dùng lời để cố diễn tả hơn nữa thì ta chịu thua. Nếu có thể giúp con hiểu được rằng đời sống còn có rất nhiều những cái không thể nói được bằng lời, nếu có thể thuyết phục được con là có rất nhiều cái mà

tâm trí con không thể hiểu được, ta đã mãn nguyện rồi. Thế thì hạt giống đã được gieo vào đất tốt.



Đức Phật trong cả quãng đời dài không cho phép ai ghi lại những điều Ngài nói. Lý do là nếu vừa nghe vừa viết, bạn sẽ không thể tập trung hoàn toàn; do đó những gì bạn ghi lại thì phân mất, phần còn, phần khác do bạn thêm vào. Bạn phải nghe, rồi bạn phải viết xuống, và những điều Ngài nói rất là tinh tế, đến nỗi trừ khi bạn tập trung tuyệt đối, bạn sẽ không hiểu. Cho nên thay vì ghi lại, hãy lắng nghe một cách mãnh liệt, với cả thể xác và tâm hồn, để cho những điều nghe được chìm sâu trong tâm tư của bạn.

Ngài đã thuyết pháp trong bốn mươi hai năm. Sau ngày Ngài nhập niết bàn, việc đầu tiên của các đệ tử là ghi lại những gì họ nhớ được; nếu không, nhân loại sẽ bị mất mát rất nhiều.

Việc làm của họ rất có lợi mà cũng có hại. Họ kết tập kinh điển, nhưng một hiện tượng rất lạ lùng xảy ra. Kẻ nghe vẹt, người nói gà vì ký ức mỗi người mỗi khác.

Ba mươi hai tông phái xuất hiện. Phái nào cũng nhất quyết là mình mới ghi lại trung thực những gì Đức Phật nói. Nhưng người có trí nhớ siêu việt nhất chính là ngài Nanda, người đệ tử thân cận nhất của Đức Phật. Nhưng lúc Đức Phật nhập niết bàn, ngài Ananda chưa đắc đạo. Ngài Ananda rất là khiêm tốn và tự biết rằng, “Ta chưa đắc đạo, sao ta có thể

nghe một cách trung thực từ một người đã đắc đạo? Ta sẽ giải thích, ta sẽ pha trộn nó với những ý tưởng của riêng ta, ta sẽ tô màu, ta sẽ xuyên tạc nó. Ý nghĩa của nó sẽ bị thất lạc khi đến với ta, bởi vì ta chưa có con mắt đỏ để xem, và chưa có tai ấy nghe.” Vì sự khiêm tốn ấy, những điều Ngài nhớ lại và viết ra đã trở thành những bộ kinh cơ bản của Phật Giáo. Tất cả những bộ kinh ấy đều bắt đầu với câu, “Tôi đã nghe Đức Phật nói thế này...”

Ba mươi hai tông phái kia đều có các học giả nổi tiếng lãnh đạo; họ đều uyên bác hơn ngài Ananda; họ có thể giải thích, có thể biện luận, có thể xây dựng những học thuyết lớn. Nhưng những tông phái ấy dần dần đều bị đào thải tất cả, bởi vì chúng thiếu một yếu tố duy nhất: “Tôi đã nghe như vậy...” Họ đều nói, “Đức Phật đã nói...” và họ quả quyết là Đức Phật đã nói như thế.

Những bộ kinh của ngài Ananda được tất cả chấp thuận. Điều này rất thú vị. Rất nhiều người đã đắc đạo, nhưng họ giữa im lặng vì những gì họ đã nghe không thể diễn tả được. Lại có những người chưa đắc đạo nhưng lại là những thiên tài triết lý; họ biện bác rất giỏi và luận kinh rất tài, nhưng họ không được chấp nhận. Còn người được chấp nhận thì chưa đắc đạo, không phải là một triết gia, và chỉ là một người đã săn sóc cho Đức Phật. Ngài được chấp nhận vì sự khiêm tốn, thành thật của Ngài trong câu mở đầu, “Tôi đã nghe như vậy... Tôi không biết rõ là Thế Tôn có nói như thế hay không. Tôi không thể bỏ lời vào miệng Ngài. Tôi chỉ có thể nói rằng đó là những gì tôi nghe được. Tôi có thể nói về tâm trí của tôi, nhưng không thể bàn về sự tỉnh lặng của Thế Tôn.”

Tiểu Thừa, Đại Thừa

Việc làm của một đạo sư là sửa soạn cho các đệ tử trước khi họ đắc đạo, để họ có thể phát biểu một cách lưu loát, là huấn luyện để họ có thể biến đổi những cái không lời thành thi ca, những cái tuyệt đối im lặng thành ca khúc, những cái tuyệt đối bất động thành những điệu vũ. Được thế thì họ mới hữu ích cho nhân loại mù loà.

Đức Phật chia những người đắc đạo ra làm hai loại. Cả hai cùng đạt đến cùng một đỉnh cao; giữa họ chẳng có sự cao, thấp; bản chất cơ bản của cả hai đều giống nhau. Một là A-La-Hán (arhatas). Họ là những thánh nhân đã đắc đạo nhưng giữa im lặng hoàn toàn. Loại thứ hai là Bồ Tát (bodhisattvas). Họ đã đắc đạo, nhưng khác A-La-Hán ở chỗ là họ tìm đủ mọi phương tiện thiện xảo để giúp chúng sinh cũng đạt được những kinh nghiệm như họ.

A-La-Hán thuộc Tiểu Thừa, một chiếc thuyền nhỏ chỉ đủ một người qua bờ bên kia. Tất nhiên là họ sẽ đến bờ bên kia. Bồ Tát thuộc Đại Thừa, một chiếc thuyền lớn có thể đưa hàng nghìn người qua sông. Chỉ có một bờ bên kia, nhưng Bồ Tát ích lợi cho nhiều người hơn.

A-La-Hán không có khả năng hùng biện; ngài là người rất chất phác, nhân từ, rất khiêm tốn, nhưng không hề nói gì về sự chứng nghiệm của mình.



A-La-Hán không có khả năng hùng biện

Làm cho người khác hiểu được mình là một vấn đề gai góc đối với ngài. Ngài hoàn toàn thoả mãn và chẳng thấy có nhu cầu phải nói. Ngài quan niệm rằng mỗi người phải đi con đường riêng của mình. Sao phải làm phiền người khác một cách không cần thiết chứ? Đó là lập trường của Ngài.

A-La-Hán là người tự tu, tự giác, và một khi đã giác ngộ, ngài quên hẳn những người còn đang lặn mò trong bóng tối. Ngài chẳng quan tâm đến người khác. Giác ngộ đối với ngài là đủ rồi. Thật vậy, đối với ngài, ngay cả quan niệm về lòng từ bi cũng là một loại ràng buộc.

Từ bi là một loại liên hệ, mà dù có cao cả và vĩ đại đến đâu, nó vẫn là một quan tâm đến người khác. Nó là một ham muốn. Ham muốn, dù là tốt, vẫn là ham muốn. Đối với A-La-Hán, ham muốn là một sự trói buộc, chẳng cần biết tốt hay xấu. Gông cùm có thể bằng vàng, có thể bằng sắt, vẫn là gông

cùm. Xiềng xích là xiềng xích. Từ bi là cái xiềng bằng vàng.

A-La-Hán chủ trương rằng không ai có thể giúp ai được. Cái ý tưởng giúp người khác được xây trên nền tảng sai lầm. Bạn chỉ có thể giúp chính mình.

Đối với những người không hiểu thì A-La-Hán có vẻ ích kỷ quá. Nhưng nếu cân nhắc kỹ lưỡng lập trường của họ, có thể họ có những điều quan trọng để tuyên bố với thế giới. Giúp đỡ người khác cũng là một hình thức can thiệp vào đời sống, vào định mệnh của người ấy. Vì vậy, A-La-Hán không đặt nặng vấn đề từ bi. Đối với họ, từ bi chỉ là một cái tên mỹ miều để bị kẹt lại trong thế giới của thất tình. Đó là triệu chứng của một tâm trí đầy ham muốn.

Sao bạn phải quan tâm đến sự giác ngộ của người khác? Sao bạn phải xía vào đời tư của người khác? Ai cũng có tự do của mình. A-La-Hán nhấn mạnh tự do tuyệt đối cá nhân. Cứu cánh không thể biện minh cho phương tiện. Không ai có quyền xen vào đời tư của người khác .

Cho nên sau khi đắc đạo, ngài sẽ không nhận đệ tử, sẽ không thuyết pháp, sẽ không giúp ai cả. Ngài sẽ thoả mãn với sự ngây ngất của mình. Nếu ai được hưởng lây vì sự ngây ngất ấy, ngài sẽ không cản trở, nhưng ngài cũng không mời mọc ai cả. Nếu bạn đến ngồi dưới chân ngài, và học được gì từ sự hiện diện của ngài, đó là việc của bạn. Nếu bạn muốn bỏ đi, ngài cũng không ngăn cản.

Trong một khía cạnh nào đó, quan niệm này tôn trọng tự do cá nhân một cách tuyệt đối, nhưng hơi cực đoan. Thậm chí nếu bạn có rơi xuống hố sâu,

ngài cũng chờ đợi một cách thâm lặng. Nếu sự hiện diện của ngài giúp được ai, tốt, nhưng ngài sẽ không làm gì để giúp cả. Ngài sẽ không đưa tay mà kéo bạn lên. Rơi xuống hố là sự lựa chọn của bạn, và nếu có thể rơi xuống hố, bạn có thể leo lên được. Từ bi là ý tưởng xa lạ đối với vị A-La-Hán.

Đức Phật chấp nhận là một số người sẽ trở thành A-La-Hán, và pháp môn của họ gọi là Tiểu Thừa – chiếc thuyền nhỏ - chiếc thuyền mà chỉ một người có thể qua bờ bên kia. A-La-Hán sẽ không làm thuyền lớn, sẽ không chờ đám đông để lên thuyền mà cùng qua qua sông. Ngài sẽ dùng chiếc thuyền nhỏ mà qua sông một mình. Ngài đã đến thế gian một mình, đã lăn lộn trong luân hồi trong hàng triệu kiếp, và ngài sẽ trở lại với đại thể một mình.



Đức Phật chấp nhận và tôn trọng lập trường của A-La-Hán, và Ngài cũng biết có những người có lòng từ bi vô lượng, và khi đắc đạo, ao ước đầu tiên là họ muốn chia sẻ niềm vui, và chân lý với người khác. Từ bi là hạnh nguyện của họ. Họ đã tìm được chân lý tối thượng. Họ là Bồ Tát. Họ kích thích và mong muốn người khác cũng được những kinh nghiệm như họ vậy. Và họ sẽ cố nắm lại ở bờ bên này càng lâu càng tốt để giúp đỡ những người đang đi trên đường đạo, những người cần hướng dẫn, cần một bàn tay. Bồ Tát có thể hoãn lại việc qua bờ bên kia vì lòng từ bi đối với những người còn đang lặn mò trong bóng tối.

Đức Phật hiểu tất cả và chấp nhận cả hai. Một số người có phẩm hạnh của một A-La-Hán. Lại có những người có hạnh nguyện của một Bồ Tát. Đức Phật quan niệm rằng đó là bản chất của mỗi người, và không thể làm khác được; A-La-Hán sẽ thành A-La-Hán, và Bồ Tát sẽ thành Bồ Tát. Thiên tính của mỗi người khác nhau, mặc dù họ tới cùng một đích. Nhưng khi đã đến đích rồi, mỗi người hành động một cách khác nhau.

A-La-Hán không ở lại bờ bên này dù chỉ một khoảnh khắc. Họ đã mệt mỏi, đã ở quá lâu trong luân hồi, đã trải qua hàng triệu lần sinh tử. Ngài đã nếm đủ mùi, và không thấy gì lý thú cả nên không muốn ở lại dù chỉ là một phút. Thuyền của ngài đã đến, và ngài sẽ qua bờ bên kia ngay tức thì. Đó là bản chất của họ.

Ngược lại, Bồ Tát sẽ nói với người lái đò, “Xin hãy chờ. Chẳng có gì phải vội. Ta đã ở bờ bên này quá lâu. Ta đã trải qua mọi đau đớn, thống khổ, buồn bã, quẫn quại trong đau thương. Nay tất cả đã

tan biến, và ta đang hưởng phúc lạc tuyệt đối, im lặng, an bình nên chẳng cần phải qua bờ bên kia. Nếu có thể được, ta sẽ ở lại mãi mãi để giúp người khác.”

Đức Phật là một trong những thánh nhân có thể thấy được chân lý giữa những mâu thuẫn. Ngài chấp nhận tất cả mà không làm ai cảm thấy cao cả hay thấp hèn.



Đức Phật giảng bài Pháp đầu tiên cho 5 đệ tử.

Chân Như

Hãy cố hiểu từ *chân như*. Giáo lý của Đức Phật xoay quanh từ ấy. Trong thuật ngữ của Ngài, từ ấy là *tathata* – chân như. Toàn bộ quan điểm của Phật Giáo có thể quy về từ ấy, sống với từ ấy, sống một cách thâm sâu đến nỗi khái niệm ấy mất hẳn, và bạn trở thành chân như.

Thí dụ, bạn bị bệnh. Thái độ của chân như là: chấp nhận nó, và nói với mình rằng, “Đó là bản chất của cơ thể.” Đừng tranh đấu, đừng chống đối. Bạn bị nhức đầu – hãy chấp nhận nó. Đó là luật tự nhiên. Bỗng nhiên có sự thay đổi, bởi vì khi có thái độ như thế, sự thay đổi sẽ theo như hình với bóng. Nếu chấp nhận bạn nhức đầu, nó sẽ dịu hẳn đi.



Hãy thử đi. Nếu bạn thấy khó chịu và chấp nhận, nó sẽ biến mất. Tại sao? Bởi vì khi bạn chống lại, năng lượng của bạn bị chia chẻ: một nửa năng lượng dành cho đau nhức, nửa còn lại chống lại đau nhức. Một khoảng trống, một rạn nứt tạo ra do sự tranh đấu. Thật vậy, tranh đấu càng nhiều càng nhức nhối. Một khi bạn chấp nhận, năng lực trở nên một bên trong. Khi sự rạn nứt được hàn gắn, năng lượng được phóng thích tất cả vì không còn xung đột nữa, và năng lượng được phóng thích ấy trở thành năng lượng chữa lành.

Hết bệnh không phải do bên ngoài mà có. Thuốc chỉ có thể giúp cơ thể khơi dậy cái lực bên trong để nó tự chữa. Nhiệm vụ của bác sĩ là giúp bạn tìm ra sức mạnh tự chữa bệnh của bạn. Sức khoẻ không thể cưỡng ép từ bên ngoài. Nó do sự tràn đầy năng lượng của bạn mà có.

Từ chân như có thể áp dụng cho những căn bệnh thuộc về thể chất, về tinh thần, và đặc biệt là tâm linh. Đó là một phương pháp bí mật, mà nếu áp dụng đúng cách, mọi bệnh tật sẽ chấm dứt. Hãy bắt đầu với cơ thể vì đó là tầng thấp nhất. Nếu thành công ở giai đoạn đó, hãy tiếp tục lên những tầng cao hơn. Nếu thất bại ở đó, khó mà bạn có thể đi xa hơn.

Nếu cơ thể bị bệnh, hãy thư giãn và chấp nhận, đồng thời hãy tự nhủ rằng – “đó là bản chất của sự việc.”

Cơ thể là một hỗn hợp của nhiều bộ phận. Cơ thể được sinh ra, ngày nào đó nó sẽ phải chết. Nó là một cơ chế rất phức tạp nên có rất nhiều khả năng để nó bị trục trặc. Hãy chấp nhận mà đừng đồng

nhất với nó. Một khi chấp nhận, bạn sẽ dừng dung, sẽ không bị lệ thuộc vào nó. Khi chống trả, bạn đi xuống cùng với tầng của cơ thể. Chấp nhận là vượt qua.

Khi chấp nhận, bạn ở trên đỉnh đồi; cơ thể bị bỏ lại đằng sau. Bạn tự nhủ, “Đó là bản chất tự nhiên của nó. Có sinh tất có diệt. Mà nếu sinh ra để rồi chết, lúc nào đó nó sẽ ngã bệnh. Vậy chẳng nên quan tâm quá đáng.” Bạn sẽ quan sát, như thể nó không xảy ra cho bạn, mà xảy ra trong thế giới của vật chất. Đó là diệu dụng của nó: khi không tranh đấu, bạn vượt lên trên. Bạn không ngang hàng với nó. Sự siêu việt này trở thành lực chữa lành. Bồng dung cơ thể bắt đầu thay đổi.

Những căn bệnh khác của tâm trí như lo lắng, căng thẳng, ưu tư, và buồn phiền cũng có những quy luật tương tự. Bạn lo lắng về việc gì đó. Sao bạn phải lo lắng? Bởi vì bạn không chấp nhận sự thật. Đó là căn nguyên của sự lo lắng. Bạn không chấp nhận những gì đang xảy ra. Bạn lo lắng vì bạn có những ý tưởng mà bạn muốn thiên nhiên phải tuân theo.

Thí dụ, tuổi bạn đang về chiều. Bạn lo lắng. Bạn muốn trẻ mãi mãi. Lo lắng từ đó mà có. Vợ bạn đẹp, và bạn thương bà ấy, nhưng bà ấy lại muốn sang thuyền khác nên bạn lo lắng. Bạn lo lắng vì không biết sẽ phải xử trí ra sao. Khi bà ấy ra đi, tất cả sẽ đảo lộn hết. Không phải bà ấy chỉ là vợ, mà là mẹ, là nơi nương tựa; bạn tìm đến với bà ấy để được săn sóc. Bạn tin bà ấy. Thậm chí nếu cả thế giới thù nghịch với bạn, bà ấy vẫn là niềm an ủi cho bạn. Nay nếu bà ấy bỏ đi, sự gì sẽ xảy ra cho bạn? Bồng nhiên bạn bối rối, bạn lo âu.

Bạn đang làm gì với sự lo lắng ấy? Bạn không chấp nhận những gì đang diễn ra. Bạn không muốn như thế. Bạn muốn nó theo ý bạn; bạn muốn vợ bạn là của bạn mãi mãi và mãi mãi; mà nay bà ấy lại bỏ đi.

Nhưng bạn có thể làm gì? Khi tình yêu đã vỗ cánh bay đi, bạn làm được gì? Bạn không thể van xin, không thể giữ vợ được nữa. Mà nếu bạn tìm đủ cách để giữ bà ấy, như nhiều người đã làm, bạn chỉ được xác mà thiếu con tim. Thế thì bạn sẽ tự tạo căng thẳng cho chính mình.

Không ai có thể thắng thiên nhiên. Tình yêu là một sự nở hoa, nhưng nay hoa đã tàn, nhụy đã phai. Con gió thoảng đã đến nhà bạn, nay nó đang hướng về nơi khác. Đó là cách thức ở đời. Tất cả đều thay đổi và di chuyển không ngừng. Thay đổi là bản chất của thế giới hiện tượng, chẳng có gì tồn tại mãi mãi. Đừng mong đợi gì cả. Nếu muốn tìm sự lâu bền giữa những vô thường, bạn sẽ rước lấy lo âu cho mình.

Bạn muốn tình yêu bền vững muôn đời. Chẳng có gì tồn tại mãi mãi trong thế gian này. Tất cả đều chóng qua. Đó là bản chất của sự việc, chân như, *tathata*. Cho nên khi bạn biết tình yêu đã mọc cánh, nó sẽ làm bạn buồn. Hãy chấp nhận. Bạn cảm thấy run rẩy. Hãy chấp nhận sự run rẩy ấy. Đừng đàn áp. Nếu muốn khóc. Hãy khóc đi. Hãy chấp nhận. Đừng đóng kịch; đừng giả vờ là bạn không lo sợ, bởi vì nó sẽ chẳng giúp được bạn. Lo lắng là chuyện của bạn. Ra đi là chuyện của vợ bạn. Nếu tình yêu không còn nữa, nó đã chết rồi. Sự thật quá phũ phàng. Hãy chấp nhận nó.

Nếu chấp nhận một cách miễn cưỡng, bạn sẽ đau khổ triền miên. Nếu chấp nhận mà không than phiền, không phải vì tuyệt vọng mà vì hiểu biết, nó sẽ trở thành chân như. Thế thì bạn chẳng lo lắng, chẳng có vấn đề gì cả. Vấn đề chỉ xảy ra khi bạn không chấp nhận những gì đang xảy ra, không phải vì những gì đang xảy ra. Bạn muốn nó theo ý của bạn.

Đời sống bất kể bạn là ai. Bạn phải sống theo nó. Miễn cưỡng hay vui vẻ. Chọn cái nào cũng được. Nếu theo một miễn cưỡng, bạn sẽ đau khổ. Nếu thuận theo một cách vui vẻ, bạn trở thành Phật, và bạn sống trong ngát ngây.

Đức Phật cũng phải chết; chẳng có luật riêng cho Ngài, nhưng Ngài chết khác hẳn. Ngài chết một cách vui sướng, như thể chẳng có cái chết vậy. Ngài biến mất một cách bình thường vì Ngài từng nói, “Sinh ra là phải chết. Sinh dẫn đến tử. Đó là luật tự nhiên.”

Bạn có thể chết trong thống khổ. Thế thì bạn bỏ lỡ dịp để nhận ra sự lộng lẫy mà cái chết mang lại, cái ân sủng xảy ra lúc lâm chung, sự rực sáng được tạo ra khi hồn và xác gĩa từ nhau. Bạn sẽ lỡ dịp vì bạn quá lo âu, và vì bạn cố bám lấy quá khứ, cố bám lấy sự sống trong lúc mắt bạn nhắm lại. Bạn không thể thấy những gì đang diễn ra vì bạn không chấp nhận sự kiện. Vì vậy, bạn nhắm mắt lại, bạn đóng cả con người của bạn mà chết. Bạn sẽ chết nhiều lần nữa vì bạn tiếp tục bỏ lỡ dịp.

Chết rất là tuyệt diệu nếu bạn chấp nhận, nếu mở toang cửa mà đón nhận với sự hân hoan, với sự tiếp đón nồng hậu rằng, “Bởi vì nếu sinh ra, tôi sẽ

chết. Ngày đó đã đến, vòng tròn đã hoàn tất.” Nếu đón nhận cái chết như một khách quý, một thượng khách, phẩm chất của nó sẽ thay đổi hẳn. Bỗng dưng bạn bắt tử: thể xác chết đi, nhưng bạn không chết. Bạn có thể chứng nghiệm điều đó ngay lúc ấy, rằng chỉ có quần áo là bị bỏ lại, không phải bạn. Chỉ cái vỏ, cái bình bị bỏ lại, còn nội dung bên trong thì không: tâm thức không hề mất sự sáng rực của nó. Mà còn hơn vậy nữa vì trong lúc còn sống, nhiều rác rưởi đã che lấp tâm thức của bạn. Lúc lâm chung nó lộ ra vẻ đẹp muôn đời. Và trong sự sáng uyên nguyên ấy, tâm thức đẹp tuyệt trần.

Nhưng để có kinh nghiệm ấy, một thái độ về chân như phải được hấp thụ; cả linh hồn lẫn thể xác phải thấm nhuần trong chân như. Không phải là bạn chỉ nghĩ về nó, mà nó phải trở thành tính tự nhiên của bạn.

Bạn ăn trong chân như, ngủ trong chân như, thở trong chân như, yêu trong chân như, khóc trong chân như. Nó trở thành lối sống của bạn. Bạn chẳng cần quan tâm về nó, chẳng cần nghĩ về nó; nó là tánh trời của bạn. Đó là ý của tôi khi nói rằng chân như phải được hấp thụ. Bạn hấp thụ nó, tiêu hóa nó. Nó chảy trong máu, lưu thông trong lòng xương, nhảy theo từng nhịp đập của con tim bạn. Bạn chấp nhận nó.

Từ chấp nhận cũng không đúng lắm. Ý nghĩa của nó đã bị hoen ố nhiều, bởi vì bạn chấp nhận chỉ khi bạn tuyệt vọng. Bạn chấp nhận một cách miễn cưỡng, không nhiệt tình. Bạn chấp nhận khi không thể làm gì khác. Nhưng sâu bên trong bạn ao ước kết quả khác đã xảy ra. Bạn chấp nhận như một tên

ăn mày, không phải một ông vua. Hai thái độ này khác nhau nhiều lắm.

Nếu bạn đòi của bạn ra đi, cuối cùng bạn cũng phải chấp nhận. Bạn có thể làm gì không? Bạn than, bạn khóc, đêm đêm bạn hồi tưởng và lo âu, và những ác mộng phủ kín đời bạn trong đau khổ... Sau đó thì sao? Thời gian sẽ hàn gắn tất cả, không phải vì sự hiểu biết. Cho nên, dần dà, sau sáu tháng, một năm, mọi sự trở nên mờ nhạt; tất cả phai dần trong ký ức, và được bụi thời gian phủ mờ. Rồi khoảng cách ấy lớn dần theo năm tháng sẽ giúp bạn quên đi.

Mặc dù vậy, đôi khi vết thương lòng vẫn đau nhói. Thỉnh thoảng thấy một phụ nữ trên phố, bỗng nhiên bạn hồi tưởng lại. Sự tương tự nào đó, hoặc cách bà ta đi làm bạn nhớ lại người vợ năm xưa, sẽ khơi lại vết thương lòng. Rồi bạn lại yêu người khác. Bụi bậm càng nhiều, bạn càng khó nhớ hơn. Nhưng thậm chí với một người đàn bà khác, đôi khi nét mặt của bà làm bạn nhớ lại người vợ cũ. Cách bà ta hát trong lúc tắm sẽ khơi lại cơn đau dài.

Bạn đau khổ vì mang nặng quá khứ. Bạn mang theo tất cả nên bạn nặng trĩu. Bạn không bỏ gì cả. Bạn vẫn ôm những kỷ niệm thời thơ ấu, những thất bại, những kinh nghiệm xấu khi bước vào đời. Bạn mang theo toàn thể quá khứ, lớp này chồng lên lớp kia, đủ bá quan văn võ.

Đó là vì sao đôi khi bạn thoái bộ. Nếu chuyện gì xảy ra và cảm thấy bất lực, bạn khóc như trẻ con. Bạn trở về quá khứ và hành động như một đứa trẻ. Khóc thì không ai hơn trẻ con nên nó xuất hiện để

giúp bạn khóc, để bạn đá thúng đựng nia trong cơn thịnh nộ điên cuồng.

Sao bạn phải mang nhiều gánh nặng như thế? Bởi vì bạn không hề chấp nhận gì cả. Hãy nghe cho kỹ. Nếu bạn chấp nhận chuyện gì, nó không trở thành gánh nặng cho bạn; vết thương sẽ lành lặn hoàn toàn. Nếu bạn chấp nhận chuyện đã rồi, nó sẽ không ám ảnh bạn nữa; bạn thoát khỏi sự kiềm chế của nó. Chấp nhận cởi trói cho bạn. Nhưng nếu chấp nhận một cách miễn cưỡng, một cách bất lực, nó sẽ theo bạn dài dài.

Đừng quên một điều: những gì chưa hoàn tất sẽ được tâm trí mang theo mãi mãi. Những gì hoàn tất sẽ bị bỏ lại. Khuynh hướng của tâm trí là mang theo những cái chưa hoàn tất với hy vọng là ngày nào đó nó sẽ có cơ hội để hoàn tất. Bạn vẫn mong vợ sẽ trở về, hay những kỷ niệm cũ sẽ trở lại. Bạn vẫn đợi, vẫn chờ, vẫn chưa vượt qua được quá khứ. Và bởi vì nặng trĩu với quá khứ, bạn không thể sống yên trong hiện tại. Bạn đang sống trong hỗn độn vì gánh nặng của quá khứ. Và tương lai cũng sẽ không hơn gì, bởi vì quá khứ ngày càng nặng hơn. Ngày qua ngày nó sẽ nặng hơn nữa.

Khi thực sự chấp nhận, với thái độ chân như đó, bạn sẽ không bức bối, không tuyệt vọng. Bạn sẽ hiểu rằng đó là bản chất của mọi sự.

Thí dụ. Nếu muốn ra khỏi phòng, tôi sẽ đi qua cửa, không đi qua tường, bởi vì xuyên qua tường là phải lấy đầu mà húc. Đó là cách ngu xuẩn. Bản chất của tường là ngăn chặn không cho bạn đi qua. Còn bản chất của cửa là để bạn đi qua, bởi vì cửa trống rỗng nên bạn có thể đi qua được.

Khi một vị Phật chấp nhận, Ngài chấp nhận mọi sự như cửa và tường. Ngài đi qua cửa vì đó là cách duy nhất. Bạn thì không. Bạn xô tường mà đi, để bị thương tích trăm chiều. Lúc đó bạn mới bò đến cửa, sau khi đã bị đè bẹp, đánh bại, buồn chán, ngã lòng. Nếu chọn cửa ngay từ đầu đi mà thì đâu đến nỗi nào. Sao bạn muốn ăn thua đủ với tường?

Nếu có thể nhìn sự việc một cách sáng suốt, bạn đã không tưởng tượng là cửa. Nếu tình yêu vỡ cánh, nó đã bay đi. Đó là bức tường. Đừng cố đi qua. Cửa không còn nữa. Con tim đã lạnh nhạt rồi; nó đã sưởi ấm cho người khác. Bạn chẳng hoàn toàn cô độc, bởi vì còn người khác nữa. Cửa không mở cho bạn nữa; nó đã trở thành bức tường. Đừng lấy đầu mà thử. Bạn sẽ bị thương một cách không cần thiết. Và sau khi bị đè bẹp, bị thương tích, dù cửa có mở cũng chẳng còn đẹp nữa.

Bạn chỉ cần nhìn rõ. Đừng ép buộc những gì phản tự nhiên lên những gì tự nhiên. Hãy tìm cửa mà ra. Nếu mỗi ngày cố gắng một cách điên rồ để đi qua tường, bạn sẽ bị căng thẳng, và sẽ cảm thấy rối loạn không ngừng. Thống khổ sẽ trở thành định mệnh của bạn.

Sao không nhìn sự việc một cách tự nhiên? Sao bạn không nhìn vào các dữ kiện? Bởi vì những ước mơ của bạn quá lớn. Bạn luôn luôn hy vọng hảo huyền.

Chỉ cần nhìn: mỗi khi ở trong tình huống nào đó, đừng ham muốn gì cả, bởi vì ham muốn sẽ làm bạn lạc đường. Đừng ước muốn, đừng tưởng tượng. Hãy nhìn sự việc với toàn bộ ý thức của bạn. Đừng

bao giờ đi qua tường. Hãy tìm cửa mà ra. Bạn sẽ không bị thương tích, sẽ không bị mang gánh nặng.

Đừng quên là chân như là một sự hiểu biết, không phải một định mệnh tuyệt vọng. Khác nhau ở chỗ đó. Có những người tin ở số phận, định mệnh. Họ nói, “Bạn có thể làm được gì? Thượng Đế đã an bài rồi. Con nhỏ của tôi mới chết, cho nên đó là ý muốn của Thượng Đế, và đó là số phận của tôi. Điều đó đã được định trước rồi, và nó sẽ xảy ra.”

Tuy nhiên, xét cho kỹ thì đó là sự khước từ. Đó là những mưu kế để đánh bóng sự phản kháng ấy. Bạn có biết Thượng Đế không? Bạn biết gì về định mệnh? Sao bạn biết điều đó đã được định trước rồi? Không. Đó chỉ là những cái cớ, những lý do để bạn an ủi chính mình.

Thái độ của chân như không phải là thái độ của số mệnh luận. Nó không cần đến Thượng Đế, số phận, định mệnh – tuyệt đối không. Nó nói rằng, “Hãy nhìn vào sự việc. Hãy nhìn vào dữ kiện của sự việc và hiểu rõ thì sẽ nhận ra cửa vì bao giờ cũng có cửa.” Bạn vượt lên trên.

Chân như là chấp nhận một cách toàn bộ, chấp nhận với một con tim niềm nở, không phải trong sự tuyệt vọng.

Thoả mãn hoàn toàn

Khi chấp nhận tất cả, đời bạn trở nên vui vẻ. Không gì có thể làm bạn đau khổ. Không ai có thể làm bạn bất mãn.

Một người hói đầu, trên trán chỉ còn ba sợi tóc, bước vào tiệm nhờ gội đầu và bím tóc. Cô thợ làm như ý khách muốn, nhưng khi chải, một sợi tóc bị rụng. Cô ta rất bối rối, nhưng khách nói, “Làm sao bây giờ? Chắc tôi phải rẽ ngôi ở hai bên!”

Cô ta cẩn thận đặt một sợi qua bên phải, sợi kia bên trái, nhưng sợi đó cũng rụng nốt. Cô ta nấn nỉ hết lời, nhưng khách nói một cách bình tĩnh, “Thôi được. Có lẽ tôi phải để đầu xù mà ra đường.”

Đó là chân như. Đó là chấp nhận toàn bộ! Bạn không thể làm người ấy mất vui. Người ấy luôn luôn thoả mãn, luôn luôn thấy lý do để yêu đời. Mà người luôn luôn có lý do để thoả mãn sẽ thấy mọi sự rõ như ban ngày.

Bất mãn sẽ làm mất và thị giác của bạn vẫn đục. Thoả mãn sẽ làm mất bạn sáng ngời, và cái nhìn của bạn sẽ trong suốt. Bạn có thể thấu suốt tất cả. Bạn có thể thấy được chân như của mọi vật.

Trung Đạo

Đức Phật là người đầu tiên dùng những nhưng chữ *trung đạo* - ngay ở chính giữa. Và cho đến nay chưa ai tìm được ý nghĩa hay hơn Ngài.

Ngài đã gọi đạo của Ngài là trung đạo, trung dung. Ý nghĩa đầu tiên là nếu có thể tránh được những cực đoan, khuynh hữu hay khuynh tả; nếu có thể ở ngay giữa những cực đoan, bạn sẽ không ở chính giữa, mà bạn sẽ vượt lên trên bộ ba – hai thái cực, và điểm giữa của hai thái cực. Nếu bạn tránh được các cực đoan, điểm giữa cũng biến theo. Điểm giữa của cái gì?

Khi nói về trung đạo, Đức Phật không nhấn mạnh trung đạo, mà thực ra, Ngài muốn dẫn bạn về sự chuyển hoá. Nhưng nếu nói thẳng là bạn sẽ được chuyển hoá, có thể bạn sẽ sợ. Trung đạo có vẻ đơn giản quá.

Đức Phật đùa như thế vì lòng từ bi của Ngài. Chữ mà Ngài dùng là *majjhim nikaya*, trung đạo. Cực đoan nào cũng phải triệt tiêu các cực đoan khác; cực đoan nào cũng đối nghịch các cực đoan khác. Âm nghịch với dương, ảo ngược với thực, chết đối đầu với sống. Nếu bạn coi chúng như những cực đoan, chúng có vẻ đối nghịch nhau.

Nhưng người có thể ở ngay chính giữa vượt lên trên mọi cực đoan và cả điểm giữa ngay lập tức. Từ cái nhìn trên cao của người đã đắc đạo, chẳng có

đổi nghịch nào cả. Cục đọan không phải là những cặp đối, không phải mâu thuẫn, mà là những bổ xung.

Sống, chết không phải là kẻ thù; chúng là những bộ mặt khác nhau của cùng một tiến trình. Chết không lấy đi sự sống, mà đổi mới nó. Chết cho sự sống một hình thức mới, một cơ thể mới, một chỗ đứng mới cho tâm thức. Chết không thù sống. Mà nếu nhìn một cách đứng đắn, nó là một tiến trình hồi sinh sự sống, thanh xuân hóa sự sống. Ngày không đổi nghịch lại đêm.

Cái tồn tại chẳng có đối nghịch ở bất cứ nơi nào. Mọi cặp đối đều là những phần không thể thiếu của toàn thể. Cái tồn tại là một đơn vị hữu cơ. Nó không loại bỏ bất kỳ cái gì; nó bao gồm tất cả.

Người có thể ngừng ngay chính giữa sẽ có được kinh nghiệm tuyệt vời này, rằng chẳng có đối kháng, chẳng có mâu thuẫn. Cả cái tồn tại chỉ là một, và trong nhất thể ấy, mọi cặp đối, mọi đối kháng, mọi mâu thuẫn tan biến vào trong cái một duy nhất. Thế thì sống ôm lấy chết, ngày gói vào đêm. Người đạt được kinh nghiệm nhất thể hữu cơ này trở nên dửng cảm, chẳng biết lo âu, không biết thống khổ là gì. Lần đầu tiên ông ta nhận ra sự rộng lớn của mình – rộng lớn như vũ trụ vậy. Khoảnh khắc mà người nào vượt lên trên mọi đối kháng và nhận ra chúng là những bổ xung, người ấy không còn là một phần của toàn thể nữa, mà trở thành toàn thể.

Hãy để tôi nói với bạn một phi lý cuối cùng. Thỉnh thoảng, trong những người như Đức Phật, Mahavira, Lão Tử, Trang Tử..., thành phần trở nên

lớn hơn toàn thể. Vô lý hoàn toàn, phản khoa học hoàn toàn – nhưng tuyệt đối đúng. Đức Phật không những chứa cả cái toàn thể, nhưng vì sự giác ngộ, Ngài lớn hơn cả toàn thể. Cái toàn thể không biết những bổ xung của nó. Đức Phật biết những bổ xung đó, và đó là chỗ mà Ngài lớn hơn toàn thể, mặc dù Ngài vẫn là một phần của nó.

Trung đạo là một trong những phương pháp hữu hiệu nhất để dẫn bạn về điều tối thượng. Muốn ở ngay chính giữa, bạn phải loại bỏ mọi ý tưởng cực đoan. Và mọi ý tưởng của bạn đều là cực đoan – hoặc khuynh hữu, hoặc khuynh tả, Ki Tô Giáo hay Hồi giáo, Ấn Độ Giáo hay Phật Giáo. Bạn đã chọn lựa. Bạn không còn tâm thức không chọn lựa nữa. Bạn đã chọn cái này và bỏ cái khác.

Mọi định kiến của bạn đều là những chọn lựa. Tôi vạch ra những thành kiến của bạn để đưa bạn về trung đạo.

Đức Giáo Hoàng, nghe tin một bà ở Ái Nhĩ Lan để mười đứa con, đã phái một Hồng Y đến ban phép lành cho bà.

Đức Hồng Y bất mãn vì bà ấy không phải là Công Giáo. Ngài nổi nóng và hét lên, “Bà muốn nói rằng tôi đến tận đây để gặp một người cuồng dâm Tin Lành sao?”

Thành kiến đều như vậy cả. Người tâm đạo thực sự không có thiên kiến, không theo một ý thức hệ nào, và phải tỉnh thức để nhận ra tất cả mà không nghiêng về bên nào. Vì không nghiêng về

bên nào, người ấy ở ngay chính giữa. Khoảnh khắc mà bạn chọn lựa, bạn chọn một cực đoan nào đó. Khi chọn lựa cái gì, bạn loại bỏ những cái khác; nếu không, vấn đề chọn lựa không được đặt ra. Tỉnh thức mà không chọn lựa là ý nghĩa khác của trung đạo.

Có lần một hoàng tử rất trẻ và đẹp, tên là Shrona, nghe Đức Phật giảng lần đầu tiên, khi Ngài ghé qua thủ đô của nước ấy. Sau bài giảng ấy hoàng tử xin Đức Phật điếm đạo cho. Anh ta là một tay đàn sitar nổi tiếng, mà cũng lừng danh là người sành điệu.

Tiếng đồn rằng mỗi khi lên lầu, anh ta bắt con gái đẹp ở trường đứng dọc theo cầu thang để anh ta chuyển từ vai cô này sang vai cô khác mà lên. Anh ta thường ngủ cả ngày vì đã say mèm từ đêm trước; thân đêm anh ta đàn địch, rượu chè, ăn uống, nhảy nhót. Cứ như thế, không đêm nào anh ta chợp mắt.

Chuyện này cả vương quốc đều biết. Đức Phật chưa hề do dự khi điếm đạo cho ai, nhưng Ngài do dự với anh ta. Ngài nói với anh ta, “Shrona, tôi đã nghe rất nhiều về anh. Tôi muốn anh suy nghĩ kỹ. Tôi sẽ ở lại thành phố này trong bốn tháng mưa.”

Trong bốn tháng mưa, Đức Phật và các đệ tử của Ngài không ra khỏi cửa. Tám tháng còn lại họ đi khắp nơi để chia sẻ kinh nghiệm thiền quán và những trạng thái tâm thức siêu việt. Thời đó chỉ có đường đất, và Đức Phật không cho phép các đệ tử có tài sản – một cái dù, một đôi giày cũng không có, ngoại trừ ba mảnh vải. Một mảnh dùng khi khăn cấp, và hai mảnh để thay đổi mỗi ngày; quá ba mảnh là không được. Khi trời mưa như đổ nước,

khó mà giữa được ba mảnh vải ấy khô, và phải đi trong xình lầy khi trời mưa sẽ làm cho nhiều người bệnh.

Vì lý do ấy Ngài bảo các đệ tử ở lại một chỗ, và các cư sĩ muốn tham thiền với họ có thể đến. Tám tháng họ đến với những tâm hồn khao khát. Bốn tháng mưa hãy để họ tìm đến.

Cho nên Ngài nói, “Không cần phải vội, Shrona.”

Nhưng Shrona nói, “Một khi đã quyết định, con không rút lại bao giờ. Xin Thế Tôn hãy điềm đạo cho con.”

Đức Phật vẫn muốn thuyết phục anh ta, “Suy nghĩ kỹ cũng chẳng hại gì, bởi vì anh sống một đời xa hoa. Anh chưa đi chân trần bao giờ. Xa giá luôn luôn chờ bước của anh. Anh chưa hề ra khỏi hoàng cung và hoa viên. Lúc nào anh cũng có đàn bà đẹp, nhạc sĩ và vũ công bao quanh. Khi quy y rồi, anh sẽ không sống đời vương giả được nữa. Tôi nghĩ tu không thích hợp với anh. Và tôi không muốn ai trở về vì người ấy sẽ mất sự tự trọng đối với chính mình. Vì vậy tôi muốn anh nghĩ lại.”

Shrona nói, “Con đã nghĩ kỹ rồi, và con muốn được điềm đạo ngay bây giờ. Thế Tôn càng nói con suy nghĩ kỹ, con càng quả quyết và càng bướng bỉnh hơn.”

Đức Phật động lòng và điềm đạo cho anh ta. Nhưng ngay hôm sau đã có rắc rối mà các đệ tử không thể ngờ được. Cái rắc rối mà Đức Phật đã tiên liệu đang xảy ra.

Trong lúc các đệ tử khác có ba mảnh vải, Shrona trần như nhộng. Anh ta đi từ cực đoan này đến cực đoan khác. Khi các tăng sĩ khác đi trên đường, Shrona đi bên vệ đường, đập trên gai góc mà đi. Khi các tăng sĩ nghỉ dưới bóng cây, Shrona luôn luôn đứng giữa trời đổ lửa.

Sáu tháng sau, hoàng tử bảnh trai ấy già hẳn đi, chỉ còn da bọc xương, và đen như cột nhà cháy. Chẳng ai nhận ra con ma ấy. Mới gần đây hoàng tử ấy đã làm rung động bao nhiêu con tim thiếu nữ đa tình. Chân anh ta rướm máu; anh ta rất tiều tụy, đến nỗi một đêm Đức Phật phải đến gặp anh ta, khi anh ta đang thiu ngủ dưới một gốc cây. Đức Phật không hề đến gặp một đệ tử giữa đêm khuya. Đây là biến cố duy nhất, theo kinh điển Phật Giáo.

Ngài đánh thức Shrona và hỏi một câu rất lạ lùng, “Tôi nghe nói anh từng là một hoàng tử, và là một nhạc sĩ nổi tiếng. Phải vậy không?”

Shrona nói, “Thế Tôn có thể hỏi con bất cứ lúc nào. Sao phải chờ giữa nửa đêm như vậy?”

Đức Phật nói, “Xin anh cứ trả lời câu hỏi của tôi.”

Shrona nói, “Đúng như vậy, thưa Thế Tôn.”

Đức Phật nói, “Vậy thì nếu giây đàn quá căng, có thể chơi được không?”

Shrona nói, “Dĩ nhiên là không. Nếu quá căng, chúng có thể đứt.”

Đức Phật nói, “Còn nếu quá chùng thì sao?”

Shrona nói, “Thế Tôn hỏi thật là ngớ ngẩn giữa đêm khuya. Nếu giầy quá chùng, cũng không thể chơi được. Quá căng hay quá chùng cũng không được. Thật ra, chơi đàn rất dễ. Nghệ thuật là giữ giầy ngay lưng chừng. Không căng, không chùng mới được.”

Đức Phật nói, “Đó là ý tôi muốn nói với anh. Đời sống cũng là một cây đàn: căng quá thì không được, mà chùng quá cũng hỏng. Giây đàn của sự sống phải ở ngay lưng chừng, không căng, không chùng; được như thể nhạc mới du dương. Và chỉ người lão luyện mới hiểu trung dung là gì. Vì anh là một nhạc sĩ nổi tiếng, tôi cũng muốn anh trở thành nhạc sĩ của đời sống. Đừng nhảy từ cực đoan này sang cực đoan khác, từ xa xỉ qua khổ hạnh, từ buông thả sang hành xác. Phải trung dung.”

Theo ý nghĩa của câu chuyện trên, Đức Phật là một trong những nhà tâm lý thâm thúy nhất thế giới. Trung dung trong mọi hoạt động của đời sống. Trung dung là đạo sống của một hành giả, và là con đường dẫn đến giải thoát.

Chánh Định

Nhân loại là một đám đông, một đám đông với nhiều tiếng nói – thích hợp, không thích hợp, nhất quán, không nhất quán – tiếng này cố át tiếng kia. Những tiếng nói ấy đã làm mọi người căng thẳng. Bình thường con người là một mớ hỗn độn, nếu không nói là điên khùng. Bạn giữ được ít nhiều thăng bằng cũng là một phép lạ. Sâu bên dưới, lớp bệnh này chòng lóp kia, đang sùng sục sôi bên trong. Chúng có thể nổ tung bất cứ lúc nào, sự kiểm chế của bạn có thể mất bất cứ lúc nào, bởi vì sự kiểm chế đến từ bên ngoài. Đó không phải là kỷ luật từ trung tâm bản thể của bạn mà có.

Vì những lý do xã hội, kinh tế, chính trị bạn đã phải mặc lấy một tính nết nào đó. Nhưng rất nhiều bản năng của bạn mâu thuẫn với tính nết kia. Chúng luôn luôn phá hoại tính nết đó. Cho nên bạn chẳng mấy khi bạn không làm lỗi, đôi khi bạn làm những việc mà bạn không muốn. Biết là sai mà bạn vẫn làm, bởi vì bạn không phải một, mà nhiều người.

Đức Phật không coi những lầm lỗi ấy là tội, bởi vì coi là tội nghĩa là kết án. Ngài coi chúng là lầm lỗi, sơ sót. Là người ai chả lầm lỗi. Thánh nhân mới không sai lầm. Nhưng tình thức là con đường từ phạm đến thánh. Những tiếng nói bên trong ấy có thể ngừng tra tấn bạn, lôi kéo bạn, thúc đẩy bạn; chúng sẽ biến mất khi bạn trở nên cảnh giác.

Khi tỉnh thức bạn sẽ không làm lỗi. Không phải là bạn tự kiềm chế, nhưng khi bạn tỉnh thức, cảnh giác, những tiếng nói ấy im bật; bạn đã trở thành một, và bất cứ bạn làm gì đều xuất phát từ trung tâm bản thể của bạn. Cho nên bạn sẽ không làm lỗi. Điều này cần phải hiểu rõ.

Hãy lấy một thí dụ của nhóm Human Potential Movement để giúp bạn hiểu rõ hơn. Mô-đen của họ có ba thành phần, gọi là CND. C là cha mẹ, N là người lớn. D là đứa trẻ. Đó là ba lớp vỏ của bạn, như thể bạn là cao ốc ba tầng.³

Tầng thấp nhất là đứa trẻ. Tầng thứ hai là cha mẹ. Và tầng thứ ba là người lớn. Bộ ba này đồng lõa với nhau. Chúng thay phiên mà làm khó cho bạn. Đứa trẻ nói một điều, cha mẹ nói khác, và người lớn – tượng trưng lý trí của bạn – lại nói khác hẳn.

Đứa trẻ nói, “Hường thụ đi.” Nó chỉ biết từng khoảnh khắc một; nó chẳng nghĩ xa xôi. Nó tự phát, nhưng không nghĩ đến hậu quả; nó quên hẳn quá khứ, không màng tương lai; nó chỉ biết hiện tại. Nó không có lý tưởng, không biết lo lắng, không tỉnh

³ Ba tầng tâm lý của con người cũng đã được Plato, Karl Marx và Sigmund Freud bàn đến. Bộ ba của Plato gồm có: lý trí, lương tâm hay tinh thần, và dục vọng. Bộ ba của Marx gồm có: con người tự nhiên (natural self), con người giả dối (alienated self), và con người chủng loại (species self). Bộ ba của Freud gồm có: bản năng tự nhiên (id), ngã (ego), và siêu ngã (superego). (VS)

thức, không cảnh giác. Nó sống theo cảm giác, không biết lý lẽ là gì.

Tất nhiên là nó sẽ phải va chạm với người khác. Nó có rất nhiều xung đột bên trong, bởi vì nó theo một cảm giác mà làm một điều, bỗng dưng cảm giác khác lại lôi kéo nó. Vì vậy nó chẳng tranh được với ai. Khi muốn ăn thua, cảm giác của nó lại thay đổi. Nó muốn làm rất nhiều nhưng chẳng hoàn tất được gì. Nó luôn luôn bất nhất. Nó thích hưởng thụ nhưng không thể sáng tạo, không thể sáng tạo được. Nó rất đam mê, nhưng sống bằng đam mê cũng chưa đủ. Bạn không thể là đứa trẻ mãi mãi. Bạn sẽ phải học rất nhiều, bởi vì bạn đang sống giữa chỗ đông người.

Vấn đề sẽ không được đặt ra nếu bạn sống giữa hoang đảo, và bạn có thể là đứa trẻ mãi mãi. Nhưng bạn sống giữa xã hội có cả triệu người, với nhiều luật lệ, nhiều tập tục mà bạn phải theo. Nếu không, sẽ có nhiều va chạm và đời sống sẽ rất khó khăn. Đứa trẻ phải biết kỷ luật, và đó là lý do nó cần cha mẹ.

Tiếng nói bên trong của bạn là tiếng nói của xã hội, văn hoá, tôn giáo. Tiếng nói ấy giúp bạn sống được giữa thế giới đông người, ở đó có nhiều cá nhân với những tham vọng đối nghịch nhau, trong đó cá lớn nuốt cá bé là thường. Bạn phải vạch ra con đường riêng cho mình, và bạn phải thận trọng.

Tiếng nói của cha mẹ là tiếng nói thận trọng ấy. Nó khép bạn vào khuôn khổ. Đứa trẻ chưa được thuần hóa. Tiếng nói của cha mẹ giúp nó biết cư xử. Người biết cư xử có thể sống giữa đô thị, có thể sống giữa đám đông, trong xã hội.

Đứa trẻ rất độc đoán. Nó nghĩ nó là rôn của vũ trụ. Cha mẹ nó phải dạy nó rằng chẳng ai là rôn của vũ trụ cả. Nó phải được cảnh tỉnh rằng có rất nhiều người trên thế giới, và nó không phải là người duy nhất. Nó phải kính trọng người khác nếu nó muốn được họ kính trọng. Nếu không, nó sẽ bị nghiền nát. Đó là vấn đề phải thích nghi để sống còn.

Tiếng nói cha mẹ là những mệnh lệnh – phải làm, không được làm. Cha mẹ giúp bạn thận trọng; bạn không thể thiếu họ.

Sau đó là tiếng nói thứ ba, cái lớp thứ ba, khi bạn trưởng thành, khi bạn không cần giáo huấn của cha mẹ nữa, khi bạn có đủ trí khôn để có thể tự quyết định đời mình.

Đứa trẻ là những khái niệm về cảm xúc; cha mẹ là những khái niệm được dạy dỗ; người lớn là những khái niệm về tư tưởng. Bộ ba này luôn luôn tranh giành lẫn nhau. Đứa trẻ muốn một điều, cha mẹ nói ngược hẳn, trong khi lý lẽ lại nói khác hẳn.

Khi có thức ăn ngon, đứa trẻ muốn ăn thật nhiều. Tiếng nói của cha mẹ bảo nó phải đăn đo. Nó có đói không? Thức ăn đó có bồi bổ không? Nó có hại gì không? Hãy chờ đợi, đừng hấp tấp. Kế đến là lý lẽ, tiếng nói của người lớn, có thể khác hoàn toàn.

Tiếng nói của người lớn chẳng cần phải đồng ý với cha mẹ. Họ không biết tất cả. Họ cũng yếu đuối như bạn vậy, và cũng sai lầm như thường. Họ cũng cuồng tín, cũng dị đoan, cũng tin nhầm nhí. Tiếng nói của người lớn có thể không chấp nhận. Cha mẹ nói phải làm điều đó, nhưng tiếng nói người lớn nói

chẳng nên, trong lúc đứa trẻ i ôi đòi cái khác. Đó là ba quỷ sứ bên trong của bạn.

Nếu nghe theo đứa trẻ, cha mẹ sẽ giận dữ. Một phần thấy thoải mái vì muốn gì được nấy, nhưng cha mẹ cảm thấy bất bình, muốn kết án. Sự xung đột ấy làm cho bạn có mặc cảm tội lỗi. Khi còn trẻ bạn cũng thường có mặc cảm ấy. Nay bạn không còn trẻ nữa, nhưng đứa trẻ vẫn chưa biến mất. Nó vẫn còn lớn vồn đầu đó.

Nếu nghe theo đứa trẻ, nếu nghe theo cảm xúc, cha mẹ sẽ cảm thấy bực bội, và bạn sẽ hối hận. Nếu nghe cha mẹ, đứa trẻ sẽ cảm thấy nó bị buộc làm những điều nó không muốn. Nó cảm thấy bị cản trở, bị xâm phạm một cách không cần thiết. Tự do bị thiệt thòi khi nghe cha mẹ nên đứa trẻ muốn nổi loạn.

Nếu nghe cha mẹ, lý lẽ sẽ nói, “Vô lý! Họ biết gì chứ? Họ đã lỗi thời rồi. Bạn biết nhiều hơn, hợp thời hơn. Sao bạn phải nghe lời họ? Mà nếu nghe theo lý trí, bạn sẽ cảm thấy bất hiểu. Lại mặc cảm tội lỗi. Thật là khó xử. Gần như bộ ba này chẳng hề đồng ý với nhau bao giờ.

Đó là mối băn khoăn của đời người. Chẳng hề có sự tương hợp giữa cặp ba này.

Có những đạo sư khuyên nên theo đứa trẻ. Họ chủ trương phải tự nhiên. Thí dụ, Lão Tử nói, “Sẽ không có sự thỏa thuận. Đừng nghe tiếng nói của cha mẹ, những điều răn. Hãy bỏ những cái “phải”, “nên” để trở nên đứa trẻ. Chúa Giê-Su cũng nói như thế. Lão Tử và Chúa Giê-Su dạy bạn phải trở nên như con trẻ, bởi vì nó sẽ giúp bạn lấy lại sự tự phát,

sẽ giúp bạn theo được nhịp tự nhiên của đời sống, của Đạo.

Thông điệp của họ rất là tuyệt vời, nhưng gần như không thực tế. Thịnh thoảng có những người trở nên như con trẻ thật. Nhưng trường hợp ấy rất hiếm hoi để có thể nói rằng nhân loại không thể trở thành con trẻ được. Nó tựa như một tinh cầu giá lạnh – đẹp nhưng không bao giờ tới được.

Lại có những đạo sư như Khổng Tử, Mahavira, Moses, Mohammed, Manu, nói phải nghe theo tiếng nói của cha mẹ, của luân lý, của xã hội, của học đường. Hãy nghe và tuân theo. Nếu không muốn khó khăn ở đời, nếu không muốn rước họa vào thân, hãy nghe lời cha mẹ. Đừng bao giờ trái ý họ.

Phần lớn nhân loại theo những đạo sư ấy, nhưng họ mất hẳn sự tự phát, thiếu tự nhiên. Họ luôn luôn cảm thấy bị hạn chế, bị đóng khung. Và khi không có tự do, bạn có thể có cảm giác bình an, nhưng bình an ấy không có giá trị gì. Bình an đến với tự do mới giá trị. Bình an đi kèm phức tạp mới lâu dài. Bình an giả tạo ấy cho bạn sự tiện lợi và an ủi, nhưng linh hồn của bạn sẽ thiệt thòi.

Cũng có vài người thành công nhờ tiếng nói của cha mẹ. Họ cũng chứng nghiệm được chân lý, nhưng chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Mà cái thời ấy đã qua rồi, đã thành lịch sử rồi. Khổng Tử, Moses, Mohammed, và Manu đã làm lợi cho nhân loại vì những giới luật của họ: “Phải làm cái này. Đừng làm điều kia.” Họ đã biến cái phức tạp thành đơn giản. Bạn chẳng phải làm gì cả. Họ không tin rằng bạn có thể quyết định nên đã cho bạn những

mệnh lệnh đã làm sẵn. Nếu bạn cứ theo những giới răn ấy mà hành xử, mọi hy vọng, mọi ước muốn sẽ được toại nguyện. Vấn đề là phải biết phục tùng.

Những tôn giáo cổ đều nhấn mạnh sự vâng lời. Bất tuân là tội nặng. Adam và Evà bị trục xuất ra khỏi vườn Địa Đàng vì đã không vâng lời. Thượng Đế cấm họ không được ăn trái cấm mà họ không tuân theo. Đó là tội duy nhất của họ. Nhưng đứa trẻ nào chẳng phạm tội ấy? Cha nói nói, “Không được hút thuốc,” nó sẽ hút. Cha nói, “Đừng đi chơi,” nó sẽ trốn đi khi có cơ hội. Chuyện của Adam và Evà là chuyện của mỗi đứa trẻ. Sự kết án, sự trục xuất... do đó mà ra.

Phục tùng là đạo của Khổng Tử, Manu, Mohammed, và Moses. Nhưng ngày ấy đã xa rồi, và nhờ đó mà chẳng mấy người thành đạo. Nhiều người tìm được bình an, trở thành công dân gương mẫu. Nhưng chỉ thế thôi.

Khuynh hướng còn lại là nhắm vào tiếng nói của người lớn. Patanjali và những người theo thuyết bất khả tri (agnostics) như Bertrand Russell, hoặc những nhà nhân văn từ kỷ nguyên Ánh Sáng chủ trương phải nghe theo lý trí. Nhưng điều này sẽ khó khăn lắm. Nó biến đời sống thành bãi chiến trường triền miên vì bạn đã được cha mẹ dưỡng dục, đã được họ điều kiện hoá. Nếu chỉ nghe lý trí, đời sống của bạn sẽ trở nên què quặt. Bạn sẽ phải chối bỏ toàn bộ tâm trí của bạn, nhưng việc đó chẳng phải dễ.

Mà cũng chẳng có lý do gì để bạn được sinh ra. Khi mới sinh, bạn chỉ có cảm giác. Lý trí mãi sau này mới có; nó xuất hiện khi mọi sự đã rồi. Các nhà

tâm lý nói rằng mỗi đứa trẻ thu thập bảy mươi năm phần trăm kiến thức của nó trong bảy năm đầu. Bảy mươi năm phần trăm toàn bộ kiến thức của nó phải được học trong bảy năm đầu, và năm mươi phần trăm lúc bốn tuổi. Bạn học khi còn nhỏ, và mãi sau này lý trí mới có; nó đến khi tất cả đã muộn màng.

Mọi góc cạnh đã được chọn và thí nghiệm mà chẳng cái nào mang lại kết quả tốt đẹp cả. Quan điểm của Đức Phật khác hẳn, và đó là một đóng góp tích cực nhất cho tâm thức con người. Ngài nói đừng chọn cái nào cả, mà hãy đứng ngay tại tâm điểm của tam giác. Đừng chọn lý trí, đừng chọn cha mẹ, đừng chọn đứa trẻ. Hãy an trú ngay tại trọng tâm của tam giác với một sự tỉnh thức và thình lạng tuyệt đối. Phép tiếp cận của Ngài rất có ý nghĩa. Nó giúp bạn nhìn được bản thể của mình rõ như pha lê. Từ phối cảnh và sự thấu suốt ấy bạn sẽ đáp ứng một cách hữu hiệu trong mọi tình huống.

Nói cách khác, nếu hành xử như một đứa trẻ, bạn chẳng khác gì trẻ con. Nhiều lần bạn đã làm thế. Không thích gì, bạn sẽ nổi lôi đình. Bạn phản ứng trong lúc nóng giận để rồi hư tất cả. Khi nguôi cơn giận, bạn đã mất mặt rồi. Ai cũng tưởng bạn là người điềm đạm mà nay mặt chuột mới lòi ra.

Có những lúc bạn theo tiếng nói của cha mẹ, nhưng sau đó bạn bực tức vì vẫn chưa thoát được sự kiểm chế của họ. Bạn vẫn chưa trưởng thành, vẫn chưa đủ lớn nhận lãnh trách nhiệm của chính đời mình.

Đôi khi bạn theo lý trí. Nhưng bạn nghĩ bên tình bên lý làm sao chu toàn được cả hai. Người duy lý hoàn toàn sẽ cắt đứt với cơ thể, với đời sống

và với người chung quanh. Người ấy chỉ là bộ máy biết suy nghĩ. Nhưng suy nghĩ chẳng làm bạn sống động; nó sẽ lấy đi nhựa sống của bạn, sẽ làm bạn cần cỗi. Cho nên bạn muốn nhựa sống của bạn dạt dào; bạn muốn được sống động, trẻ trung và luôn luôn tươi tắn. Cái vòng luẩn quẩn chạy hoài không hết.

Đức Phật nói rằng những tiếng nói ấy chỉ là những phản ứng khác nhau, mà phản ứng thì không trọn vẹn; chỉ có đáp ứng mới toàn bộ, mà những gì không trọn vẹn đều là lầm lỗi. Đó là quan niệm của Ngài về tội lỗi: những gì không trọn vẹn là lầm lỗi. Bởi vì khi không trọn vẹn, những phần khác sẽ không được hoàn thành, và chúng sẽ báo thù. Phải toàn diện. Đáp ứng là toàn diện; phản ứng là vụn vặt.

Khi theo một tiếng nói, bạn sẽ có vấn đề. Bạn sẽ không hề thoả mãn với nó. Chỉ một phần được thoả mãn, hai phần kia sẽ bất mãn. Hai phần ba bản thể của bạn bị ức hiếp trong khi chỉ một phần ba được thoả mãn. Cho nên bạn sẽ bị hỗn loạn triền miên. Bất cứ bạn làm gì, phản ứng sẽ không thoả mãn bạn vì phản ứng là không toàn diện.

Đáp ứng. Đáp ứng là toàn phần. Thế thì bạn không hành động từ một điểm của tam giác. Bạn không chọn lựa mà giữ được sự tỉnh thức bất phân biệt. Bạn nằm ngay tại trọng tâm. Và từ tâm điểm ấy mà bạn hành động, bất kể hành động nào; nó sẽ không phải cha mẹ (C), không phải người lớn (N), không phải đứa trẻ (D). Bạn đứng ngoài CND. Đó là bạn, là bản thể của bạn. CND ấy chẳng khác một cơn xoáy lốc, mà bạn là trung tâm của nó.

Mỗi khi cần phải đáp ứng, Đức Phật nói bạn phải cảnh giác, tỉnh thức. Hãy nhớ đến nội tâm của mình. Hãy trở về trung tâm ấy, và hãy ở lại đó ít lâu trước khi hành động.

Được thế thì chẳng cần suy nghĩ vì suy nghĩ là bất toàn. Cảm xúc cũng bất toàn. Cũng chẳng cần phải hỏi ý cha mẹ, vốn là biểu tượng của Thánh kinh, Gita, Koran. Chỉ cần giữa được sự thanh tịnh, im lặng và tỉnh thức để quan sát mọi tình huống, như thể bạn đứng hẳn bên ngoài, đứng đưng, như thể một quan sát viên trên đỉnh cao. Đó là chánh định.

Đó là đòi hỏi tiên quyết. – phải từ trọng tâm mà hành động. Rồi từ trọng tâm ấy hãy để mọi hoạt động diễn ra. Thế thì những gì bạn làm đều thánh thiện, bất kỳ bạn làm gì đều đúng cả.

Đức Phật nói chánh định là đức hạnh duy nhất. Thiếu cảnh giác là tội lỗi. Hành động một cách vô ý thức là lầm lỗi.

Quán Tâm Pháp Của Nanda

Một hôm Đức Phật đi ngang một khu rừng. Trưa hè oi ả, và Ngài cảm thấy khát. Ngài nói với Nanda, “Hãy trở lại khúc sông mà chúng ta đã đi qua cách đây khoảng ba, bốn dặm để lấy ít nước. Tôi thấy khát khô cả cổ.”

Nanda trở lại, nhưng khi đến nơi, nước đã đục ngầu vì trâu bò mới đi qua cùng với bùn lầy từ đáy sông nổi lên. Nanda trở về tay không vì nước không

thể uống được. Ngài nói với Đức Phật, “Thế Tôn phải chờ một lát. Con nghe nói khoảng hai, ba dặm trước mặt là một con sông lớn. Con sẽ lấy nước từ đó.”

Nhưng Đức Phật vẫn khẳng khái, “Hãy trở lại chỗ cũ mà lấy nước.”

Nanda không hiểu thái độ của Đức Phật, nhưng khi thầy nói, trò phải nghe. Ngài vẫn đi, mặc dù biết là vô lý vì phải đi ba, bốn dặm đường để lấy nước, mà nước có uống được đâu.

Trước khi Nanda ra đi, Đức Phật nói, “Nếu nước vẫn còn đục thì đừng trở về. Hãy chờ ở bờ sông. Đừng làm gì cả. Đừng bước xuống sông. Hãy kiên nhẫn và quan sát. Sớm hay muộn nước sẽ trong lại. Lúc đó hãy đem nước về.”

Nanda trở lại, và y như lời Đức Phật nói. Bùn lầy đã lắng đọng. Nhưng nước vẫn chưa trong hẳn. Nanda ngồi chờ và ngắm dòng nước trôi qua. Dần dà nước sông trở nên trong vắt. Ngài trở lại và nhảy nhót điên cuồng vì đã hiểu được ý của Đức Phật. Ngài trao nước cho Đức Phật, rồi phục xuống chân mà tạ ơn.

Đức Phật nói, “Ông làm gì thế? Tôi phải cảm ơn ông vì đã lấy nước cho tôi.”

Nanda nói, “Con đã hiểu ra rồi. Ban đầu con hơi bực tức vì phải trở lại thì vô lý quá. Nhưng nay con đã hiểu ý của Thế Tôn. Đó là điều mà con cần trong lúc này. Tâm trí của con cũng thế. Khi ngồi bên bờ ngắm dòng nước trôi qua, con thấy tâm trí của con cũng tương tự như vậy. Nếu bước xuống sông, con sẽ làm nước đục. Nếu theo tiếng nói của

tâm trí, nó sẽ ồn ào hơn, nhiều vấn đề sẽ nổi lên. Con học được phương pháp đó khi ngồi ngắm dòng sông.

“Con sẽ ngồi ngắm tâm trí của con với những bản thủ, những tanh hôi, những vết thương cũ, những kỷ niệm xưa, những ham muốn hiện nay. Con chỉ cần quan sát một cách thờ ơ và đợi cho đến khi tất cả lắng đọng lại.”



Phủ Định Pháp

Phương pháp của Đức Phật là phương pháp phủ định. Cách tiếp cận tiêu cực này cần phải được hiểu rõ.

Quan điểm của Đức Phật thật là độc đáo. Các tôn giáo khác đều là những tôn giáo tích cực vì đều có một chủ đích tích cực – gọi là Thượng Đế, giải thoát, cứu độ, chứng ngộ - nghĩa là có một cứu cánh phải đạt đến. Các tôn giáo ấy đòi hỏi người tìm kiếm phải cố gắng một cách triệt để. Trừ khi cố gắng hết sức, bạn sẽ không đạt đến đích được.

Cách tiếp cận của Đức Phật khác hẳn, ngược lại hẳn. Ngài nói rằng bạn đã là cái bạn muốn trở thành, cứu cánh đã có sẵn bên trong bạn; nó là tánh tự nhiên của bạn. Bạn chẳng cần phải đạt tới đó. Nó không thuộc về tương lai, không nằm chỗ nào khác. Nó chính là bạn, ngay tại khoảnh khắc này. Nhưng có vài trở ngại cần phải loại bỏ.

Bạn không cần phải trở thành thần linh. Thần linh là thiên tính của bạn, nhưng bạn phải loại bỏ một vài chướng ngại. Một khi chúng đã được loại bỏ, bạn là cái bạn luôn luôn muốn tìm. Thậm chí nếu bạn không biết bạn là ai, bạn vẫn là cái đó. Bạn không thể là gì khác được. Chướng ngại phải được loại bỏ, thủ tiêu. Bạn không cần thêm gì khác cả.

Tôn giáo tích cực cố cho bạn thêm những cái khác: đức hạnh, công chính, thiên quán, cầu

nguyện. Tôn giáo tích cực nói bạn thiếu cái gì đó, và bạn phải tìm cái bạn đang thiếu. Bạn phải tích lũy cái gì đó.

Cách tiếp cận tiêu cực của Đức Phật nói bạn không thiếu gì cả. Thật ra, bạn có quá nhiều những cái bạn không cần. Bạn phải loại bỏ một vài thứ.

Chẳng hạn khi bạn leo lên Hi Mã Lạp Sơn. Càng lên cao bạn thấy những đồ bạn mang theo càng lúc càng nặng. Càng lên cao hành lý càng nặng. Bạn phải bỏ lại một vài món. Nếu muốn lên đến đỉnh, bạn phải bỏ tất cả.

Một khi đã bỏ tất cả, một khi không chiếm hữu bất kỳ cái gì, bạn trở thành số không, trống rỗng, vô danh, bạn đã lên đến đỉnh. Bạn phải bỏ vài thứ, không phải thêm vào. Phải loại bỏ chứ không thêm vào.



Có người hỏi Đức Phật sau khi thành đạo, “Ông đã đạt được gì?” Ngài cười to và nói, “Ta chẳng đạt được gì cả, bởi vì những gì đã đạt được luôn luôn ở với ta. Ngược lại, ta đã mất đi nhiều thứ. Ta đã mất cái tôi, ý tưởng, tâm trí. Ta đã mất những cái mà ta nghĩ là chúng thuộc về ta. Ta từng nghĩ ta là thể xác. Nay ta đã mất thể xác. Ta đã mất tất cả. Nay ta hiện hữu như một chân không thuần khiết. Đó là thành tích của ta.”

Hãy để tôi giải thích rõ hơn, bởi vì điều này vô cùng quan trọng.

Theo cách tiếp cận của Đức Phật, trong giai đoạn đầu không có mở đầu của vũ trụ, tất cả đều ngủ say, lúc mà cái tồn tại đang ngáy ngủ, cái mà đạo Ấn gọi là *sushupti*, một trạng thái ngủ mà không mơ. Toàn bộ cái tồn tại đang nằm trong *sushupti*. Không có gì chuyển động, tất cả đang nghỉ ngơi, tất cả thình lặn đến nỗi bạn có thể nói chẳng có gì hiện hữu cả.

Mỗi đêm bạn đi vào *sushupti*, khi bạn ngủ không mơ, bạn đi vào cái chân không nguyên thủy. Mà nếu đêm nào không vào được chân không nguyên thủy ấy, bạn sẽ không cảm thấy khoan khoái, sống động. Nếu cả đêm mơ màng, trần trọc, bạn sẽ cảm thấy mệt hơn trước khi đi ngủ. Bạn sẽ cảm thấy uể oải, khó chịu.

Nếu vào được *sushupti*, nếu ngủ mà không mơ, bạn đi vào lúc ban đầu không có mở đầu ấy. Ở đó bạn có thêm năng lượng. Ở đó bạn nghỉ ngơi, có thêm sinh lực; bạn trở nên tươi tắn, tràn đầy sức sống, và hăng hái hơn. Đức Phật gọi nó là ban đầu không có mở đầu. Nó tương tự *sushupti*, hoàn toàn

vô thức; ở đó chẳng có dấu vết của ý thức. Nó tương tự đại định, nhưng với một khác biệt. Người đã đại định hoàn toàn tỉnh thức. Khi ngủ không mơ, một tí dấu vết của ý thức cũng không có, hoàn toàn tối tăm. Đó cũng là trạng thái cực kỳ phức tạp, nhưng vô thức.

Sáng hôm sau tỉnh dậy bạn nói, “Đêm qua thật là tuyệt diệu. Tôi ngủ thật say. Chưa bao giờ tôi ngủ ngon như thế.” Nhưng đó là hôm sau. Khi ngủ say như thế bạn chẳng biết gì cả; bạn hoàn toàn vô ý thức. Sáng hôm sau khi tỉnh dậy, bạn hồi tưởng lại và nhận ra là bạn đã ngủ ngon.

Khi một người tỉnh dậy trong đại định, người ấy cũng nhận ra rằng, “Mọi kiếp trước của tôi đều tuyệt diệu; tôi đã sống trong thế giới thần tiên, đầy mộng đẹp; tôi chưa hề đau khổ.” Khi giác ngộ bạn sẽ nhớ lại, nhưng hiện giờ bạn không nhận ra vì bạn còn say ngủ. Trạng thái ban sơ chỉ có phức tạp, nhưng không có ai để nhận ra. Cây cối đang trong trạng thái ban sơ ấy; đồi núi, sông biển, mây nước, đất đá vẫn còn trong trạng thái ban sơ đó. Đó là trạng thái vô thức.

Đức Phật gọi trạng thái vô ý thức ấy là chân không, trống không thuần khiết, bởi vì chẳng có phân biệt, chẳng phân ranh giới. Nó rất mơ hồ, chẳng có hình, không có tên. Nó tối như đêm đen vậy.

Sau đó là sự nổ lớn. Khoa học cũng nói về sự nổ lớn này; họ đặt tên là Nổ Lớn (Big Bang). Tất cả nổ tung.

Chân không biến mất, và vạn vật nảy sinh. Đó chỉ là một giả thuyết, ngay cả với khoa học, bởi vì

không ai có thể trở lại được. Đối với khoa học, đó chỉ là một giả thuyết, một giả thuyết có thể tin được.

Cho đến nay rất nhiều giả thuyết được đưa ra, nhưng Thuyết Nổ Lớn được phần đông chấp nhận. Thuyết ấy nói rằng từ chân không, vạn vật xuất hiện, như thể một hạt giống sinh ra cây. Và từ cây đó hàng triệu hạt lại xuất hiện, và cứ thế mà sinh sản. Một hạt giống duy nhất có thể phủ cả trái đất. Nổ lớn cũng tương tự như thế.

Bạn có thấy như thế không? Thật là huyền bí! Một hạt giống nhỏ xíu mà có thể che phủ cả mặt đất. Không phải chỉ mặt đất này thôi, mà tất cả trái đất trong vũ trụ này. Chỉ một hạt thôi! Mà nếu đem hạt ấy cắt ra, bạn sẽ thấy gì trong đó? Trống không, hoàn toàn trống rỗng. Vạn hữu từ chân không ấy mà có.

Đối với khoa học, đó là một giả thuyết. Đối với Đức Phật, đó không phải là một giả thuyết, bởi vì Ngài đã kinh nghiệm được. Ngài biết được điều đó vì nó đã xảy ra bên trong của Ngài.

Tôi phải giải thích điều này cho bạn. Tôi đã nói rằng không ai có thể trở lại được. Thế thì biết được lúc ban đầu không có mở đầu ấy bằng cách nào? Không đi lùi, nhưng có thể đi tới. Và vì tất cả đều chuyển động theo vòng tròn, thời gian cũng có chuyển động tròn.

Tây phương quan niệm rằng thời gian có chuyển động thẳng; nó tiếp diễn không ngừng theo đường thẳng. Nhưng đông phương tin rằng thời gian có chuyển động tròn, và khái niệm về thời gian của đông phương sát thực hơn, bởi vì mọi chuyển

động đều theo vòng tròn. Trái đất xoay tròn. Trăng sao cũng xoay tròn. Xuân rồi lại xuân. Đời sống cũng có chu kỳ: sinh ra, ấu thơ, trưởng thành, già, chết – rồi lại sinh ra. Sinh và tử là một. Rồi lại tiếp tục ấu thơ, trưởng thành, già.. Bánh xe quay mãi không ngừng. Năm qua rồi năm lại tới. Xuân đi rồi xuân lại đến. Tất cả đều theo vòng tròn. Thế thì sao thời gian lại là ngoại lệ? Thời gian cũng có chuyển động tròn. Bạn không thể đi lùi, nhưng bạn có thể đi tới, hướng về phía trước, vì thời gian có chuyển động tròn. Đến một lúc bạn sẽ gặp lúc ban đầu không có mở đầu; thời điểm ấy cũng có thể gọi là đoạn kết không có kết thúc.

Đức Phật đã biết điều đó, đã kinh nghiệm điều đó.

Khoa học gọi là Thuyết Nổ Lớn. Tôi gọi là vũ trụ mê li. Tôi nghĩ gọi như thế thích hợp hơn. “Nổ Lớn” có vẻ xấu xa, quá kỹ thuật, phi nhân. Vũ trụ mê li nghĩa là vũ trụ nổ tung trong sự ngây ngất, mê li. Muôn hình, vạn trạng từ đó mà có. Và đó là một kinh nghiệm vô cùng sung sướng. Vậy hãy gọi là vũ trụ mê li.

Trong sự ngây ngất, mê li ấy, ba hiện tượng xảy ra. Đầu tiên là vũ trụ; đông phương gọi là *sat*. Từ vũ trụ dẫn đến sự sống, gọi là *ananda*; từ sự sống mà có tâm trí, gọi là *chit*. Sat là chân lý; ananda là vui mừng ấy, là phúc lạc – khi cây nở hoa, nó vui mừng trong chân lý của nó. Chit là tâm trí – khi bạn ý thức được phúc lạc của bạn, sự vui mừng của bạn. Đó là ba trạng thái: *satchitananda*.

Nhân loại đã có tâm trí. Đất, đá vẫn còn trong giai đoạn thứ nhất, vũ trụ - chúng hiện hữu, nhưng

không nở hoa, không vui mừng. Chúng khép kín, tự co lại. Ngày nào đó chúng sẽ chuyển mình, ngày nào đó chúng sẽ khoe sắc, nhưng hiện tại chúng vẫn còn say ngủ, còn thẹn thùng.

Cây cối và súc vật đã vui sướng – rất vui sướng, rất đẹp mắt, rất sặc sỡ. Chim hót líu lo. Cây cối nở hoa. Đây là giai đoạn hai, đời sống. Giai đoạn ba, chỉ con người mới có – trạng thái cả tâm trí, của *chit* – ý thức.

Đức Phật nói ba giai đoạn này chẳng khác gì cơn mộng. Giai đoạn đầu – mở đầu không có mở đầu, trạng thái ban sơ, tựa như giấc ngủ - *sushupti*. Ba hiện tượng này như thể một vở kịch đang diễn ra. Nếu bạn vượt qua được tâm trí, nếu bạn vào được đại định, nghĩa là đi vào vô niệm, một sự nổ lớn nữa lại xảy ra. Nhưng lần này không nổ ra ngoài mà nổ vào trong. Nổ ra ngoài là từ chân không sinh ra vạn hữu, nhất bản tán vạn thù. Nổ vào trong xảy ra khi danh và tướng tắt cả biến mất; chân không lại sinh ra từ đó; vạn thù quy nhất bản. Một vòng tròn đã hoàn tất.

Khoa học nói về nổ ra ngoài, nhưng không nói về nổ vào trong; như thế là vô lý. Bởi vì nếu có thể nổ ra ngoài thì cũng có thể nổ vào trong.

Một hạt giống rơi xuống đất. Nó nổ ra ngoài, nghĩa là nó trở thành cây, rồi từ cây lại sinh ra hạt. Hạt ấy là gì vậy? Khi hạt nổ ra ngoài, nó biến thành cây. Khi cây nổ vào trong, nó trở thành hạt. Hạt ấy chứa cây bên trong; nó tung cánh và trở thành cây. Khi cây khép cánh lại, nó trở thành hạt.

Nếu nổ ra ngoài là một hiện tượng được khoa học chấp nhận, khái niệm nổ vào trong của Phật

Giáo cũng là một chân lý. Nổ ra ngoài không thể thiếu nổ vào trong. Chúng sánh đôi nhau. Nổ vào trong nghĩa là tâm trí biến vào sự sống, sự sống biến vào vũ trụ, và cuối cùng vũ trụ biến vào chân không mà hoàn thành vòng tròn. Chân không trở thành vũ trụ, vũ trụ trở thành sự sống, sự sống trở thành tâm trí, tâm trí trở thành sự sống, sự sống trở thành vũ trụ, vũ trụ lại trở thành chân không. Đó là một vòng tròn.

Sau khi nổ vào trong xảy ra, tất cả trở thành chân không. Nhưng có một khác biệt. Chân không lúc đầu là vô thức. Chân không thứ hai là tâm thức. Lần đầu như thể đêm tối. Lần sau như thể ban ngày. Lần đầu gọi là *sushupti*. Lần sau gọi là *jagruti* – tỉnh thức, hoàn toàn tỉnh thức. Đó là một vòng tròn.

Lần đầu khoa học gọi là Thuyết Nổ Lớn (Big Bang), bởi vì nổ ra ngoài rất lớn, rất ồn ào. Đó là tiếng nổ lớn. Khoảnh khắc trước đó là im lặng, chẳng có tiếng động, và sau phút đầu đó, khi cái tồn tại xuất hiện, rất nhiều tiếng động, rất nhiều âm thanh được tạo ra.

Chuyện gì xảy ra khi vũ trụ nổ vào trong? Sẽ có âm thanh phi âm thanh (soundless sound). Lúc ấy tất cả ngưng bật; tất cả hoàn toàn tĩnh lặng. Hiện tượng ấy các thiền sư gọi là tiếng vỗ của một bàn tay. Đó là cái mà người Ấn gọi là *anahatnada*,⁴ *omkar* - âm thanh phi âm thanh.

⁴ OM là âm thanh nghe được tại luân xa thứ tư. (VS)



OM

Sự im lặng đầu tiên người Ấn gọi là *nadavisphot* – tiếng nổ lớn. Và sự im lặng thứ hai xảy ra khi âm thanh trở thành im lặng; Một vở kịch đã hoàn tất. Khoa học đang cố bám lấy nửa vở kịch; một nửa vẫn còn thiếu. Và người đã quan sát cả vở kịch trở thành quan sát viên. Vở kịch ấy bắt đầu từ *sushupti* (ngủ không mơ) đến *swapna* (mơ), từ *swapna* đến *jagriti* (tỉnh thức). Người đã quan sát cả vở kịch đạt đến trạng thái thứ tư gọi là *turiya*. Khi đạt được trạng thái đó, bạn trở thành một vị Phật. Một khi biết được điều đó, bạn đã giác ngộ.

Nhưng điều quan trọng cần phải hiểu là dù ở trạng thái nào, ngủ, mơ hay thức, bạn vẫn là cái đó. Có lúc bạn biết, có lúc không. Đó là sự khác biệt duy nhất, nhưng bản tính của bạn không hề thay đổi.

Đại thi hào T. S. Eliot có những câu bất hủ:

*Chúng ta sẽ không ngừng tìm kiếm
Mà khi cuộc tìm đã hoàn tất
Chúng ta sẽ về lại khởi điểm
Và thấy nơi đó lần đầu tiên.*

Đó là ý của Đức Phật khi Ngài dạy về sự từ bỏ thế gian, đó là con đường tiêu cực của Ngài. Bạn đã trở lại khởi điểm. Bạn phải biết cái bạn đã là. Bạn phải đạt được cái bạn đã đạt được rồi. Bạn phải đạt được cái bạn không thể mất, cái mà bạn không thể rời xa được, cái mà càng nắm thì bạn không biết gì về nó cả.

Tôn giáo nghĩa là nhận ra bản tính của bạn, không phải tìm kiếm cái gì mới; đó là một cố gắng để biết cái luôn luôn ở với bạn, cái vĩnh hằng. Từ mở đầu không có mở đầu đến đoạn kết không có kết thúc.



Vì là con đường tiêu cực nên có nhiều khó khăn. Khó mà hiểu được Phật Giáo, bởi vì thông thường tâm trí muốn bám lấy những cái tích cực, muốn có đích để đạt tới; mà Đức Phật lại nói chẳng có gì có thể đạt được cả, mà ngược lại bạn có tất cả để mất.

Nội cái ý tưởng phải mất gì đó cũng hết hấp dẫn rồi, bởi vì lý tưởng của xã hội là có càng nhiều càng

tốt. Mà Đức Phật nói đó là một ham muốn. Càng có nhiều càng ít sống động, bởi vì càng có nhiều, bạn càng ít nhận ra mình hơn – bạn bị thất lạc giữa những cái bạn chiếm hữu. Bầu trời tâm linh của bạn bị chúng che phủ. Người giàu trở thành nghèo vì ông ta không còn chỗ nào trống nữa, nghèo vì ông ta không biết được sự thanh thản của tâm hồn. Khoảng trống tinh thần cho bạn một thoáng nhìn về cái ban sơ và cái tối thượng, vốn là một nhưng khác tên.

Khó mà hiểu được Phật Giáo. Chỉ một số nhỏ cực kỳ thông minh mới thấy Phật Giáo hấp dẫn. Phật Giáo không thể trở thành tôn giáo của đám đông. Mà khi trở thành tôn giáo của đám đông, phần lớn tinh hoa của Phật Giáo đã bị mất rồi vì nó phải thoả hiệp với đám đông.

Phật Giáo biến mất khỏi Ấn Độ vì các nhà sư Ấn Độ thời ấy muốn bảo tồn sự thuần khiết tuyệt đối của Phật Giáo. Nhiều người nghĩ rằng Phật Giáo biến mất khỏi Ấn Độ vì bị các triết gia Bà La Môn đánh bại. Điều này sai hoàn toàn. Phật Giáo không thể bị đánh bại. Chưa một ai bắt bẻ được Phật Giáo. Nó không thể bị đánh bại, bởi vì nó không xây trên logic.⁵

⁵ Ý kiến của Osho khác hẳn các học giả xưa nay. Sankara thường được coi là người đã đuổi Phật Giáo ra khỏi Ấn Độ. Một số học giả Phật Giáo lại cho rằng Sankara đã dùng khá nhiều ý tưởng của Phật Giáo để xây dựng học thuyết Avaita Vedanta của ông ta. Những học giả ngoài Ấn Độ không đồng ý với hai lập trường ấy. Một số nhấn mạnh

Nếu cái gì đó được xây bằng logic, bạn có thể dùng logic mà bẻ gãy nó. Nếu cái gì đó được chứng minh bằng logic, nó có thể bị đánh bại. Phật Giáo chẳng cần đến logic. Nó được xây trên kinh nghiệm hiện thực. Vì nó không dựa vào bất cứ hệ thống siêu hình nào, làm sao bạn bắt bẻ được nó? Nó không đề xướng một học thuyết nào mà chỉ diễn tả những kinh nghiệm tâm linh thâm sâu nhất. Vì không có triết học nên các triết gia không thể bắt bẻ nó được.

Nhưng Phật Giáo đã biến khỏi Ấn Độ là có thật. Lý do chính của là vì các nhà sư Phật Giáo muốn bảo tồn sự thuần khiết của nó. Sự thuần khiết đó trở thành một khoảng cách không thể nối liền được. Đám đông không thể hiểu được nó – chỉ một số nhỏ, những người cực kỳ thông minh, giai cấp thượng lưu, quý phái mới hiểu được. Nếu hiểu được

những yếu tố thực tế nhưng đối nghịch hoàn toàn với Phật Giáo của Sankara. Một số khác lại căn cứ vào những yếu tố khác để nói rằng những khác biệt giữa Phật Giáo và Sankara chỉ là tiểu tiết. Những học giả người Nhật thì cho rằng Sankara đã hiểu lầm Phật Giáo. Thật ra, khá nhiều triết gia Ấn đã đánh phá các học thuyết Phật Giáo. Nổi tiếng nhất là Sankara và Bhaaskara. Sáu học thuyết của Phật Giáo đã bị đả kích là: 1) ngũ uẩn, 2) duyên khởi, 3) thuyết cho rằng tất cả đều vô thường, 4), A-lại-da thức, 5) quan niệm về không gian của Phật Giáo, 6) thuyết cho rằng vạn vật khởi đầu từ cái không.

Độc giả muốn tìm hiểu thêm xin đọc, Daniel H. Ingalls, *Sankara's Arguments Against the Buddhist*, *Philosophy East and West* V3:4 (1954.01)

nó, thì chính sự hiểu biết ấy là sức mạnh chuyển hoá. Nhưng nó vượt tầm với của đám đông. Cho nên nó không lôi cuốn được đám đông.

Nhưng Phật Giáo lại thành công ở Trung Quốc, Nhật, Tích Lan, Miến Điện, Thái lan, Việt Nam... Lý do là Phật Giáo đã phải thỏa hiệp sau kinh nghiệm đắt giá ở Ấn Độ. Các nhà sư Phật Giáo đã dùng ngôn ngữ tích cực. Họ nói về giác ngộ, về phúc lạc, về tây phương cực lạc. Từ cửa sau họ đã mang vào tất cả những gì Đức Phật đã chối bỏ. Điều này thoả mãn được đám đông. Phật Giáo đã hàng phục toàn thể Á Châu, ngoại trừ Ấn Độ. Tại Ấn, Phật Giáo đã tung ra thông điệp thuần khiết nhất và không hề nhượng bộ. Điều này không thể thực hiện được. Tại Trung Quốc, Phật Giáo đã trở thành tôn giáo của đám đông, nhưng hào quang của nó đã bị lu mờ rồi.

Một chuyện vui:

Một quý con được gửi đến dương thế để quan sát những biến chuyển đang xảy ra. Nó tức tốc trở về báo cáo cho quý sư.

Quý con nói, “Tâu Đại Vương! Loạn lớn rồi. Trên dương thế hiện có một người đang thuyết giảng chân lý, và đã thu hút được rất đông người theo. Mình phải có kế hoạch ngay lập tức.”

Quý sư mỉm cười, thông thả hút thuốc nhưng không nói gì cả.

Quý con nói, “Có lẽ Ngài không thấy được tình hình khẩn trương. Chẳng bao lâu nữa thì không kiểm chế người ấy được nữa.”

Quý sứ hút một hơi dài, gạt tàn thuốc, ngả người vào ghế rồi vất chân lên bàn và nói, “Hãy bình tĩnh. Ta sẽ để người ấy kéo dài ít lâu nữa. Sau đó ta trà trộn vào và giúp họ tổ chức.”

Một khi được tổ chức, tôn giáo ấy sẽ chết, bởi vì tôn giáo chỉ có thể được tổ chức nếu nó thoả hiệp với đám đông. Bạn chỉ có thể tổ chức được tôn giáo khi bạn chiều theo sở thích của đám đông. Bạn có thể tổ chức được tôn giáo chỉ khi bạn biến nó thành chính trị, nếu bạn sẵn sàng biến nó thành thế tục.

Tôn giáo chỉ có thể được tổ chức nếu nó không còn là một chân giáo nữa. Nghĩa là tôn giáo không thể biến thành một tổ chức được. Một khi có tổ chức qui củ, tôn giáo không còn là tôn giáo nữa. Bản chất cơ bản của một chân giáo là không thể được tổ chức một cách chặt chẽ; nó phải có một ít hỗn loạn, thiếu trật tự, bởi vì tôn giáo thực sự là tự do tuyệt đối.

Tôn giáo phi tôn giáo.

Tôn giáo của Đức Phật không phải là tôn giáo theo ý nghĩa thông thường, bởi vì nó không có hệ thống tín ngưỡng, không có tín điều, không có thánh thư. Nó không tin vào Thượng Đế, không tin có linh hồn, không tin bất kỳ một thiên đường nào cả. Nó không cần đến đức tin nhưng vẫn là một tôn giáo. Đó là một hiện tượng có một không hai trong lịch sử tâm thức nhân loại.

Không ai có thể so sánh được với Đức Phật. Ngài nói rằng Thượng Đế chẳng qua chỉ là một sự tìm kiếm sự yên ủi, sự an toàn, một chỗ nương thân. Bạn tin vào Thượng Đế không phải vì có Thượng Đế, mà vì bạn cảm thấy yếu đuối nếu thiếu niềm tin đó. Thậm chí nếu không có Thượng Đế, bạn sẽ nản ra ngài. Niềm tin ấy do sự yếu đuối của bạn mà có. Đó là một sự phóng chiếu.

Nhân loại cảm thấy bị giới hạn, bất lực, như thể nạn nhân của hoàn cảnh, vì không biết họ từ đâu mà đến, sẽ đi về đâu, và tại sao mà họ ở đây. Nếu không có Thượng Đế, khó mà thường nhân có thể tìm được ý nghĩa của cuộc sống; họ sẽ trở nên thác loạn khi thiếu bóng Thượng Đế. Thượng Đế là cái nạng chống đỡ bạn, an ủi bạn, bảo vệ bạn. Họ tự nhủ rằng, “Đừng lo. Thượng Đế toàn năng, toàn giác biết rõ tại sao bạn ở đây. Ngài là đấng sáng tạo. Ngài biết rõ tại sao Ngài dựng lên trời đất. Có

thể bạn không biết, nhưng Ngài biết rõ nên bạn có thể tin nơi Ngài.” Điều đó giúp bạn an tâm.

Chỉ một ý tưởng về Thượng Đế cũng đủ làm bạn yên tâm – rằng bạn không phải đơn độc, rằng bạn được săn sóc, rằng vũ trụ này không phải từ sự hỗn loạn mà ra, rằng tất cả đều thứ tự lớp lang. Vị chúa tể của vũ trụ đã lo lắng mọi sự, và một sợi tóc trên đầu bạn rơi xuống cũng không ngoài thánh ý của Ngài. Tất cả đều được hoạch định. Bạn là một phần của một kế hoạch lớn. Có thể bạn không biết được ý nghĩa đó, nhưng ý nghĩa đó phải có vì Thượng Đế hiện hữu.

Thượng Đế giúp bạn vui sống. Bạn có thể tin rằng đời sống không phải tình cờ, rằng có một ý nghĩa, một cứu cánh nào đó. Thượng Đế giúp bạn cảm thấy an toàn.

Nhưng Đức Phật nói chẳng có Thượng Đế; đó là bằng chứng bạn chẳng biết tại sao bạn có mặt tại đây; nó nói lên sự bất lực của bạn. Nó chứng minh rằng chẳng có ý nghĩa nào cả. Ý tưởng về Thượng Đế được tạo ra để giúp chúng ta sống hết cuộc sống vô ích này.

Hãy thử tưởng tượng là bạn đang ngồi trên máy bay mà có người nói, “Không có phi công.” Bỗng dưng tất cả đều hết hoảng. Không có phi công?! Không có phi công thì bạn tới số rồi. Thế rồi có người nói, “Máy bay này không cần người lái vì nó được điều khiển từ xa, nếu không thì sao nó bay được? Vì mọi sự vận hành rất ăn khớp nên nhất định phải có phi công. Có thể ta không thấy được phi công, có thể ta không được ân sủng để thấy, có thể mắt ta nhắm lại, nhưng phải có phi công. Nếu

không thì sao nó bay được? Nó đã cất cánh, và đang bay rất êm, và máy đang nổ đều đều. Đó là bằng chứng có phi công.”

Nếu được chứng minh như thế, bạn sẽ thư giãn lại trong ghế ngồi. Bạn nhắm mắt lại mà thả hồn vào hư vô và ngáy như kéo gỗ. Đã có phi công rồi, bạn chẳng phải lo lắng gì nữa.

Đức Phật nói chẳng có phi công; đó là sự sáng tạo của con người. Nhân loại nặn ra Thượng Đế trong hình ảnh của mình. Thượng Đế là một phát kiến, không phải là một khám phá. Do đó, Thượng Đế không phải là chân lý; đó là một bịp bợm vĩ đại nhất.

Đó là lý do tôi nói Phật Giáo không phải là một tôn giáo theo nghĩa thông thường. Phật Giáo là một tôn giáo phi Thượng Đế. Bạn có thể tưởng tượng được không? Lần đầu tiên khi các học giả tây phương nghiên cứu về Phật Giáo, họ đã bị sốc vì gọi là tôn giáo mà chẳng có Thượng Đế. Họ chỉ biết Do Thái Giáo, Ki Tô Giáo và Hồi giáo. Những tôn giáo này, trong nhiều khía cạnh, rất ấu trĩ so với Phật Giáo.

Phật Giáo là một tôn giáo đã trưởng thành. Phật Giáo là tôn giáo của những tâm hồn siêu việt. Phật Giáo không phải là tôn giáo của nhi đồng, và nó không khuyến khích bất kỳ ham muốn trẻ con nào của bạn. Phật Giáo rất vô tình. Hãy để tôi lập lại: chẳng có ai từ bi hơn Đức Phật, nhưng đạo của Ngài rất vô tình.

Thật ra, sự vô tình đó nói lên lòng từ bi của Ngài. Ngài không cho phép bạn bám víu vào bất cứ đối trá nào. Dù có êm ái thế nào chẳng nữa, đối trá

vẫn là dối trá. Những người lừa bịp bạn không phải là bạn, mà là kẻ thù của bạn. Bởi vì được nuôi dưỡng bằng giả dối nên đời bạn chỉ toàn những giả dối. Bạn phải sống trong không khí của chân lý, dù khó khăn, dù đắng cay thế nào chăng nữa cũng phải chấp nhận. Thậm chí nếu phải bị bách hại vì chân lý thì cũng đáng.

Đức Phật nói rằng tôn giáo của con người là những sáng tạo của con người. Bạn bị chi phối bởi những ngoại cảnh khách quan. Bạn cần phải chấp nhận sự thật bằng mọi giá mà không có che đậy, không có đánh bóng, không bóp méo để nó phù hợp sở thích của bạn. Nếu điều đó gây xáo trộn, rối loạn cho bạn, hãy sẵn sàng đón nhận mọi hậu quả. Nếu tự ái bị tổn thương, hãy sẵn sàng chết vì vết thương ấy. Nếu bị huỷ diệt vì chân lý, hãy sẵn sàng để bị huỷ diệt.

Đức Phật rất vô tình, nhưng Ngài đã mở cánh cửa huyền vi vô cùng thâm sâu mà không người nào thành công được như Ngài. Ngài không cho phép bất cứ tham vọng nào của bạn. Ngài nói, “Hãy ý thức hơn. Hãy tỉnh thức hơn. Hãy can đảm hơn. Đừng nép mình đằng sau bất kỳ tín ngưỡng, tín điều, hay học thuyết nào. Hãy lãnh nhận trách nhiệm của chính mình. Hãy đốt ngọn nến nội tâm của mình để nhìn rõ thực tướng của mọi vật. Và khi có đủ can đảm để chấp nhận sự thật, bạn thật là có phước.

Đó là lời dạy đầu tiên của Đức Phật. Ngài dạy rằng mọi hệ thống tín ngưỡng đều độc hại; mọi đức tin đều là rào chắn.

Ngài không phải là người hữu thần, cũng không phải là người vô thần, bởi vì như Ngài đã nói, một số tin Thượng Đế, một số khác không tin, nhưng của hai đều có niềm tin. Ngài không tin Thượng Đế, nhưng Ngài bác bỏ mọi quan điểm của những người vô thần kia. Ngài nói rằng sự phủ nhận Thượng Đế của họ chẳng khác gì muối đốt chân voi. Nếu chưa đủ trưởng thành, bạn sẽ tìm một thần tượng khác để thay thế Thượng Đế.

Thí dụ, Karl Marx tuyên bố rằng không có Thượng Đế, nhưng lịch sử của ông ta lại có đủ mọi khái niệm của Thượng Đế. Cần Thượng Đế để làm gì? Thượng Đế là yếu tố quyết định, là nhân tố đứng sau mọi hiện tượng. Thượng Đế quyết định những gì sẽ xảy ra, và những gì không xảy ra. Marx bỏ hẳn ý tưởng Thượng Đế, nhưng lịch sử trở thành yếu tố quyết định. Lịch sử trở thành định mệnh. Lịch sử chi phối tất cả. Lịch sử là gì vậy? Marx nói rằng Cộng Sản là một tất yếu lịch sử, và lịch sử đã quyết định rằng Cộng Sản sẽ chiến thắng, và tất cả đã được lịch sử an bài. Thế thì lịch sử đã trở thành một siêu Thượng Đế.

Một nhân vật hay một yếu tố nào đó phải có để quyết định. Con người không thể sống với một thực tại trực tiếp. Con người không thể chấp nhận một thực tại hỗn loạn, tình cờ. Con người không thể sống với thực tại mà không dựa vào một ý tưởng nào đó để cho nó có ý nghĩa, thích hợp, và liên tục để lý trí có thể hiểu được, phân tích được, để nhân quả có thể phân biệt được.

Freud bỏ hẳn ý tưởng Thượng Đế, thế nhưng vô thức trở thành Thượng Đế; mọi hoạt động của con người đều được quyết định bởi vô thức; con người

chỉ là những con rối trong tay của vô thức. Đó là những nhãn hiệu mới của Thượng Đế. Đó là thần thoại tân thời. Tâm lý học của Freud là một thần thoại mới về Thượng Đế. Bình cũ nhưng rượu mới. Nhãn hiệu đã được thay đổi. Nhãn hiệu cũ đã được gỡ đi, và sơn phấn mới được trét vào để dễ gạt gẫm những người thiếu cảnh giác. Nhưng nếu phân tích tâm lý học của Freud một cách kỹ lưỡng, bạn sẽ nhận ra ngay lập tức là vô thức giữ vai trò mà Thượng Đế từng làm.⁶

Vậy thì sao phải cần đến Thượng Đế? Thượng Đế phải được sáng tạo ra để quyết định chuyện gì đó... lịch sử, kinh tế, vô thức, sự lựa chọn tự nhiên... Nếu con người không thể có tự do thì thay đổi thần thoại, chủ thuyết cũng chẳng ích gì. Dù theo đạo Án, đạo Hồi, Ki Tô Giáo, Do Thái Giáo... cũng chỉ khác nhau trên hình thức. Tâm trí của bạn vẫn còn trẻ con, vẫn chưa trưởng thành. Bạn liên tục

⁶ Charles Darwin với thuyết tiến hoá là một thí dụ khác. Darwin cho rằng chẳng có Thượng Đế, mà chỉ có sự lựa chọn tự nhiên (natural selection), và chỉ giống nào thích hợp nhất mới tồn tại được. Darwin, Marx, Freud và Nietzsche là bốn người được coi là đã mở đường cho trường phái Hiện Đại (Modernism), đôi khi cũng được coi là Cơ Cấu Luận (Structuralism). Nietzsche không đưa ra một lý thuyết thay cho Thượng Đế, nhưng đã chứng minh rằng Thượng Đế, chân lý là những ý tưởng bất kỳ và thay đổi tùy theo thời, tùy địa phương. (Louis Markos, *From Plato to Post-Modernism*, The Teaching Company). Người được coi là tổ sư của phái Hiện Đại là Ferdinand de Saussure, nhà ngữ học Thụy Sĩ. Ông ta coi ngôn ngữ là một hệ thống mà mỗi thành phần đều có liên hệ hỗ tương với nhau. Ông ta gọi những từ trong một ngôn ngữ là những ký hiệu, và mỗi ký hiệu có hai phần là 1) âm thanh, 2) ý nghĩa hay khái niệm. Saussure gọi âm thanh là Signifier (cái ra dấu), và khái niệm là Signified (cái được ra dấu).

tìm kiếm hình ảnh của một người cha, hay một nhân vật nào đó, để có thể giải thích tất cả, để có thể là giải đáp tối hậu.⁷ Một tâm hồn đã trưởng thành không phải tìm kiếm, dù có giải đáp tối hậu hay không.

Đó là lý do Đức Phật nói, “Ta không phải là nhà siêu hình.” Ngài chẳng có Siêu Hình Học nào cả. Siêu Hình Học nghĩa là giải đáp tối hậu của mọi thắc mắc. Ngài không hề nói, “Tôi đã giải thích được bí ẩn đó.” Ngài không hề nói, “Đây, tôi đã khai thị chân lý cho bạn.” Ngài nói rằng, “Điều duy nhất tôi có thể làm là khuyến khích bạn, làm cho bạn khao khát, giúp cho bạn trở nên cảnh giác, ý thức, sống động, để bạn sống đời một cách hoàn toàn ý thức, tràn ngập ánh sáng và tỉnh thức, đến độ mọi thắc mắc đều tan biến.”

Không phải là bạn sẽ tìm được một đáp án tối hậu của đời sống – chưa ai làm được điều đó. Đức

⁷ Jaques Derida là tổ sư của trường phái triết học Deconstruction. Derida cho rằng toàn bộ Siêu Hình Học tây phương, từ Plato đến nay, chỉ là một cố gắng vô vọng để đi tìm một lý tính (Logos), gọi là Transcendental Signified (ý nghĩa siêu việt), để có thể giải đáp được mọi thắc mắc của con người. Nhưng Derida cho rằng mỗi khi tìm đến một Signified, ta lại khám phá ra rằng nó lại là một Signifier khác và chỉ về một Signified khác, và nếu theo dấu của nó để tìm về Signified ấy, nó lại là một Signifer khác. Cho nên ý nghĩa đó luôn luôn bị trì hoãn (always already differed), nghĩa là không thể có thể một giải đáp tối hậu nào. (xem Louis Markos, Jim Powell, Deconstruction for Beginner, Glenn ward, Teach yourself Post-Modernism). (VS)

Phật bác bỏ Siêu Hình Học một cách triệt để. Ngài nói Siêu Hình Học chỉ là một sự tìm kiếm vô ích.

Việc đầu tiên là Ngài phủ nhận Thượng Đế.

Sau đó là Ngài phủ nhận thiên đường. Ngài nói, “Thiên đường của bạn chẳng qua chỉ là những ước muốn chưa được toại nguyện, những bản năng chưa được thành tựu, rồi bạn phóng chiếu những ước muốn, những bản năng ấy qua cõi vô hình, qua đời sau.” Ở điểm này Ngài hoàn toàn đúng. Nếu được mô tả về thiên đường của Hồi giáo, Ki Tô Giáo, Do Thái Giáo, bạn sẽ hiểu ngay tại sao Ngài nói như thế. Những gì không được toại nguyện ở kiếp này, bạn sẽ phóng chiếu nó qua đời sau. Nhưng dù đời này hay đời sau, những ước muốn ấy chẳng khác tí nào.

Người Ấn nói có những cây phép lạ - gọi là *kalvrasksha*. Nếu ngồi dưới gốc cây ấy, những gì bạn muốn sẽ xảy ra ngay lập tức. Tây phương gần đây mới phát minh ra cà phê uống liền. Ấn Độ đã nghĩ ra cây phép lạ cả hàng ngàn năm và ai cũng tin. Ngồi dưới gốc cây ấy thì cầu được, ước thấy. Nếu mơ một nàng tiên, cô ấy sẽ xuất hiện. Muốn cao lương mỹ vị? Có ngay. Không gì mà không được.

Chỉ cần phân tích sơ sơ cũng thấy. Mấy ai được toại nguyện ở đời, và người nào cũng bỏ cả đời để thực hiện những điều mong ước. Vậy mà mấy người hài lòng về những gì mình đạt được? Cho nên họ phóng chiếu những ước muốn ấy vào tương lai. Ước muốn tự bản chất không thể thoả mãn được, dù là hiện tại hay tương lai.

Đức Phật nói, “Bản chất của ham muốn là không thể thoả mãn được. Bất kể làm gì, bạn sẽ không toại nguyện – đó là bản chất nội tại của ham muốn. Ham muốn không thể thành tựu được. Dù ngồi dưới gốc cây phép lạ bạn cũng không thoả mãn được. Nhiều lần bạn thoả mãn với những điều bạn mơ ước, nhưng sau đó bạn lại mơ ước những cái khác. Vòng luân quản cứ thế kéo dài mãi mãi.

Thiên đường của Ki Tô Giáo, Hồi giáo, Do Thái Giáo và Ấn Độ Giáo chỉ là những ước muốn được phóng chiếu, những ham muốn không được toại nguyện, những mơ ước bị thất vọng. Dĩ nhiên là chúng an ủi con người nhiều lắm: “Nếu không được toại nguyện ở đây, bạn sẽ được toại nguyện trên thiên đường. Sớm hay muộn bạn sẽ trở về với Thượng Đế. Đòi hỏi duy nhất là bạn phải cầu nguyện và tin tưởng nơi Ngài. Hãy kính sợ Thượng Đế thì phần thưởng sau này của bạn sẽ vô cùng trọng hậu.”

Phần thưởng dĩ nhiên là phải chờ đến đời sau, bởi vì bọn thầy tu láo khoét không thể lừa được bạn ở đời này. Họ biết là ước muốn không thể thoả mãn được nên đã nghĩ ra đời sau. Chẳng ai biết gì về đời sau cả nên người ta bị gạt gẫm rất dễ dàng. Nếu có người nói với bạn rằng, “Thượng Đế sẽ thoả mãn những ước muốn của bạn ngay lúc này và ngay bây giờ,” thì sẽ khó mà chứng minh được – bởi vì chưa người nào được thoả mãn ngay lúc này và ngay bây giờ. Thế thì Thượng Đế sẽ bị lộ mặt nạ. Vì vậy họ phải nghĩ ra một kế rất láu cá. Họ nói, “Hết đời này mới được...”

Tại sao Thượng Đế toàn năng của bạn không thể thoả mãn những ham muốn của bạn ngay bây

giờ? Thượng Đế toàn năng của bạn không thể dựng lên cây phép lạ ngay trên mặt đất này sao? Thượng Đế của bạn không thể làm gì khi người ta còn sống sao? Nếu ngài không thể làm gì lúc này, lấy gì bảo đảm là ngài sẽ làm được ở đời sau?

Đức Phật nói, “Hãy nhìn vào bản chất của ham muốn. Hãy quan sát sự chuyển động của ham muốn vì nó rất tinh tế. Hai điều bạn sẽ nhận ra. Một là ham muốn tự bản chất không thể thoả mãn được. Và thứ hai, khi hiểu được là ham muốn không thể thoả mãn được, nó sẽ biến mất và bạn sẽ không còn thèm muốn nữa. Đó là trạng thái an bình, tĩnh lặng và thanh thoát. Đó là trạng thái được thoả mãn. Thèm muốn không thể thoả mãn được bằng thèm muốn. Nó chỉ có thể được thoả mãn bằng cách vượt lên trên thoả mãn.

Ham muốn là cơ hội bằng vàng để tìm hiểu sự hoạt động của tâm trí, cách mà nó hoạt động cùng với cơ chế của nó. Và khi bạn hiểu điều đó thì sẽ có sự chuyển hoá. Ham muốn sẽ biến mất mà không để lại dấu vết. Và khi không còn ham muốn, không đòi hỏi gì nữa, bạn sẽ được thoả mãn. Không phải là ham muốn được thoả mãn, nhưng khi bạn vượt qua mọi ham muốn, sự thoả mãn tự xảy ra.

Ham muốn theo thời, theo hoàn cảnh mà thay đổi. Tôn giáo nói, “Ham muốn có thể được thoả mãn trên thiên đường.” Người tư bản nói, “Ham muốn có thể được thoả mãn trong hiện thế.” Những người duy vật nói, “Ham muốn có thể được thoả mãn tại đây. Chỉ cần thay đổi cơ cấu xã hội, chỉ cần lật đổ bọn tư bản để cho vô sản lãnh đạo; bọn tư sản phải bị tiêu diệt. Thế thôi! Được như thế thì ước

muốn sẽ được thoả mãn ngay tại đây, thiên đường có thể được thiết lập ngay trên trần thế này.”

Tư bản nói, “Bạn có thể được toại nguyện, nếu cố gắng hết mình.” Tây phương hiện đang làm thế: “Hãy đấu tranh, hãy giành giật, hãy chiến thắng bằng mọi cách. Hãy kiếm thêm nhiều tài sản, thêm nhiều quyền lực.” Đó là điều mà chính trị gia khắp nơi đang làm. “Nếu muốn được hạnh phúc, kinh tế phải phát triển, năng suất phải cao.” Đó là lời của các khoa học gia; họ nói chỉ cần một ít kỹ thuật nữa, thiên đường sẽ được thiết lập. Còn tôn giáo của bạn nói gì? Họ chẳng nói gì khác. Họ nói, “Ham muốn có thể được thoả mãn, nhưng không phải trong đời này mà đời sau.” Đó là một khác biệt rất nhỏ giữa tín đồ duy vật và những người đạo đức giả.

Đối với Đức Phật, cả hai đều là duy vật; và đối với tôi, cả hai cũng là duy vật. Những người đạo đức giả và những người vô thần cũng là cá mè một lứa, chẳng có gì khác cả. Thái độ và cách tiếp cận của họ y hệt nhau.

Đức Phật nói, “Ham muốn không thể được thoả mãn.” Ngài là người thánh thiện theo ý nghĩa đó. Bạn phải hiểu bản chất của ham muốn. Nó không thể được thoả mãn tại đây, hay bất kỳ nơi nào khác. Điều đó đã không xảy ra và không thể xảy ra, bởi vì nó mâu thuẫn với thực chất của ham muốn. Ham muốn là gì vậy? Bạn đã bao giờ quan sát cái tâm trí tham lam của mình chưa? Bạn đã suy tư về nó chưa? Ham muốn là gì vậy?

Bạn muốn mua nhà nên bạn phải vất vả mới được. Bạn hy sinh cả đời vì nó. Khi có nhà rồi, bạn

có thoả mãn không? Khi có nhà rồi, bỗng nhiên bạn bạn cần nhiều thứ khác nữa. Rồi bạn lại muốn nhà bự hơn nữa. Bạn muốn được yêu, và khi được yêu rồi, bạn lại muốn người khác nữa. Đó là bản chất của ham muốn. Nó luôn luôn đi trước bạn. Ham muốn thuộc về tương lai.

Ham muốn là một hy vọng. Ham muốn không thể thoả mãn được, bởi vì bản chất của nó là một phóng chiếu vào tương lai. Nó luôn luôn nằm ở chân trời mà bạn không thể đuổi theo được; mỗi khi bạn tiến tới, nó lại lùi về sau, và khoảng cách giữa nó và bạn không hề thay đổi. Khi có mười ngàn, bạn sẽ muốn có hai chục ngàn. Khi có hai chục ngàn, bạn sẽ muốn bốn chục ngàn. Khoảng cách không hề thay đổi.



Bất kể bạn có hay không, ham muốn luôn luôn lớn vồn đàng trước.

Đức Phật nói, “Hãy vất bỏ hy vọng, hãy loại bỏ ham muốn.” Khi không còn hy vọng và ham muốn, bạn bị ném về hiện tại. Khi không còn thèm muốn gì nữa, bạn sẽ toại nguyện, bởi vì bạn không bị ham muốn gặt gẫm nữa.

Cho nên khi Đức Phật nói chẳng có gì khác giữa bọn đạo đức giả và đám duy vật. Và Ngài đã làm những người Bà La Môn phẫn nộ. Họ chưa hề phẫn nộ với ai như thế. Họ cố diệt tận gốc đạo của Ngài tại Ấn Độ, và họ đã thành công. Phật Giáo xuất hiện ở Ấn Độ nhưng đã biến mất khỏi Ấn Độ, bởi vì Ấn Độ Giáo là một trong những tôn giáo duy vật nhất trên thế giới. Hãy mở những bộ kinh Vệ Đà thì bạn sẽ thấy ngay: những lời nguyện, những nghi lễ, những hiến tế, toàn là xin với xỏ, hết từ thần này đến thánh kia. Mọi nghi lễ đều do ham muốn mà có. “Xin ban thêm nữa, nhiều hơn nữa. Xin cho được mùa, cho mưa thuận gió hòa, cho công việc được phát đạt, sức khỏe được dồi dào, được sống lâu...” Kinh Vệ Đà chẳng qua chỉ là những ham muốn được phóng đại, và đôi khi rất xấu xa. Kinh Vệ Đà không phải chỉ có những lời xin xỏ, mà còn có những lời nguyện rửa kẻ thù nữa, như, “Xin cho bò của tôi nhiều sữa, và cho bò của thằng khốn kia chết đi, hoặc đừng cho nó có sữa.”

Đạo gì mà kỳ cục vậy? Thậm chí gọi nó là đạo cũng vô lý nốt. Nếu chánh đạo mà như thế, tà đạo sẽ ra sao? Đức Phật đã học với nhiều đạo sư trong lúc Ngài đang tầm đạo, nhưng lần nào Ngài cũng ra đi tay không, bởi vì Ngài biết rõ chẳng ai hiểu bản chất của ham muốn cả. Chính những người đó cũng

còn nhiều ham muốn. Dĩ nhiên là ham muốn của họ được phóng chiếu thật xa trong tương lai, vào kiếp sau, nhưng đối tượng của ham muốn chỉ là một. Khác nhau chỉ là vấn đề thời gian.

Có người ham những cái ở đời này. Có người ham những cái thuộc về đời sau. Nhưng khác chỗ nào đâu? Chẳng có gì khác cả. Họ cùng ham muốn như nhau. Ham muốn là ham muốn.

Đức Phật đã học với nhiều đạo sư, nhưng lần nào Ngài cũng thất vọng. Ngài chẳng gặp người thánh thiện thực sự, mà chỉ thấy những bọn đạo đức giả. Họ là những người tự tra tấn chính mình: người thì nhịn ăn cả hàng tháng, người thì đứng cả năm, người thì không ngủ bao giờ, và họ trở thành những bộ xương cách trí. Bạn sẽ không nói họ là đạo đức giả, hay là người tầm thường. Nhưng nếu nhìn vào tâm trí của họ mà hỏi, “Sao phải nhịn ăn? Cố gắng quá như thế để làm gì?” Họ sẽ trả lời rằng để được lên cõi trời, để được lên thiên đường, để được phần thưởng đời đời sau khi chết. Đó là ham muốn.

Cả bọn đều nói như nhau, “Tất cả chỉ là vô thường. Cuộc sống này chỉ là giả tạm. Dù có được gì đi nữa, cuối cùng thân chết cũng lấy đi tất cả. Vậy thì tranh dành làm chi? Cuộc sống này sẽ không tồn tại mãi mãi. Cho nên chúng tôi muốn tìm những cái vĩnh cửu, trường sinh bất tử; chúng tôi muốn được thoả mãn tuyệt đối. Chỉ những tên ngố mới tìm vinh hoa phú quý ở đời này, bởi vì cuối cùng cũng trắng tay. Làm cho lắm nhưng khi chết có mang theo được đâu? Chúng tôi muốn tìm một bảo vật mà chúng tôi có thể mang theo, sẽ không bị hư mất, mà ngay cả thân chết cũng không thể cướp đi.”

Bạn có gọi những người này là thánh thiện không? Họ có vẻ còn tệ hơn những người bình thường nữa; họ duy vật hơn cả những người duy vật nữa. Dĩ nhiên là họ khéo nguy trang sự tham lam của họ; lòng tham của họ có vẻ thoát tục, nhưng rất lừa lọc. Chẳng khác gì bạn cắm vài bông hoa trên đồng phân vậy. Phân là phân. Hoa chỉ lừa được những người ngu mà thôi.

Đức Phật đã không bị lừa. Ngài thấy tất cả. Ngài thấy được lòng tham của họ. Nếu còn ham muốn, bạn là người trần tục và duy vật.

Vì vậy Ngài không dạy về thiên đường. Ngài không tin thiên đường nào cả. Không phải là Ngài không tin ở phúc lạc, không. Ngài tin ở phúc lạc, nhưng đó không phải là tín ngưỡng. Khi mọi thiên đường đã mất, khi mọi ham muốn đã biến mất, phúc lạc nổ tung ra từ cốt lõi thâm sâu nhất của bạn. Điều đó chẳng đòi hỏi gì cả. Không cần đức hạnh, không cần khổ hạnh, không cần lễ vật hiến tế. Chỉ cần hiểu là đủ.

Đạo của Đức Phật là đạo của hiểu biết.



Và thứ ba là Ngài không tin linh hồn, không tin Thượng Đế, không tin thiên đường. Điều này có vẻ khó khăn.

Chúng ta có thể chấp nhận là không có Thượng Đế vì có ai thấy Ngài bao giờ đâu; rất có thể đó là một sự phóng chiếu. Ta cũng có thể chấp nhận không có thiên đường, bởi vì có thể nó chỉ là một ước muốn không được toại nguyện của chúng ta. Nhưng không có linh hồn? Thế thì chẳng có chỗ nào cho bạn bám vào cả. Không có linh hồn? Thế thì mục đích của đời người là gì? Nếu không có linh hồn, nếu chết là hết thì dù có nỗ lực cách mấy cũng vô ích. Thiên quán để làm gì? Cầu nguyện có ích chi?

Đức Phật nói rằng ý tưởng về tự ngã, về linh hồn đã bị hiểu lầm. Bạn hiện hữu, nhưng bạn không có tự ngã. Bạn hiện hữu nhưng không tách biệt khỏi vũ trụ. Sự tách biệt là cơ sở của khái niệm về tự ngã. Nếu tôi tách biệt bạn, tôi có tự ngã. Nếu bạn tách biệt tôi, bạn có linh hồn.

Đức Phật nói: cái tồn tại là một. chẳng có biên giới. Không ai tách biệt người khác. Chúng ta sống trong một đại dương tâm thức. Chúng ta là một tâm thức nhưng bị mê hoặc bởi sự tách biệt của cơ thể, bị lừa vì ranh giới của tâm trí. Và bởi vì thân xác và tâm trí, và vì sự đồng hóa với thể xác và tâm trí, chúng ta nghĩ rằng chúng ta tách biệt, chúng ta nghĩ rằng chúng ta là những “tự ngã” biệt lập. Cái tôi theo đó mà có.

Chẳng hạn, nhìn lên bản đồ bạn sẽ thấy Mỹ, nhưng trên mặt đất chẳng hề có Mỹ - chỉ trên bản đồ của các chính khách. Trên bản đồ thì Mỹ Châu

và Phi Châu tách rời nhau, nhưng sâu bên dưới, bên dưới đại dương, chỉ có một trái đất. Mọi lục địa đều nối liền nhau, chúng chỉ là một trái đất.

Chúng ta chỉ tách biệt trên bề mặt. Càng đi sâu hơn, sự tách biệt càng lu mờ. Khi vào tận cốt lõi của bản thể chúng ta, bỗng nhiên nó trở thành đại đồng – chẳng có tự ngã, chẳng có linh hồn.

Đức Phật chẳng có tín ngưỡng về Thượng Đế, về linh hồn, về tiên cảnh. Vậy thì Ngài dạy điều gì? Ngài dạy về một lối sống, không phải tín ngưỡng. Phương pháp của Ngài rất khoa học, dựa vào kinh nghiệm, thực tiễn. Ngài không phải là triết gia, không phải nhà siêu hình. Ngài là một người thực tế.

Đức Phật nói, “Bạn có thể thay đổi cuộc sống mà không cần đến tín ngưỡng.” Thật vậy, những niềm tin ấy là những cản trở cho sự thay đổi. Bước đầu là bỏ tín ngưỡng, bỏ siêu hình, bỏ giáo điều. Hãy bắt đầu bằng số không, chẳng cần triết lý, không cần ý hệ. Bắt đầu bằng tay trắng. Đó là cách duy nhất để đến với chân lý.

Tôi đã nghe rằng:

Một du khách mở cuốn thánh kinh do hội Gideon đặt trong khách sạn. Trong trang đầu có hàng chữ in, “Nếu bạn bị bệnh, hãy đọc Thánh Vịnh 18. Nếu gia đạo bất hòa, hãy đọc Thánh Vịnh 45. Nếu bạn cô độc, hãy đọc Thánh Vịnh 92.”

Người ấy cảm thấy cô độc nên mở Thánh Vịnh 92 và đọc. Khi đọc hết đoạn ấy, người ấy thấy bên

dưới có hàng chữ, “Nếu bạn vẫn còn cảm thấy cô đơn, xin gọi 888-1234 và nói muốn gặp Nani.”

Nếu đọc kỹ thánh thư của bạn, bạn sẽ thấy cực chú hấp dẫn hơn. Đôi khi chúng không được rõ lắm, nhưng nếu để ý, bạn sẽ tìm thấy – cực chú thích hợp hơn.

Đức Phật nói tất cả thánh thư của bạn chỉ là những ước muốn, những bản năng, những tham lam, những nhục dục, những giận hờn của bạn. Chúng chỉ là những sáng tạo của tâm trí của bạn, cho nên nó phải có dấu vết của tâm trí. Thánh thư do con người sáng tạo. Vì vậy các tôn giáo đều cố chứng minh rằng thánh thư của họ không phải là sản phẩm của con người.

Ki Tô hữu nói rằng Thượng Đế là tác giả của Thánh Kinh; Mười Điều Răn được chính Thượng Đế trao cho Mai Sen (Moses); Tân Ước là thông điệp trực tiếp của Ngôi Hai, con một của Thượng Đế. Nó không phải là sáng tạo của con người. Nó đã được chính Thượng Đế mặc khải.

Người Ấn cũng nói kinh Vệ Đà không phải là sản phẩm của con người. Và câu chuyện cứ thế mà lặp lại: Người Hồi nói kinh Koran được Thượng Đế đọc cho Mohammed.

Tại sao các tôn giáo đều nói thánh thư của họ là của Thượng Đế, còn của các tôn giáo khác thì không? Người Hồi không chấp nhận kinh Vệ Đà là của Thượng Đế. Mà người Ấn cũng không chấp nhận kinh Koran. Sao vậy? Bởi vì họ biết rõ rằng

bất kỳ những gì do con người sáng tạo đều có dấu vết của tâm trí, của ham muốn.

Đức Phật nói mọi thánh thư đều do con người sáng tạo. Ngài không phải là người cuồng tín. Ngài chẳng thuộc về quốc gia nào, chủng tộc nào, tôn giáo nào, phe nhóm nào. Ngài chỉ là ánh sáng của chính Ngài. Và những gì Ngài phát biểu đều là những thông điệp thuần khiết nhất của chân lý.

Một người bạn gửi cho tôi một câu chuyện rất hay:

Những tín đồ Ái Nhĩ Lan yêu cầu vị lãnh đạo tôn giáo của họ chọn một chỗ để xây lăng tẩm của mình. Trong lúc đó thì cuộc thánh chiến đang diễn ra, và ông ta có thể bị thiệt mạng bất cứ lúc nào. Ba địa điểm được đề nghị, và ông ta đã chọn chỗ rẻ tiền nhất, trái với ý muốn của hội đồng. Được hỏi tại sao lại chọn nơi tầm thường như thế, thay vì hai vị trí thơ mộng kia.

*Ông ta trả lời, “Các bạn thân mến của tôi ơi! Tôi rất cảm kích sự rộng lượng của quý vị. Nhưng tôi sẽ không nằm trong đó quá ba ngày. Vậy thử hỏi có phí phạm không?”*⁸

Những ý tưởng điên rồ như thế sẽ không có nơi Đức Phật. Ngài sẽ do dự. Người cũng do dự như thế là Lão Tử. Chỉ có hai vị này là do dự.

⁸ ý nghĩa của câu chuyện là thế này. Tín đồ Cơ Đốc Giáo tin rằng Chúa đã chết và đã sống lại sau ba ngày. Ý của vị này là ông ta cũng có quyền phép như Chúa vậy. (VS)

Đôi khi vì do dự nên họ không gây ấn tượng tốt nơi bạn. Bởi vì lẩn lộn nên bạn cần một người tuyệt đối tự tin để bạn có thể tin tưởng vào. Do đó bạn thường bị những bọn cuồng tín hấp dẫn.

Họ cũng chẳng có gì để nói, nhưng vì đập bàn rầm rầm, vì la lối om sòm nên họ cho bạn cảm tưởng là họ biết, nếu không, sao họ quả quyết như thế? Có những tôn giáo quả quyết đến độ cuồng tín, đến độ họ đã tạo ra được cảm giác chắc chắn. Mà những người rối rắm rất cần sự chắc chắn.

Khi gặp một vị Phật, có thể bạn không chú ý lắm vì ngài không quả quyết như thế, vì ngài không tuyên bố huyền hoang. Ngài biết rõ hơn mọi người. Ngài biết là đời sống không thể tóm tắt trong một phát biểu, mà phát biểu nào cũng vật vãnh. Không phát biểu nào có thể chứa đựng hoàn toàn chân lý, cho nên dựa vào đâu mà quả quyết. Ngài biết tất cả chỉ là tương đối thôi.

Đức Phật và Mahavira là hai đạo sư nổi tiếng nhất của Ấn Độ. Các Ngài hiểu rõ luật tương đối. Einstein chỉ mới khám phá ra gần đây thôi. Einstein đã đem thuyết tương đối vào khoa học. Trước đó khoa học rất chắc chắn, chắc chắn một cách cuồng tín, một cách tuyệt đối. Khoa học đã trở nên khiêm nhường hơn, thành thật hơn.⁹

⁹ Vật lý học cổ điển nói nếu biết được điều kiện ban đầu, ta có thể biết được trạng thái của vũ trụ tại bất cứ thời điểm nào. Nguyên tắc bất định của Heisenberg nói rằng ta không thể biết được cùng một lúc cả vị trí lẫn vận tốc của một hạt điện; nếu biết được vận tốc thì không biết được vị trí, và ngược lại, nếu biết vị trí thì không biết được vận tốc của nó. Thế thì hiện tại cũng không biết được, nói chi đâu xa. (VS)

Đức Phật và Mahavira đã làm như thế ở Ấn Độ. Các Ngài đã đưa tương đối vào tôn giáo khi nói rằng chân lý không thể phát biểu một cách toàn bộ, rằng ta không thể khẳng định một cách tuyệt đối, rằng cùng lắm thì ta chỉ có thể gợi ý. Sự gợi ý ấy phải gián tiếp, không thể trực tiếp được; ta không thể chỉ thẳng một cách trực tiếp được, bởi vì nó quá mênh mêng, quá rộng lớn. Cho nên người đã đạt đạo phải do dự là lẽ đương nhiên. Sự do dự đó là bằng chứng của sự cảnh giác cao độ.

Những người đàn độn thường cuồng tín. Càng đàn độn càng cuồng tín. Đó là một trong những điều đáng buồn của nhân loại. Kẻ ngu thì quả quyết, mà người biết lại do dự. Đức Phật cũng do dự.

Cho nên nếu muốn hiểu được Ngài, bạn phải tỉnh thức và phải cởi mở để nghe lời của Ngài. Ngài không truyền chân lý cho bạn một cách quy mô. Ngài chỉ hướng dẫn, chỉ gợi ý, và điều đó cũng đã khó lắm rồi.

Tôi đã nói rằng Đức Phật là người rất thực tiễn. Chẳng mấy khi Ngài bàn đến những vấn đề siêu hình. Ngài không hề rào trước đón sau mà đi thẳng vào vấn đề, càng đơn giản càng tốt.

Đôi khi những lời Ngài nói không có vẻ thâm thúy lắm, nhưng nếu hiểu được thì vô cùng uyên áo. Ngài không hề đánh vào bụi rậm, không hề khoa trương.

Tôi đã nghe rằng:

Nàng vừa mới đôi mươi; chàng là một ngôi sao đang lên trong một công ty nổi tiếng. Ai cũng nghĩ hai người rất xứng đôi. Nhưng ai ngờ vấn đề lại là chuyện chăn gối. Tuần trăng mật chưa bắt đầu mà nàng đã than phiền với bạn bè, “Là một chuyên gia quảng cáo nên đêm đêm anh ấy cứ ngồi cạnh giường mà nói chuyện đó sẽ đẹp như thế nào!”

Nhưng nó chưa hề xảy ra.

Đức Phật chẳng cần phải sửa soạn. Ngài không hề quảng cáo những gì Ngài sắp nói. Ngài nói những gì cần phải nói rồi bàn qua chuyện khác. Ngài nói:

Vì bị thôi thúc bởi những ham muốn ích kỷ nên người ta đuổi theo danh vọng và phú quý. Nhưng khi được rồi, họ đã bỏ phí nhiều năm. Nếu say mê danh vọng ở đời mà quên đường đạo, bạn đã đi sai đường, và bạn phí sức một cách vô ích. Chẳng khác gì bạn đốt nhang. Dù thơm đến đâu cũng mặc, nó sẽ bị lửa của chính nó đốt cháy.

Một lời giáo huấn rất đơn giản và thực tế:

Vì bị thôi thúc bởi những ham muốn ích kỷ nên người ta đuổi theo danh vọng và phú quý.

Ham muốn ích kỷ là gì? Theo thuật ngữ Phật Giáo, ham muốn ích kỷ là ham muốn của về chính mình. Nhưng theo ngôn ngữ thông thường, ta nói một ham muốn là ích kỷ nếu nó làm hại người khác, và bạn chẳng quan tâm đến người khác. Mặc

dù có hại cho người khác, bạn vẫn làm mọi cách để thoả mãn ham muốn đó. Bạn bị nói là ích kỷ nếu bạn chẳng quan tâm đến người khác, bạn chỉ biết chính mình.

Nhưng khi Đức Phật nói ham muốn là ích kỷ, ý nghĩa của Ngài khác hẳn. Ngài nói nếu ham muốn dựa vào ý tưởng của linh hồn, đó là ích kỷ. Thí dụ. Nếu bạn cho cả triệu đồng để xây nhà thương, hay cất trường học, hay cho đồ ăn và thuốc men cho người nghèo, không ai nói bạn ích kỷ cả.

Đức Phật nói nó ích kỷ - nếu có động cơ của linh hồn. Nếu nghĩ rằng cho nhiều tiền như thế bạn sẽ được công đức và sẽ được phần thưởng trên thiên đường, đó là ham muốn ích kỷ. Nó chẳng làm hại ai cả, mà thật ra, bạn được mọi người ghi ơn. Bạn sẽ được coi là một mạnh thường quân, một người đức hạnh, thánh thiện, đầy lòng từ bi. Nhưng Đức Phật sẽ nói yếu tố duy nhất để phán xét nếu ham muốn đó là ích kỷ hay không là động cơ của nó.

Nếu bạn cúng dường mà chẳng có động cơ gì cả thì không ích kỷ. Nếu có động cơ đằng sau, dù bạn ý thức hay không, là bạn sẽ được trọng thưởng ở đời này hay đời sau, đó là ích kỷ. Những gì do tự ngã thúc đẩy đều là ích kỷ. Nếu do cái tôi mà hành động thì ích kỷ. Nếu bạn thiền để được giác ngộ, đó là ham muốn ích kỷ.

Đức Phật thường nói với các đệ tử của Ngài: Mỗi khi thiền, sau khi thiền, hãy trả lại những gì mình nhận được, hãy trả lại cho vũ trụ. Nếu cảm thấy phúc lạc, hãy hướng về vũ trụ và đừng giữ lại như một bảo vật. Nếu cảm thấy hạnh phúc, hãy chia

sẽ ngay lập tức. Đừng bám lấy nó, nếu không, thiên của bạn chỉ là việc làm của cái tôi. Mục đích tối thượng của thiên là vứt bỏ cái ngã, cái tôi – đó là sự biến mất của tự ngã.

Đức Phật nói, *Vì bị thôi thúc bởi những ham muốn ích kỷ nên người ta đuổi theo danh vọng và phú quý. Nhưng khi được rồi, họ đã bỏ phí nhiều năm.* Có thể bạn có danh vọng, có tiếng tăm, có thể lực và được mọi người kính nể. Nhưng bạn đang làm gì vậy? Bạn có ý thức việc làm của bạn không? Bạn đã bỏ lỡ cơ hội tốt để chạy theo những cái tuyệt đối vô ích. Bạn đang thu thập rác rưởi, và bạn phí thời giờ và sức lực.

Ngài nói, *Nếu say mê danh vọng ở đời mà quên đường đạo.* Ngài gọi đạo của Ngài là “con đường” – pháp. Ngài nói đừng bận tâm về kết quả vì kết quả sẽ tự xảy ra. Bạn chỉ cần theo con đường đã mở ra; thậm chí bạn cũng chẳng cần lý do để tìm đến kết quả, mà sự vui thú khi thiên quán, khi cầu nguyện, khi bố thí cũng đủ rồi. Bạn tu đạo chỉ vì bạn vui thích, chẳng phải vì bạn được công đức gì, và đừng biến nó thành một dịch vụ buôn bán.

Thời gian như bóng bạc câu. Mỗi khoảnh khắc đi qua sẽ không bao giờ trở lại. Đức Phật nói: Đừng phí thời giờ vào những chuyện ngu xuẩn.

Danh vọng là ngu xuẩn, vô ý nghĩa. Thậm chí nếu cả thế giới biết đến bạn thì cũng chẳng làm bạn giàu thêm. Sao nó có thể làm bạn hạnh phúc được? Sao nó có thể giúp bạn thông minh hơn, tinh thức hơn, cảnh giác hơn, sống động hơn?

Vì bạn chẳng tu thân, Ngài nói, *bạn đã đi sai đường, và bạn phí sức một cách vô ích. Chẳng khác*

gì bạn đốt nhang. Dù thơm đến đâu cũng mặc, nó sẽ bị lửa của chính nó đốt cháy.

Đời sống là thế đấy – mỗi phút đã qua là bị đốt cháy. Bạn luôn luôn nằm trên dàn hỏa thiêu, bởi vì mỗi lúc thân chết càng đến gần, vì mỗi phút bạn càng ít sống động hơn. Cho nên trước khi cơ hội này qua đi, Đức Phật nói, hãy đạt đến trạng thái vô ngã. Thế thì sẽ không có cái chết; sẽ không có đau khổ. Được như thế thì bạn sẽ không cần danh vọng, thế lực, tiếng tăm.

Thật ra, càng trống rỗng bên trong, bạn càng chạy theo danh vọng, bởi vì nhờ nó mà bạn lấp đầy được khoảng trống ấy. Càng thiếu thốn bên trong, bạn càng đuổi theo phú quý bấy nhiêu, vì nó giúp bạn quên được sự nghèo túng ấy.

Tôi thường thấy rằng mỗi khi người ta thiếu tình yêu, họ sẽ ăn như heo. Mỗi khi gây gỗ với người yêu, mỗi khi không được yêu, hay không thể yêu, họ sẽ ăn cả ngày, chẳng biết ngon miệng hay không. Tại sao vậy? Tại sao họ phải ăn? Vì họ cảm thấy cô đơn, và sự trống trải ấy làm họ sợ.

Nếu được hạnh phúc bên trong, bạn sẽ không màng đến danh vọng. Chỉ những người bất hạnh mới tìm đến vinh hoa. Nếu đã biết chính mình là ai, cần gì ai phải biết đến bạn. Nhưng nếu không biết mình là ai, bạn sẽ muốn mọi người biết đến mình. Bạn sẽ thu thập ý kiến của người khác, những gì họ nghĩ về bạn. Và qua những ý kiến đó bạn sẽ có một nét đặc thù: “Phải rồi, đó là tôi. Người ta nói tôi thông minh nên tôi phải thông minh.” Bạn không chắc chắn lắm. Mà nếu bạn biết rõ, cần gì phải theo ý kiến của người khác?

Khi nhìn vào mắt người khác, bạn thấy mặt của mình trong đó. Bạn không thấy mặt của mình. Cho nên bạn xin xỏ, “Hãy nói tôi là ai. Hãy nói rằng tôi đẹp, rằng tôi dễ thương, rằng tôi có duyên.” Bạn có nhận ra sự xin xỏ của mình không? “Hãy nói về cơ thể của tôi, về tâm trí của tôi, về sự hiểu biết của tôi. Xin hãy cho tôi một vài lời!”

Bạn sẽ chộp lấy ý kiến của người khác. Nếu ý kiến không tốt, bạn sẽ tức giận. Người ấy làm hoen ố hình ảnh đẹp của bạn nếu nghĩ xấu về bạn. Nếu ý kiến ấy tốt, người ấy giúp bạn tô điểm thêm cái hình ảnh ấy, và bạn cảm thấy đặc ý hơn nữa. Bạn sẽ sung sướng khi có người vỗ tay. Tại sao?

Vì không biết mình là ai nên bạn phải tìm kiếm. Bạn tìm người mà hỏi, “Tôi là ai vậy? Hãy nói cho tôi biết.” Theo đó mà bạn dựa vào người khác. Một điều mỉa mai là họ cũng không biết họ là ai. Những tên ăn mày tìm nhau mà xin xỏ. Họ cũng tìm bạn mà xin. Đó là một sự lừa dối hổ tương.

Một ông gặp một bà và nói, “Cô đẹp quá! Có duyên quá!” Và cô ta đáp lại, “Tôi chưa gặp một ngày nào đẹp trai như anh.” Đó là sự lừa dối hổ tương. Họ có thể nói đó là tình yêu, nhưng đó chỉ là sự lừa dối lẫn nhau. Cả hai đều muốn có một đặc tính nào đó, và cả hai thoả mãn lẫn nhau. Mọi sự sẽ tốt đẹp, cho đến khi một trong hai cảm thấy chán ngấy và không muốn chơi trò bịp bợm ấy nữa. Lúc ấy thì tuần trăng mật đã kết thúc... và họ nói đến hôn nhân. Thế rồi cơm không lành, canh không ngọt. Chồng nghĩ, “Tôi ăn phải bùa mê, thuốc lú.” Vợ thì nghĩ, “Tôi bị ông ấy lừa.” Chẳng ai lừa bạn cả, trừ khi bạn sẵn sàng để bị lừa. Chẳng ai lừa ai cả, nếu họ không sẵn sàng để bị lừa, chờ để bị lừa.

Bạn không thể lừa được người đã biết mình là ai. Người ấy sẽ cười trước ý kiến của bạn. Người ấy sẽ nói, “Đừng phí thời giờ một cách vô ích. Tôi đã biết tôi là ai rồi. Bạn muốn gì thì cứ nói. Xin đừng quan tâm về tôi. Tôi đã biết tôi là ai rồi.”

Khi nội tâm đã dồi dào, bạn sẽ không chạy theo xa hoa, không đuổi theo quyền lực. Các nhà tâm lý nhận thấy rằng khi con người cảm thấy bất lực, họ đi tìm những biểu tượng của dục vọng để thay thế. Khi cảm thấy bất lực, có người muốn có xe thật đẹp để bù lại sự bất lực đó. Anh ta muốn chiếc xe đẹp nhất trần gian; thể lực của anh ta đã mất, đàn ông tính không còn nên anh ta muốn thay bằng cái khác. Anh ta sẽ cảm thấy khoái chí khi xe phóng như bay, như thể đang trong vòng tay người yêu. Vận tốc cho anh ta sức mạnh. Anh ta sẽ đồng nhất với xe. Các nhà tâm lý đã quan sát hiện tượng đó trong nhiều năm, là những người có mặc cảm tự ti luôn luôn có tham vọng lớn. Thật vậy, chẳng ai lao mình vào chính trị trừ khi người ấy có nhiều mặc cảm tự ti. Chính trị gia nói chung là những người có mặc cảm. Họ muốn chứng minh sự ưu việt của họ, nếu không họ không thể sống với cảm giác thua kém ấy. Điều mà tôi muốn nói đây là những gì không có bên trong, bạn sẽ thu thập những cái bên ngoài để bù lại.

Nếu trong nội tâm của bạn không thiếu gì cả, bạn sẽ thư giãn trong phúc lạc của mình. Được như thế bạn mới thấy được vẻ đẹp của mình. Chỉ như thế bạn mới biết mình là ai.

Đức Phật nói, “Người đời bám vào những của cải ở đời và những đam mê ích kỷ một cách mù quáng, đến nỗi họ đã hy sinh cả đời vì chúng. Họ

chẳng khác những đứa trẻ cố liếm những giọt mật đang dính trên lưỡi dao. Những giọt ấy không thể thoả mãn chúng, nhưng lưỡi của chúng có thể bị dao cắt.”

Ham muốn của bạn không thể thoả mãn được ở đời này. Đó là thế giới của mộng tưởng. Không gì có thể thoả mãn được, bởi vì chỉ có cái thực mới thoả mãn được. Bạn không thấy vậy sao? Khi ngủ mơ, bạn mở tủ lạnh mà ăn no nê. Dĩ nhiên, cái hay của nó là nó không làm xáo trộn giấc ngủ của bạn, nếu không, bụng đói sẽ không để bạn ngủ yên. Giấc mơ bù lại bạn cái bạn không có và giúp bạn ngủ được. Bạn cảm thấy, “Ta đã no bụng rồi.” Bạn đã lừa cơ thể của mình. Giấc mơ là tên lừa gạt. Khi tỉnh dậy bạn vẫn thấy đói bụng, bởi vì yến tiệc trong khi ngủ khác nào nhịn ăn. Yến tiệc và nhịn ăn cũng là một trong mơ, bởi vì mơ không có thực. Nó không thể giúp bạn thoả mãn được. Muốn hết khát phải có nước thật sự. Chỉ những cái hiện thực mới thoả mãn bạn được mà thôi.

Đức Phật nói bạn luôn luôn tạo cơ hội để làm tổn thương chính mình, nhưng bạn không thể được toại nguyện ở đời này. Có thể đôi lúc bạn nếm được vài giọt mật – ngọt, nhưng nguy hiểm và không hết thềm. Mà những giọt mật ong ấy lại được thoa trên lưỡi dao; rất có thể lưỡi bạn sẽ bị dao cắt đứt. Hãy nhìn những người đã có tuổi: Bạn sẽ thấy họ đầy thương tích; bản thể của họ chỉ có thương tích và lở loét. Khi một người chết, bạn không thấy một nụ cười trong bản thể, mà chỉ thấy những thương tích đã thối tha.

Nếu một người đã sống và không bị gạt gẫm bởi mộng mơ và những ham muốn giả tạo, sống

càng lâu người ấy càng trở nên hồn nhiên. Khi chết người ấy còn đẹp hơn nữa. Đôi khi bạn gặp một người già mà trong tuổi già còn đẹp hơn khi còn trẻ nữa. Hãy cúi chào người ấy – người ấy đã sống một cách chân thực, một đời sống nội tâm tràn đầy. Bởi vì nếu sống một cách chân thực, càng ngày bạn càng trở nên lỏng lẻo, và sự sáng ngời sẽ đến với bạn với đầy ân sủng. Một hào quang sẽ xuất hiện chung quanh bạn, và bạn trở thành đèn thờ của cái tối thượng, cái vĩnh hằng. Lý và sự phải vậy vì đời sống là một sự tiến hoá.

Nếu bạn không còn trẻ và trở nên xấu xa, đó là bằng chứng bạn đã liếm mật trên nhiều lưỡi dao – bạn đã bị thương nhiều lần. Tuổi già trở thành một sự thống khổ lê thê, và mấy người được nhắm mắt một cách an lành, bởi vì ít khi người ta thực sự sống. Nếu một người sống một cách thực sự - như thể ngọn nến cháy từ hai đầu – cái chết của người ấy sẽ là một hiện tượng vĩ đại, một cái đẹp tuyệt trần. Bạn sẽ thấy sự sống của người ấy rực sáng nhất khi chết. Lúc lâm chung người ấy trở thành một ngọn lửa cực mạnh. Toàn thể tinh anh của người ấy tập trung lại trong khoảnh khắc ấy; một nguồn sáng phát khởi từ bản thể của người ấy. Trước khi vĩnh viễn ra đi, người ấy sẽ ghi dấu lại cho đời.

Điều đó đã xảy ra khi Đức Phật nhập niết bàn. Điều đó cũng xảy ra với Mahavira khi Ngài lìa đời. Chúng ta không thể quên họ, không phải vì họ có quyền thế, họ chẳng là ai cả, nhưng chúng ta không thể quên họ được. Nói về lịch sử, họ chẳng làm gì cả. Gần như chúng ta có thể loại bỏ họ ra ngoài lịch sử, chúng ta có thể gạch tên họ ra khỏi lịch sử mà

chẳng có gì mất mát cả. Thật vậy, họ không hề hiện hữu đối với lịch sử thành văn; họ đứng bên lề lịch sử, nhưng chúng ta không thể quên họ được. Khoảnh khắc sau cùng họ đã để lại một huy hoàng cho nhân loại. Sự rực sáng sau cùng của họ đã cho chúng ta thấy những khả năng vô hạn của chúng ta.

Thấy Và Tin

Đức Phật lập đi lập lại cho các đệ tử của Ngài, “*thi passiko*: hãy đến và xem.” Họ là những người có đầu óc khoa học. Phật Giáo là tôn giáo hợp khoa học nhất trên thế gian này. Cho nên Phật Giáo càng ngày càng được nhiều người tin theo. Khi nhân loại trở nên thông minh hơn, Đức Phật sẽ trở nên quan trọng hơn nữa. Nhất định phải vậy. Khi nhiều người biết về khoa học Ngài sẽ trở nên hấp dẫn đối với họ hơn, bởi vì Ngài hợp với những tâm hồn khoa học. Ngài thường nói, “Những gì ta nó có thể thực hành được, và ta không nói, ‘Hãy tin như thế,’ mà ta nói, ‘Hãy thí nghiệm điều ta nói, hãy kinh nghiệm chứ đừng tin.’ Ngoài ra chẳng có gì để phải tin cả.”

Tắt ngọn nến

Một điểm đặc biệt của Đức Phật mà chúng ta cần phải hiểu là Ngài đã dùng chân không, trống rỗng để diễn tả kinh nghiệm tối thượng. Những đạo sư khác đã dùng sự đầy đặn để phát biểu kinh nghiệm tâm linh ấy.

Tại sao Đức Phật đã chọn thuật ngữ tiêu cực ấy? Điều đó vô cùng quan trọng cho sự tăng trưởng tâm linh của bạn, chẳng phải vì lý do triết học. Tôi chẳng quan tâm về các vấn đề triết học. Tôi chỉ bàn những vấn đề có giá trị hiện thực.

Ý tưởng về sự đầy đặn, ý tưởng về Thượng Đế, về sự toàn thiện, về tuyệt đối, về sự tối thượng đều là những từ ngữ tích cực. Những thuật ngữ đó đã làm Đức Phật sửng sốt khi nhận ra sự xảo quyệt của tâm trí con người...

Những nhà huyền môn khác đã vô tình dùng những danh từ tích cực đó vì họ đã kinh nghiệm như thế. Sao phải bận tâm về những sự thống khổ đã qua? Sao không nói về những cái đang diễn ra? Họ nói từ kinh nghiệm bản thân của họ. Nhưng qua nhiều thế kỷ nó đã bị sự xảo quyệt của tâm trí con người lợi dụng.

Đối với tâm trí ma mãnh, ý tưởng về sự tràn đầy và những cái tên mỹ miều đứng đằng sau đã trở thành lý do để thoả mãn cái tôi: “Tôi đã trở thành Thượng Đế. Tôi đã đạt đến tuyệt đối. Tôi đã hợp nhất với cái tối thượng. Tôi đã đạt được giải thoát hoàn toàn.” Chữ “tôi” ấy trở thành trọng tâm của

mọi phát biểu của chúng ta. Cái khó khăn là bạn không thể lấy kinh nghiệm tối thượng để tha bỏ cái tôi. Cái tôi là một cản trở; nó không thể trở thành cầu nối được.



Đức Phật nhập Bát-Niết-bàn sau 45 năm hoằng pháp độ sinh

Những thuật ngữ tích cực đã bị lạm dụng. Thay vì phá huỷ cái tôi, chúng đã trở thành đồ trang trí cho nó. Thượng Đế trở thành một cái đích và bạn phải tìm đến. Bạn trở nên vĩ đại hơn cả Thượng Đế

nữa. Lý do là đích không thể lớn hơn bạn được. Cái đạt được không thể lớn hơn người đạt được. Điều đó rất dễ hiểu.

Mọi tôn giáo đều thất bại vì sự hỗn nhiên của các nhà huyền môn.

Đức Phật đã hiểu rõ hơn ai hết. Ngài là người được giáo dục nhiều nhất, thông thái nhất, và đã trở thành một đạo sư. Trong toàn thể lịch sử không ai có thể so sánh được với Ngài, bởi vì Ngài đã thấy được sự hỗn nhiên của các nhà huyền môn đã bị tâm trí xảo thuật lợi dụng.

Vì vậy, Ngài gọi điều tối thượng là chân không, trống rỗng – *shunyata*, số không. Làm cách nào cái tôi lấy cái không để khoe khoang được? Thượng Đế có thể được dùng làm đích, nhưng cái không thì nó bó tay. Ai muốn trở thành cái không nào? Đó là một nỗi sợ. Ai ai cũng muốn tránh bằng mọi cách để không trở thành số không. Thế mà Đức Phật lại dùng nó để nói về điều tối thượng.

Chữ mà Ngài dùng là *niết bàn*.

Ngài đã chọn một chữ thật tuyệt đẹp. Và Ngài đã làm các tư tưởng gia và triết gia sùng sốt bằng cách dùng chữ niết bàn ấy để diễn tả cái kinh nghiệm tối thượng. *Niết bàn* nghĩa là “*tất ngon nết*.”

Các nhà huyền môn khác nói rằng bạn trở nên rực sáng, như thể một ngàn mặt trời đã mọc bên trong, như thể bầu trời đầy sao đã nằm trong trái tim của bạn. Những ý tưởng đó đánh thức cái tôi. Nó muốn trăng sao nhảy múa trong lồng ngực để mà le lối với đời.

Đức Phật đã cắt tận gốc rễ trò chơi đó khi nói rằng kinh nghiệm ấy như thể bạn tắt ngọn nến. Ngọn lửa nhỏ của nến tạo ra một vùng ánh sáng nhỏ. Và khi nó tắt, bạn sẽ chìm vào bóng tối mênh mông.

Nhiều người nói với Ngài, “Nếu Ngài tiếp tục dạy như thế, chẳng ma nào dám theo Ngài. Ai muốn sự tối tăm chứ? Chắc Ngài điên rồi chẳng? Ngài nói rằng kinh nghiệm tối thượng là cái chết tối thượng. Trong lúc người người nói về sự sống vĩnh cửu, Ngài lại nói về cái chết vĩnh viễn.”

Nhưng Ngài không hề mâu thuẫn. Trong bốn mươi hai năm Ngài không ngừng thách đố các thiên tài đông phương, và không hề nhượng bộ cái tôi. Ngài cũng thừa biết cái mà Ngài gọi là bóng tối vì nó quá sáng, đến nỗi nó trông như thể bóng tối. Bạn nghĩ gì khi một ngàn mặt trời mọc bên trong. Bạn có thấy quá sáng không? Bạn sẽ thấy chói mắt; bạn sẽ cảm thấy vô cùng tối tăm. Hãy nhìn vào mặt trời vài giây là mắt của bạn sẽ mở không ra. Nếu một ngàn mặt trời mọc bên trong bạn, bên trong tâm trí, bạn sẽ cảm thấy tối tăm, không phải sáng rực.

Phải mất một thời gian bạn mới quen; bạn phải chờ cho mắt đủ mạnh, một cách chậm chạp, thì tối mới trở thành sáng, trống rỗng mới trở nên tràn đầy. Nhưng Ngài không hề nói về những điều ấy. Ngài không hề nói tối sẽ trở thành sáng. Và Ngài không hề nói sự chết sẽ phục sinh sau này, bởi vì Ngài hiểu rõ sự xỏ lá của cái tôi. Nếu Ngài nói như thế, nó sẽ tự nhủ, “Thế thì chẳng có vấn đề gì. Mục đích của chúng ta vẫn không thay đổi; ta chỉ cần vượt qua một đêm tăm tối của linh hồn. Và cuối cùng ánh sáng sẽ trở lại như thể một ngàn mặt trời.”

Đức Phật đã phải phủ nhận sự hiện hữu của Thượng Đế. Không phải là Ngài đã chống lại Thượng Đế. Người như Ngài không thể chống lại Thượng Đế. Mà nếu Đức Phật không chấp nhận Thượng Đế, sự cổ võ của người khác về Thượng Đế cũng chẳng đáng kể. Sự quả quyết của Ngài đã vạch ra một hướng đi cho nhân loại; Ngài chính là linh hồn của chúng ta. Nhưng Ngài không chống lại Thượng Đế mà phủ nhận cái tôi, và Ngài đã cẩn thận không cho cái tôi một cơ hội để tồn tại. Nếu Thượng Đế được dùng để chống đỡ cái tôi, thì không có Thượng Đế còn hơn.

Một điều chúng ta đã học được là, mặc dù là người đầu tiên đã dùng những thuật ngữ tiêu cực, Ngài phải là người có sức thu hút lạ lùng. Hàng triệu người đã theo bước chân của Ngài. Biện tài vô ngại của Ngài đã thuyết phục được người nghe. Thiện để làm gì, khổ hạnh làm gì, ly gia cắt ái làm gì, ăn ngày một bữa làm gì... để rồi cuối cùng trở thành hư không, biến thành số không? Vậy thì đừng thiện, đừng khổ hạnh còn hơn. Nhưng một điều chắc chắn là khi trở thành số không, sẽ không có người để đau khổ nữa. Nhưng có gì đặc biệt đâu?

Ngài đã thuyết phục mọi người, không phải vì triết lý của Ngài, mà vì sự tỉnh thức của Ngài, sức hấp dẫn của Ngài. Ngài đã giúp mọi người tự kinh nghiệm để họ có thể hiểu. Sự trống rỗng ấy chỉ đúng với thế gian, với cái tôi, nhưng đối với bản thể con người thì lại là một sự phong phú, đầy đặn.

Có nhiều lý do để ý tưởng của Đức Phật biến mất khỏi Ấn Độ, nhưng từ ngữ tiêu cực là lý do quan trọng nhất. Những thiên sư, những học giả, những nhà huyền môn Ấn điều dùng những thuật

ngữ tích cực. Nhiều ngàn năm trước Đức Phật, Ấn Độ đã quen với những ý tưởng tích cực, những từ ngữ tiêu cực không ai nghe bao giờ. Họ đã theo Ngài vì tác động mạnh mẽ của Ngài, nhưng khi Ngài nhập diệt, số người theo Ngài cũng giảm đi rồi biến mất – bởi vì tín đồ của Ngài không được thuyết phục về mặt trí thức. Họ có thể cảm nhận được chân lý qua con người của Ngài: “Nếu Ngài có thể tự tại trong sự trống rỗng như thế, nếu trở thành số không mà phúc lạc như thế, nếu không có linh hồn mà được ân sủng như thế, chúng ta sẽ sẵn sàng theo gót chân của Ngài. Ngài phải có ma lực, có bí mật nào đó.”

Nhưng xét về mặt triết học thì Ngài khó thuyết phục bạn lắm, bởi vì cái tôi của bạn chẳng thấy gì hấp dẫn cả.

Phật Giáo phát triển mạnh ở Trung Quốc, ở Tích Lan, Miên Điện, Nhật, Hàn Quốc, Đông Dương, Nam Dương – khắp Á Châu, chỉ trừ Ấn Độ - bởi vì Phật Giáo tại đó đã bỏ những từ ngữ tiêu cực. Họ đã dùng lại những thuật ngữ tích cực như *đắc đạo, tối thượng, tuyệt đối, toàn thiện...* Họ đã phải thỏa hiệp. Cho nên đối với tôi, Phật Giáo đã chết theo Đức Phật. Những gì ta biết về Phật Giáo ngày nay chẳng có gì liên quan với Đức Phật cả, bởi vì Phật Giáo đã bỏ hẳn những đóng góp cơ bản nhất của Ngài, đó là cách tiếp cận tiêu cực.

Tôi biết rất rõ cả hai truyền thống, tích cực và tiêu cực, nhưng tôi được may mắn hơn Đức Phật. Ngài hiểu rõ là cái tôi có thể lợi dụng những từ ngữ tích cực.

Và đó là sự đóng góp vĩ đại nhất của Ngài. Ngài đã bỏ cái tích cực mà nhân mạnh tiêu cực, và biết rõ là nhiều người sẽ không theo Ngài, bởi vì điều đó không hấp dẫn lắm đối với cái tôi.



Niết bàn nghĩa là “tắt ngọn nến.”

Cả hai truyền thống ấy đã mở ra cho chúng ta. Tôi biết rõ là phương pháp tích cực đã bị cái tôi lợi dụng. Và tôi biết chuyện gì đã xảy ra cho phương pháp tiêu cực. Sau cái chết của Đức Phật, các đệ tử của Ngài đã phải thoả hiệp; họ đã nhượng bộ chính những cái mà Đức Phật đã bác bỏ.

Cho nên tôi đã cố gắng giải thích cả hai cách tiếp cận – trống rỗng đối với thế giới, và tràn đầy đối với kinh nghiệm tâm linh. Phương pháp này bao gồm cả hai: bàn về những cái phải loại bỏ, và phân tích những lợi ích sẽ đạt được. Những cách tổng

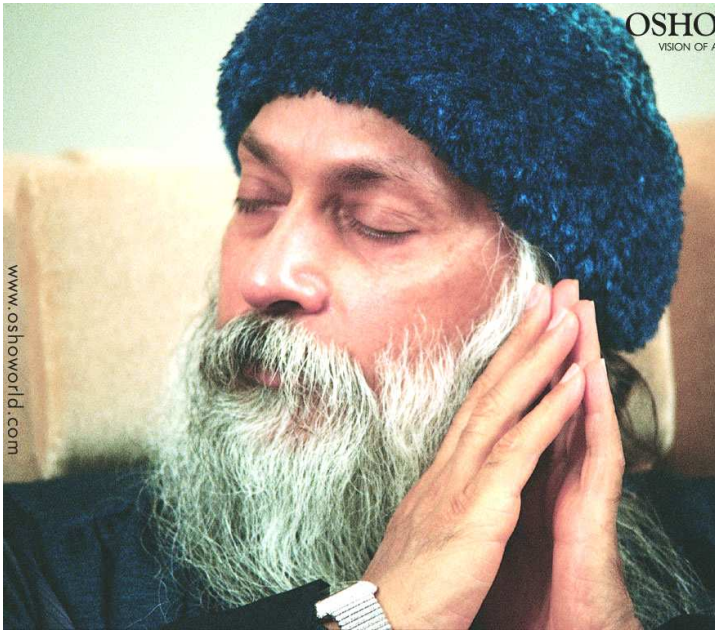
hợp ấy cho đến nay không được áp dụng một cách triệt để. Mahavira, Shankara, Moses, Mohammed đều dùng cách tích cực. Đức Phật dùng cách tiêu cực. Tôi đón nhận cả hai mà không thấy có gì mâu thuẫn cả. Nếu hiểu tôi thật rõ ràng, bạn có thể ngưỡng mộ cái đẹp của cả hai truyền thống. Nhưng bạn phải tránh không để cái tôi lợi dụng, và đừng sợ hãi trước cái chết, sự tối tăm và trống rỗng. Chúng chẳng mâu thuẫn nhau. Như thể một ly nước chỉ đầy có một nửa, và bạn nói hoặc nó đầy một nửa, hoặc vơi một nửa thì cả hai đều sai, bởi vì nhìn từ một khía cạnh thì nó vơi, và từ góc cạnh khác thì nó đầy.



Một nửa đời của bạn thuộc về thế tục, nửa kia là linh thiêng. Đó là một điều không may, nhưng chẳng có cách nào khác cả. Cho nên chúng ta phải sử dụng cùng một thuật ngữ cho cả thế tục và linh thiêng.

Cho nên bạn phải cảnh giác. Theo thế tục sẽ mất những cái thiết yếu. Nếu đuổi theo thế tục, bạn sẽ thấy sự trống rỗng của tâm linh. Nếu nghĩ về nó trong sự linh thiêng, bạn sẽ thấy nó thật là tràn đầy.

Về Osho



Osho là một đạo sư của thế kỷ hai mươi. Cuộc đời và giáo huấn của Ngài đã gây ảnh hưởng cho hàng triệu người, thuộc đủ mọi lớp tuổi trong mọi ngã đường trên toàn thế giới. Tạp chí *Sunday Times* ở Luân Đôn đã coi Ngài là một trong “1000 vĩ nhân của Thế Kỷ Hai Mươi” và tạp chí *Sunday Mid-Day* ở Ấn Độ đã coi Ngài là một trong *mười nhân vật đã làm thay đổi vận mệnh của Ấn Độ* - cùng với Đức Phật, Thánh Gandhi và cố Thủ Tướng Nehru.

Osho từng nói rằng công việc của Ngài là dọn chỗ cho sự xuất hiện của một lớp người mới. Ngài gọi loại người ấy là “Zorba the Buddha.” Người ấy biết tận hưởng những tiện nghi vật chất do kỹ thuật và khoa học tây phương đưa lại – mà đại biểu là Zorba Hy Lạp (Zorba the Greek), với một tâm hồn thanh thản và an nhiên tự tại của các thánh hiền đông phương – mà Đức Phật là một đỉnh cao.

Giáo huấn của Ngài bao trùm cả những chân lý vượt thời gian của đông phương lẫn những tiềm năng của khoa học và kỹ thuật tây phương.

Với gần 700 tác phẩm, bàn về mọi truyền thống đạo học của cả đông lẫn tây và các thánh nhân kim cổ, Ngài đã đóng góp rất nhiều cho cuộc cách mạng tâm linh của nhân loại.

Những phương pháp thiền của Ngài thường được phối hợp chặt chẽ giữa các khoa tâm lý trị liệu của tây phương và các phép thiền quán của đông phương. Ngài cho rằng con người hiện đại thường bồn chồn, nóng nảy, dễ cáu kỉnh, khó có thể ngồi yên mà ngồi thiền, cho nên phải có phương pháp để giúp cho tâm trí tĩnh lặng mới có thể định tâm mà thiền được. Đó là những phương pháp “thiền động” nổi danh của Ngài.



Sách đã xuất bản tại Mỹ

1	Kim Kim Cương	Như Không dịch	\$12
2	Đi Tìm Huyền Bí	Phương Việt dịch	\$12
3	Bát Nhã Tâm Kinh	Vạn Sơn dịch	\$15
4	Thiền: Con đường Nghịch lý, I		\$15
		Tâm Hà Lê Công Đa dịch	
5	Tình yêu và Hạnh phúc	Vạn Sơn dịch	\$10
6	Hạt Cải Trời, I	Vạn Sơn dịch	\$12
7	Đức Phật và Phật Pháp	Vạn Sơn dịch	\$11
8	Mưa Hoa	Minh Nguyệt dịch	\$13

Sách sắp xuất bản tại Mỹ

- 1 Tỉnh Thức - Minh Nguyệt dịch
- 2 Trục Chỉ Nhân Tâm - Minh Nguyệt dịch
- 3 Thiền: Con đường Nghịch lý, II Minh Nguyệt dịch

Sách đang bán tại Việt Nam

Con đường tôi con đường của mây trắng	1997
Biển chuyên Mật tông	1997
Ngón tay chỉ trăng	1997
Thiền là gì?	1997
Đi tìm điều huyền bí, tập 2	1998
Thiền định: Tự do đầu tiên và cuối cùng	1998
Kinh Kim Cương	1998
Tôi là lối cổng	1998
Nhịp đập của tuyệt đối	1998
Tâm Kinh	1998
Mưa rào không mây	1999
Nhạc cổ trong rừng thông	1999
Dhammapada: Con đường của Phật, tập 1	1999
Con thuyền không	1999
Tín Tâm Minh: Sách về chân không	1999
Từ dục tới Siêu tâm thức	1999
Từ Thuộc tới Thiền	1999
Cương lĩnh Thiền: Tự do với chính mình	2000
Tâm không: Hoa của vĩnh hằng	2000
Bồ đề đạt ma: Thiền sư vĩ đại nhất	2000
Và hoa đã mưa xuống	2000
Đạo: Ba kho báu, tập 1	2001
Kinh nghiệm Mật tông	2001
Bản kinh cuối cùng, tập 6	2001
Chiều bên kia cái biết	2001
Kỷ luật của siêu việt, tập 3	2002
Con đường bên ngoài mọi con đường	2002
Không nước không trăng	2002
Om Mani Padme Hum	2002
Nam Tuyền: Điểm khởi hành	2003
Triệu Châu: Tiếng gầm của sư tử	2003
Rinzai: Sư Tổ của điều phi lý	2003
Niết bàn: Con ác mộng cuối cùng	2004
Hành trình nội tại	2004
Trưởng thành: trách nhiệm là chính mình	2006
Từ thuộc đến thiền	2006